




ĐÀO HIẾU

**người
đàn bà
trên đời cổ**

TẠP VĂN

nhà xuất bản
 HOÀI NIỆM

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRÊN ĐỒI CỎ

Tác giả: **Đào Hiếu**

Tạ Văn

Hoài Niệm xuất bản

Ebook: **Cuibap**

Nguồn text: **daohieuvn.wordpress.com**

1.



NỮ GIỚI QUYẾN RŨ VÌ ĐÂU?

Nếu đời không có đàn bà thì đàn ông chỉ biết nhậu, coi đá banh rồi ... chết. Nếu trên thế giới số lượng đàn bà chỉ bằng một phần mười đàn ông thì mười ông Adam sẽ giành nhau một bà Eva, sẽ đánh nhau rồi cũng ... chết. Còn nếu như đàn bà nhiều hơn đàn ông như hiện nay thì đàn ông vẫn tiếp tục lai rai bỏ mạng vì bị đàn bà nó ghen, nó hành cho chết.

Nhưng tại sao quý ông cứ leo đèo chạy theo đàn bà?

Đó là vì đàn bà có sức quyến rũ.

Trước hết sự quyến rũ nằm ở làn da. Dân gian thường ví da cô gái đẹp trắng như tuyết, nhưng dưới con mắt của bác sĩ da liễu thì da trắng như tuyết là da bị bệnh bạch tạng (albinisme), tế bào da không có hắc tố (mélanine). Bệnh này rất khó trị. Vậy làn da đẹp phải trắng hồng, tươi nhuận, săn chắc, lỗ chân lông nhỏ và nếu có một chút lông tơ lại càng hay. Phụ nữ châu Âu da trắng quá nên họ muốn làm cho rám nắng bằng cách phơi nắng trên những bãi biển mùa hè.

Tuy nhiên cũng có những thiếu nữ da màu đồng. Làn da ấy đi đôi với cái dáng cao, thon thon, với mái tóc đen hoang dã sẽ gợi lên hình ảnh một thiếu nữ Digan huyền thoại.

Tiêu chuẩn sắc đẹp ngày nay trước hết là phải cao. Chiều cao cộng với số đo lý tưởng của ba vòng là niềm hãnh diện của nữ giới. Hiện nay có một câu nói được truyền miệng trong giới người mẫu thời trang: *"Người đàn ông thành đạt là người ra đường với một phụ nữ cao hơn mình"*. Còn tôi, tôi lại nghĩ rằng: *"người phụ nữ không thành đạt là người ra đường với một người đàn ông không cao hơn mình"*.

Nhưng khi người ta nói cao hay thấp, mập hay ốm thì cũng chỉ muốn tả cái dáng. Ra phốp, ồn ào, bụi bặm, nắng cháy, phụ nữ ai cũng che mặt kín mít như người Ả Rập, không thấy mặt nhưng vẫn thấy cái dáng. Vẫn bị sức hút của nó.

Lần đầu tiên Kim Trọng gặp Thúy Kiều cũng chỉ nhìn thấy cái dáng chứ

chưa nhìn rõ mặt vì chàng đang bận trò chuyện với Vương Quan còn hai cô Kiều thì đang "e lệ nép vào dưới hoa".

Tuy nhiên:

Bóng hồng nhác thấy nẻo xa

Xuân lan thu cúc mẫn mà cả hai

Mới nhìn thấy cái dáng từ "nẻo xa" mà đã bảo mặt mũi người ta "mẫn mà" thì rõ ràng là cái dáng đã bỏ bùa chàng Kim rồi còn gì!

Đó là nói về da và dáng người. Bây giờ sang tới răng và tóc.

Nói tới răng, thấy ớn lạnh. Nhưng bạn đã từng "được" một *hàm răng huyền thoại* cắn bật máu chưa?

Hãy bỏ ra mười năm đi khắp thiên hạ, tìm cô nương có hàm răng ngà ngọc ấy rồi quỳ xuống cho người ta ... cắn. Yên chí, bạn sẽ không bị lây bệnh dại đâu nhưng hãy coi chừng cú cắn đó sẽ làm bạn đau khổ suốt đời.

Người có hàm răng đẹp chắc chắn phải có cái miệng rất đẹp. Tôi vẫn nghĩ rằng miệng là bộ phận quan trọng nhất trên gương mặt một người nữ. Nếu người đời vẫn hay nói rằng: đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, thì cũng phải nói: miệng là cửa lớn của tâm hồn. Bởi vì một cái miệng tươi cười chính là lời chào, là sự làm quen, là sự khuyến khích. Chính cái miệng đã nhận lời hẹn hò, đã tỏ tình, và cũng chính nó nhận nụ hôn đầu tiên của ta.

Khi nhớ về một người nữ tôi vẫn thường nhớ cái miệng chứ không phải đôi mắt.

Thế còn tóc?

Tóc mai sợi vẫn sợi dài

Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm.

Tóc mai là tóc gì mà quan trọng vậy? Người xưa hay để tóc mai dài ở thái dương, vuốt cong lên hai bên má, có khi xoắn lại như cái lò xo. Người có tóc mai đẹp chắc chắn sẽ có mái tóc đẹp. Tóc dày như rừng. Tươi mới. Thanh xuân. Mạnh mẽ. Cuồng nhiệt. Thử hỏi làm sao không thương hoài ngàn năm cho được.

Cuối cùng là đôi mắt.

Sách tướng số ghi:

Những người ti hí mắt lơo

Trai thời trộm cắp gái buôn chồng người.

Thật ra mắt lơo hay mắt phượng là vấn đề nhân chủng học, chẳng dính

dáng gì tới tướng số. Người Hàn Quốc, người Nhật đa số là mắt lươn mà họ rất văn minh, rất đáng yêu. Cái quan trọng không phải là mắt lươn hay mắt phượng mà chính là cái "thần" của con mắt.

Tây Thi, Vương Chiêu Quân, Điều Thuyền, Dương Quý Phi là tứ đại mỹ nhân trong lịch sử Trung Quốc có "*cái thần của con mắt*" ấy. Họ liếc một cái nghiêng cả thành quách, liếc cái thứ hai sụp cả chế độ (nhất cố khuynh thành, tái cố khuynh quốc).

Con gái Việt Nam cũng không hiếm mắt một mí, nhưng có chàng thi sĩ kia cũng muốn phát rồ vì đôi mắt ấy:

*Mắt một mí vì không cần hai mí
Một mí thôi cũng đủ ngả nghiêng đời
Mắt hai mí tức là thừa một mí
Một mí thừa xin để lại cho tôi.*

Vậy thì sự quyến rũ trong đôi mắt đàn bà chính là cái ma lực bí ẩn. Có những ánh mắt như thu hồn người ta, có những đôi mắt quyến rũ đàn ông bằng sự tự tin, đằm thắm... Mỗi người đàn ông thích một ánh mắt khác nhau nhưng những người đàn ông có tật đá lông nheo thì chỉ thích những ánh mắt lẳng lơ, còn các chàng hay dụ dỗ gái vị thành niên thì lại ưa sưu tầm những cặp mắt nai tơ ngơ ngác...

Tóm lại, mỗi kiểu mắt có sự quyến rũ riêng, chỉ trừ những ánh mắt vô hồn, thờ ơ, tẻ nhạt thì chắc chắn không có người đàn ông nào thích.

Nhưng một người phụ nữ quyến rũ thực ra không nhất thiết phải hội đủ những tiêu chuẩn về cái da, cái dáng, về "*răng hàm mắt*" hay "*tai mũi họng*" ... mà có khi chỉ cần một cái miệng cười.

Đôi khi gặp một người phụ nữ không có gì đặc sắc. Mà ta vẫn yêu.

2.



KẸ ĐỊCH TRONG NHÀ BẾP

Có những người đàn ông rất hào phóng, thấy bạn bè nghèo không có chỗ ở liền mời về nhà ở chung, vô quán nhậu nhớ bạn hiền cũng bấm phone rủ đến lai rai ba sợi, có cái xe hơi, bạn muốn mượn, cứ lấy đi thoải mái. Loại đàn ông ấy trên đời này không phải là hiếm.

Nhưng có một thứ mà người đàn ông không bao giờ chịu chia sẻ với ai, đó là vợ mình. Chỉ cần một câu nói, một cái liếc mắt là anh chồng đã "xù lông" lên, sẵn sàng chiến đấu.

Vậy mà có một gã từ nhiều năm nay đã phải chia sẻ bà vợ duy nhất của mình cho một người đàn ông khác mà không hề than thở. Gã này là một quan chức nhà trời, có quyền gặp trực tiếp Ngọc Hoàng để báo cáo tình hình dưới trần gian mỗi năm.

Đó chính là ông Táo.

o

Dân Việt Nam ta, hễ cứ đến ngày 23 Tết là cúng ông Táo, đốt vàng mã, lưu luyến tiễn ngài về trời mà không hề xét lý lịch xem ông ta là ai, có đáng để cho ta tin cậy và tôn kính đến như thế không?

Trước hết, ông ta là một thằng bất tài vì trên thế gian này dù sang hay hèn, dù giàu hay nghèo, dù quân tử hay tiểu nhân... ai ai cũng có một bà vợ, chỉ riêng ông Táo là không thể có. Ông ta phải chia sẻ vợ với một táo quân khác trong nhiều ngàn năm nay. Và như thế thực chất ông ta chỉ có nửa bà vợ.

Táo quân còn là một thằng hèn vì đã không đủ dũng khí để giành vợ mình khỏi tay người khác. Đêm nào ông cũng nguyền rủa nhìn vợ mình "quần quai" dưới ách xâm lược của người đàn ông khác mà không dám hé nửa lời.

Bất tài, hèn lại còn khiêu dâm nữa! Có lần Táo quân từ nhà bếp ra chợ để mua một con cá chép làm phương tiện bay về trời, ông ta bị quần chúng phát hiện đang ... ở trường! Lũ con nít chạy theo tốc áo lên coi, Táo quân giật quá rút đôi

hĩa ra ném, tụi nhỏ vừa bỏ chạy vừa cười nhạo.

Nhưng chúng ta hãy bỏ qua cái chuyện Táo quân ở trường ra phố đi, vì dẫu sao cái mốt "đội mũ mang hĩa chẳng mặc quần" cũng là đồng phục của nhà Táo.

Hãy sang một vấn đề khác.

Xưa nay ai ai cũng kính trọng Táo quân vì nghĩ rằng ông ta đứng về phía lẽ phải, hàng năm đều có dâng sớ lên Ngọc Hoàng Thượng Đế để tố cáo tham nhũng và những tệ nạn khác dưới trần gian, nhưng sự thật là Táo quân chỉ báo cáo những vụ bê bối lật vặt ở trong...bếp như anh chồng ăn vụng với cô sen, bà chủ tò te với anh tài xế, còn những vụ tham nhũng lớn tầm cỡ quốc gia, trị giá hàng trăm hàng ngàn tỷ đồng thì ông ta đếch dám động tới. Kết quả là tham nhũng và tệ nạn ngày càng nhiều, lộng hành trên khắp ViệtNam, vô phương cứu chữa.

Còn nữa, Táo quân là một kẻ tham quyền cố vị vào loại nhất thế giới. Quý vị chỉ cần điểm mặt một số kẻ tham quyền cố vị nổi tiếng của nhân loại thì sẽ rõ ngay: Này nhé, Fidel Castro làm vua xứ Cu Ba nghèo đói suốt 49 năm trời không chịu nhường cho ai, cuối cùng già quá, tay chân run rẩy, hết xú oách đành phải nhường ngôi cho...em trai mình. Kim Nhật Thành làm vua xứ Triều Tiên 46 năm và tự phong là "chủ tịch vĩnh cửu", cuối cùng trao ngai vàng cho con trai mình là Kim Jong-il, anh này còn chơi ngoạn mục hơn: đưa một thằng con nít miệng còn hôi sữa tên là Kim Jong-un lên làm đại tướng, ngồi chờ sẵn khi nào bố ra hiệu thì đặt mông vô ngai vàng liền, đố người nào tranh cướp được! Người thứ ba là Mao Xénh Xáng, ngồi trên ngai vàng 33 năm, cuối đời dùng mọi thủ đoạn trong Cách Mạng Văn Hóa để loại bỏ đồng chí mình, âm mưu đưa... bà xã Giang Thanh lên ngai, tiếc thay đã thất bại. Tóm lại, xưa nay "bám ghế" lâu nhất cũng bốn năm chục năm, chưa có ai bám ghế kỷ lục như Táo quân nhà ta. Từ khi có dân tộc ViệtNam, cứ tạm cho là đời Hùng Vương tới giờ, ông ta cứ giữ rịt lấy cái ghế Táo quân ấy suốt hơn bốn ngàn năm nay "một tấc không đi, một ly không rời". Và chắc chắn ngày nào còn dân Việt, có lẽ ông ta vẫn còn giữ chặt cái ghế đó.

Và vì suốt nhiều ngàn năm nay ông ta không chịu về hưu cho nên cứ được hưởng lương trăm phần trăm dài dài, chưa kể các khoản "lộc" khác như nhà, đất, đi du lịch nước ngoài... Và có thể nói Táo quân là anh cán bộ duy nhất trên đời này không bao giờ nghỉ hưu.

Nhưng ông ta làm công tác gì mà quan trọng đến nỗi không ai có thể thay thế được?

Chẳng qua ông ta chỉ là một tên chỉ điểm, tối ngày lẩn quẩn trong xó bếp rình rập nhà dân xem có ai phát ngôn bừa bãi, bôi xấu chế độ, xúc phạm lãnh tụ, xúc phạm lãnh đạo, xem có trang web nào phản động, có blog cá nhân nào chống Đảng, chống tham nhũng, độc tài, tay sai ngoại bang ... để lập báo cáo mật chờ đến cuối năm cứõ cá chép về trời, chạy thẳng vô đồn công an tâng công lấy điểm.

Như vậy, xét về tư cách thì Táo quân chỉ được không điểm, xét về đạo đức, người dễ tính cũng cho nửa điểm là cùng. Còn xét về trình độ văn hóa thì một thằng cha tối ngày chỉ biết "đội" đít nõi, chưa hề thấy hấn đi học bao giờ, thì chỉ có thể làm một tên chỉ điểm hạng bét mà thôi.

3.



PHÁ RỪNG VÀ TRỒNG RỪNG

Có anh bạn đi Trung Quốc về, nói: Hàng Châu đẹp quá. Hỏi: đẹp ở chỗ nào thì đáp: nó có nhiều rừng, rừng ở ngay trong thành phố, xanh mát, yên tĩnh. Công viên như rừng mà đường phố cũng như rừng, đặc biệt là rừng trúc.

Nhưng không phải chỉ có Hàng Châu, Singapore, Kuala Lumpur... mà cả Paris, Boston, Washington DC... đều có rừng ngay trong thành phố. Ý niệm "thành phố rừng" đã có từ lâu lắm. Khi triều đại các vua Louis bên Pháp xây dựng điện Versailles thì đó cũng là nơi rừng tiếp giáp rừng, các Sa hoàng xây Cung điện Mùa Hè ở Saint Petersburg cũng đã trồng cả những khu rừng bạt ngàn trong khuôn viên mệnh mông của mình.

Đà Lạt của Việt Nam cũng là một thành phố rừng. Nhưng đó là Đà Lạt của ngày xưa, thuở người ta còn biết quý rừng, biết trân trọng từng ngọn thông, từng tán lá. Ngày nay Đà Lạt đang bị "quy hoạch" phân lô, bán nền nhà... Rừng bị đẩy lùi về phía xa, phía những dãy núi...

Nhật Ký Đỗ Thọ có kể một giai thoại: Ngày nọ, tổng thống Ngô Đình Diệm lên nghỉ mát ở Đà Lạt. Buổi sáng như thường lệ ông mở cánh cửa sổ để ngắm rừng thông thì ngạc nhiên khi nhìn thấy một khoảng trống ở cuối tầm mắt. Ông gọi điện thoại cho thị trưởng Đà Lạt. Thị trưởng sợ quá, lập tức có mặt. Vừa đẩy cửa bước vào, chưa kịp vái chào "cụ" thì cái gạt tàn thuốc đã bay thẳng vô mặt. Không dám né tránh, thị trưởng run rẩy thưa: "Bẩm cụ, cụ có điều chi dạy bảo?". Ông Diệm hét lên: "Ai chặt rừng?!".

Phải chi chúng ta cũng biết yêu rừng như tổng thống Ngô Đình Diệm thì hy vọng có thể cứu được Đà Lạt.

o

Bạn tôi là giáo viên cấp ba, sau 75 bị "mất dạy" chuyển nghề chạy xe ôm. Từ Quy Nhơn anh bạn tốt lên Gia Lai kiếm sống. Ngày ngày anh chở dân buôn qua lại, dọc biên giới Campuchia, Lào. Đó là các chị buôn thuốc lá, nhu yếu phẩm, đồ

là các tay lâm tặc vô rừng buôn gỗ lậu, cần những tay lái gan dạ thuộc lòng các trạm kiểm lâm, luồn lách, băng rừng vượt suối vào sâu trong rừng giao dịch làm ăn với các "đối tác" sơn lâm khác.

Đồng nghiệp và cũng là đồng hương của anh là một gã hồi nhỏ bị "té vô thùng đình" nên mặt lồi lõm trông rất ngầu. Gã có một chiếc BS tức là chiếc xe máy hiệu Bridgestone hai thì chạy xăng pha nhớt. Loại xe này rất đặc dụng đối với đường rừng hiểm trở vì nó chạy mát máy. Những tay lâm tặc có vẻ ưa chuộng gã hơn anh bạn tôi vì gã rất dày dặn và quan trọng hơn: gã hiểu biết nhiều về gỗ của rừng Gia Lai, tất nhiên không phải nhờ vào trình độ văn hóa cấp hai của gã, mà nhờ đã lăn lộn với nghề chửa xẻ gỗ nhiều năm trên địa bàn này.

Các tay lâm tặc từ các nơi về Gia Lai tìm mua gỗ vừa nhờ gã đưa rước vừa nhờ gã mách nước cho chỗ nào có loại gỗ quý mà bọn họ cần mua. Ban đầu các lâm tặc chỉ trả tiền xe ôm, cộng chút ít tiền "bo", về sau thấy gã xe ôm nọ lanh lợi quá, đặc dụng quá, thấy vai trò của gã như một cố vấn, chẳng những về nghề gỗ mà còn về cách luồn lách tránh né hoặc mua chuộc kiểm lâm nên các đại gia buôn gỗ nọ phải thỏa mãn một số yêu sách của gã, chẳng hạn như khi chở gỗ về đồng bằng, họ bằng lòng cho gã "ké" chừng 5 hoặc 10 mét khối gỗ của gã.

Nhờ khai thác nhiều đại gia như thế nên gã đã đưa ra thị trường khá nhiều gỗ mà không cần xin giấy phép gì cả. Gã trở nên giàu có. Gã từ già nghề chạy xe ôm và trở thành một tay buôn gỗ lậu chuyên nghiệp.

Nhưng bước ngoặt đời gã bắt nguồn từ khi gã trúng đợt gỗ pơ-mu.

Pơ-mu (fokienia) là một loại gỗ rất quý hiếm, còn có tên gọi là "bách Phúc Kiến" mùi thơm, vân gỗ đẹp, nhìn bề ngoài nó rất giống gỗ thông nhưng trong khi thông là một thứ gỗ xấu, chỉ dùng làm giàn giáo, đóng bàn ghế loại bình dân thì pơ-mu là gỗ quý, không hề bị mối mọt, bền chắc, người ta dùng nó để chế tác các mặt hàng gỗ mỹ nghệ và trang trí nội thất cao cấp, ngoài ra rễ cây pơ-mu còn có tinh dầu rất quý được chưng cất dùng trong ngành hóa mỹ phẩm và trong y học. Cây pơ-mu đã được đưa vào sách đỏ Việt Nam năm 1996 vì đang có nguy cơ tuyệt chủng.

Khi phát hiện ra loại gỗ này, gã đã trà trộn nó với gỗ thông và kiếm lời gấp trăm lần số vốn bỏ ra. Có thể nói gỗ pơ-mu là chiếc đĩa thần đưa gã lên hàng đại gia từ đó.

Khi đã có nhiều tiền, gã loại bỏ các đối thủ như chi Tư, chị Bạch... làm bá chủ vô lâm, phô trương thanh thế, mua chuộc, cấu kết với giới cầm quyền các cấp,

kinh doanh nhiều lĩnh vực khác như đá granit, địa ốc...

Hệ thống ngân hàng trở thành đồng minh thân cận của gã.

Các dịch vụ của gã nghe thì to lớn, "tầm cỡ" "đẳng cấp"... nhưng thực chất là chặt rừng bán gỗ làm giàu.

Còn anh bạn giáo viên của tôi, đồng nghiệp của ngài lâm tặc kia thì nay đã trở lại nghề dạy học. Và thỉnh thoảng trong chút men rượu, anh cũng không quên "khoe" mình từng là chiến hữu của đại gia đó!

Cây đước tự mọc thành rừng trong nhiều ngàn năm. Lửa trời cũng từng đi qua trong những mùa khô hanh, đốt phá rừng. Chiến tranh cũng từng đến, bom lân tinh thiêu rụi từng mảng, rồi con người chặt cây làm nhà, hầm than, thả bè trôi về phố chợ làm vật liệu xây dựng. Nhưng những khu rừng ngập mặn vẫn tồn tại. Cây đước tự phát triển, biết cách để sinh tồn, biết sinh đẻ, nhân giống, biết xếp hàng thành rừng. Những thế hệ rừng nối tiếp, sinh rồi diệt, diệt rồi sinh cũng giống như cỏ trên thảo nguyên mệnh mông không ngừng sinh diệt mà vẫn tồn tại.

Cây đước già ra hoa kết trái. Trái nó dài chừng hai gang tay, mình tròn, treo lủng lẳng như những trái dưa chuột dài ốm nhách. Hàng triệu trái đước đông đưa chực chờ phía trên mặt nước, phía trên mặt bùn nhão, như một thế hệ đông đảo những cư dân mới, sẵn sàng thả mình cắm phập một đầu xuống bùn để xác định chỗ đứng, xác định sự góp mặt của mình trên mặt đất.

Từ chỗ vừa "cắm dùi" ấy, chúng sẽ lớn lên thành khu rừng mới, vươn những ngón chân dài bầu vào đất, bám trụ vững chắc như "kiền ba chân", thân thì ngoi lên khỏi mặt nước, mọc ra những cái nhánh, phủ xanh một vùng lãnh thổ.

Mặc cho con người tàn phá, rừng vẫn tự tái tạo, vẫn sống và ôm ấp, bảo lãnh, che chở cho cả một hệ sinh thái đa diện dưới chân nó: con người, con cua, con còng, con cá. Và chim chóc, khỉ, rắn, cá sấu. Và ong.

Cũng có khi, do tham vọng, con người hối hả tàn phá rừng với tốc độ nhanh gấp mấy lần một chu kỳ sinh trưởng. Rừng hỏ lửng, lạnh gáy, lạnh xương sống. Rừng thấy trống trải và yếu đuối trước những cơn bão, những trận lũ quét, những mưa nguồn.

Rừng hấp hối.

Rừng Tây Nguyên cũng hấp hối. Những dãy núi chết phờ tảm da màu huyết dụ giữa trời. Con người lột da rừng, trơ ra lớp thịt bầm dập bị hun khói

nám đen. Đó là những khu rừng ở Tây nguyên đã bị hỏa thiêu ngay trước mắt tôi, nằm chết khô giữa tro than và đất cằn, vụn nát.

Rừng Cà Mau cũng đang bị tàn phá theo từng thời vụ: nó đang trở thành nguồn cung cấp vật liệu xây dựng cho những thành phố, nguồn than cho những khu dân cư...

o

Vậy mà từng ngày vẫn có những cô gái nhỏ chèo xuồng dọc theo những con nước len lỏi giữa rừng già, một tay quấy mái chèo, một tay gom những trái đước già đang nổi trôi trên mặt nước đục.

Những chiếc xuồng lặng thầm nối đuôi nhau đi nhặt những trái đước. Những chiếc xuồng không chở trăng sao, không chở tao nhân mặc khách. Những chiếc xuồng đi nhặt sự sống của rừng, những chiếc xuồng đi gom góp một thể hệ mới cho đất.

Và sau đó là những đôi chân khăng khiu, đen đũi, lội trong nước mặn, trong bùn sinh tròng từng mầm sống xuống đất đen.

4.



NHỮNG KIỂU ĂN XIN TRÊN THẾ GIỚI

An mặc rách rưới, thấy khách bộ hành đi đến thì chìa tay ra, chìa cái mũ ra, dọn sẵn một bộ mặt bi thương, chuẩn bị một giọng nói thống thiết. OK. Đó là diễn xuất của những người ăn xin thông thường.

Khi lối diễn ấy không có hiệu quả, người ăn xin thường dùng cả thuật hóa trang. Dùng cả đạo cụ. Thuốc đỏ, bông gòn và băng dán có thể dễ dàng biến một cái chân lành lặn thành ghẻ lở, đầy thương tích. Khi bị cảnh sát rượt đuổi, họ có thể chạy rất nhanh nhưng sau đó lập tức biến thành một gã què, lê lét vỉa hè, đầu chơ, miệng hát nghêu nga những lời ai oán.

Người khó tính có thể lật tẩy họ bằng cách giật tung những bông băng để chứng minh với thiên hạ rằng họ đang đóng kịch, đang lừa bịp, nhưng người dễ tính thì nói: "Cứ coi như đó là một cái nghề. Họ cũng đóng kịch như ai, có điều tư thế của họ hèn kém hơn, họ không có sân khấu, không có bục diễn, họ chỉ có vỉa hè, xó chợ vì thế mà họ chỉ 'lượm bạc cắc'."

Lại có loại người ăn xin có chút tài năng. Một người què nhưng biết hát, người kia mù lại biết đàn. Người hát có khi còn cầm một cái sãn để đánh phách. Sãn diễn của họ thường là các quán ăn bình dân. Họ đi từng bàn, người hát người đệm đàn, giúp vui. Họ có vẻ chuyên nghiệp hơn những bạn diễn ở vỉa hè, đầu chợ. Ở châu Âu "loại hình nghệ thuật" này khá phổ biến. Tại nhà ga Paris Nord bạn có thể nhìn thấy một cô bé trạc mười hai mười ba tuổi, gốc Đông Âu, chơi đàn vĩ cầm trong một buổi sáng giá lạnh. Trong lòng chiếc mũ nỉ của cô bé cũng có được mấy đồng bạc cắc. Bên Đức tại thành phố Dresden cổ kính người ta cũng dễ dàng tìm thấy những người hát rong đứng trên hè phố vừa chơi violông vừa kéo phong cầm và có cả hắc tiêu. Âm nhạc của họ không ai oán, không than vãn, nhưng mục đích của họ cũng là xin tiền và khán giả của họ cũng là những khách bộ hành ngẫu nhiên đến và dừng lại một giây đủ để ném vào chiếc mũ nỉ hay chiếc mâm nhỏ những đồng bạc cắc.

Ở Việt Nam có những người tàn tật hoặc những em bé ốm đói chuyên nghề bán vé số dạo. Có người thương cảm, thay vì mua vé số lại cho tiền nhưng họ không nhận, họ chỉ cười, nói cảm ơn rồi bỏ đi. Nhưng cũng có người nhận tiền và đó cũng là một dạng ăn xin không chuyên nghiệp.

Lại có kẻ đóng vai các nhà sư khất thực, lợi dụng sự mộ đạo của quần chúng. Ở nhà họ có thể là một bợm nhậu, buổi tối họ có thể là một tay xí phé có máu me nhưng đứng chánh ngọ họ khoác áo cà sa đi chân đất, tay cầm bình bát và...xuống đường. Cách ăn xin này đòi hỏi phải có ngoại hình nhưng không cần phải diễn xuất gì nhiều mà chỉ cần "ngậm miệng ăn tiền" là đủ.

Đã có lần tôi rất xúc động trước hình ảnh một bà mẹ tả tơi bế đứa bé mắt đầy ghèn đang ngủ mê mệt, mặc cho ruồi bu đen kịt trên mặt. Bà mẹ run rẩy lê bước trên hè phố. Về sau có người bảo tôi rằng đó cũng là một màn kịch. Tôi cãi: "Nhưng đứa bé thì không thể đóng kịch được". Người nọ giải thích rằng đứa bé đã được cho uống thuốc ngủ để nó ngủ suốt ngày.

Trong các mùa thi, đi ngoài phố, chúng ta dễ bắt gặp một chàng trai trẻ ra dáng thư sinh, bước đến chào và nói: "Em ở miền Tây lên thi đại học, không may bị móc túi mất hết tiền bạc, giấy tờ. Em không biết làm sao trở về quê."

Tình cảnh như vậy thật đáng ái ngại. Nếu bạn gặp một người như thế bạn có sẵn sàng móc ví của mình ra không? Có nghĩa là bạn có tin đó là sự thật?

Vài người hỏi tôi: "Bên Mỹ có người ăn xin không?" Tôi bèn kể cho họ nghe hai câu chuyện:

Chuyện thứ nhất là chàng nghệ sĩ vĩ cầm lừng danh thế giới Joshua Bell (chỉ riêng cây đàn của anh đã trị giá tới 3 triệu rưỡi đô la!), ngày nọ theo sáng kiến của báo Washington Post anh đã xuống đứng dưới hầm tàu điện ngầm Washington với chiếc mũ để ngửa trước mặt và kéo đàn vĩ cầm.

Trong suốt 45 phút, Bell đã biểu diễn sáu tiểu phẩm của Fritz Kreisler, Bach, Franz Schubert, Jules Massenet, Manuel Ponce. Và ngày hôm đó anh chỉ kiếm được 32 đô la và mấy xu lẻ. Đó là chưa kể một phụ nữ đánh giày gần đó than phiền là gã hành khất này làm ồn quá, chị ta đã mấy lần định gọi cảnh sát.

Chuyện thứ hai: ngày nọ tôi đến San Francisco, ở đó có những khu phố Tàu, nhà cửa san sát, kẻ qua người lại tấp nập như trong Chợ Lớn. Đang tản bộ an nhàn trên phố chợt nhìn thấy một gã Mỹ trắng đang nằm ngửa trên vỉa hè, hai bàn tay để sau gáy làm gối, mắt đeo kính đen, tai gắn earphone, bắc chân chữ ngũ,

nghe nhạc. Bên cạnh gã là một chiếc mũ cao bồi để ngửa, cạnh chiếc mũ là một tấm bảng nhỏ với dòng chữ: I'm not hungry, but I need one dollar to drink (tao không đói, nhưng tao cần một đô la để uống rượu).

Có lẽ chỉ ở Mỹ mới có kiểu ăn xin như thế. Nhưng kiểu đó cũng chưa "độc chiêu" bằng kiểu "xin đều" của giới vỉa hè Hà Nội. Muốn xin tiền ai chỉ cần khệnh khạng bước đến đứng trước mặt và nói: có tiền ủng hộ tí. Cho thì OK, không cho thì rút con dao bấm ra: Thế nào ông anh? Cho mượn cái ví?

Nhưng kiểu xin đều ấy cũng chỉ là chuyện vặt của giới giang hồ. So với quý vị lãnh đạo Bắc Triều Tiên thì chẳng ăn nhằm gì.

Các ông kẹ họ Kim không thèm rút dao bấm đâu. Họ móc ra một quả bom nguyên tử, thả thả trước mặt: Thế nào ông anh Huê Kỳ? ông anh Nhật Bản? Thế nào người anh em ruột thịt phương Nam? Gạo đâu? Nhu yếu phẩm đâu? Xi măng đâu? Thuốc Tây đâu?. Cho thì OK, không cho thì móc thêm một quả tên lửa, đánh diêm châm ngòi nổ, xịt khói tùm lum, vọt lên cao, có khi bay cái vù qua đầu anh Nhật Bản làm cho cô Geisha sợ té đái.

Tuy cái lối "xin đều" ấy có hơi "Chí Phèo" một chút nhưng lắm lúc cũng xin được tí gạo, mấy cục đường phèn và vài viên thuốc trụ sinh đã hết hạn sử dụng.

5.



NGƯỜI ĐÀN BÀ TRÊN ĐÔI CỎ

(ghi theo lời kể của Phượng và các con)

Năm đó chùa Tây Tạng ở Bình Dương có một vị Phật tên gọi là Tỳ Lô Giá Na và một cô tiên nhỏ tên là Annie Phượng. Buổi tối khi các tín hữu đã xong lễ về nhà, khi thầy trụ trì và các sư sãi đã tụng xong bài kinh Kim Cang Đảnh, khi rừng cây đã im lặng, mái chùa đã chìm khuất trong màn đêm... thì ánh sáng của hai vàng hào quang tỏa ra, ôm lấy ngôi chùa. Một vàng sáng màu tím nhạt, ấm áp của đức Phật và một vàng sáng trắng tinh khiết của Phượng.

Hào quang của Phượng tươi mới, rực rỡ như một khóm hoa lung linh trong sân chùa. Annie Phượng không phải là ni cô, không đi tu, nhưng hai mươi năm sau, khi theo Nguyễn Đức Sơn lên rừng, nàng đã hóa thân thành Bồ tát.

Tôi chưa từng gặp Phượng thời con gái. Cũng chưa từng gặp Phượng năm nàng hai mươi tám tuổi dắt con theo chàng thi sĩ nông cuồng lên rừng. Tôi chỉ gặp nàng khi nàng đã vượt qua chín tầng địa ngục, qua những cái chết, những cơn bệnh, những đám cháy rừng và những cơn đói.

Nhưng tôi vẫn biết nàng rất đẹp.

Trịnh Công Sơn cũng biết nàng rất đẹp.

Nguyễn Đức Sơn thì nguyên rủa mọi thứ. Tôi nói:

- Tôi đến đây để tìm một Nguyễn Đức Sơn "vĩ đại" nhưng tôi chỉ gặp một Phượng vĩ đại. Nếu không có người đàn bà này, ông đã chết rồi Sơn ạ.

Sơn la hét. Và Phượng im lặng. Luôn luôn im lặng. Một cái bóng mảnh mai ngồi bất động trong hoàng hôn, trên mặt đất đầy lá khô và cỏ. Một khuôn mặt đầy nếp nhăn và một đôi mắt đẹp đầy những dấu chân chim.

Năm 1972 Nguyễn Đức Sơn trốn lính, về tá túc ở Bình Dương, dạy Anh văn tại một tư thực. Nếu không gặp Phượng hẳn sẽ chẳng có tác phẩm nào ra hồn. Phượng rọi hào quang của nàng vào cái đầu mê gái tươi bời của hắn và hắn được cô

"độ" cho thành...thi sĩ. Tác phẩm "Đêm Nguyệt Động" ra đời từ dòng nước cam lồ róc rách tuôn ra từ nhục thể của "thánh cô" Annie Phượng. Và huyền thoại đã bắt đầu:

*Năm mươi bốn có lần anh ngó thấy
Em cỡi trường ngoe nguẩy cuối vườn trăng
Hồn thảo dã trong đêm vừa thức dậy
Khắp bầu trời ướm mượt cả lông măng*

*Từ dạo đó xác hồn anh mất hết
Một đêm nào trở lại cõi vô biên
Đời anh đó đâu có bằng hạt cát
Đã vô tình vương dưới gót chân em*

Từ đó chàng thi sĩ luôn trợn lặn trần tục với bông lai nên khi cô nữ sinh "tụt quần xuống đài" thì hào quang cũng rực sáng muôn trùng.

*Trên rừng vắng một mình anh hái trái
Bỗng mơ hồ trông thấy quá nhiều chim
Bên nương vắng em tụt quần xuống đài
Anh thấy càn khôn rụng xuống trong tim*

Nhưng những vần thơ mê gái thượng thừa ấy cũng không lay động được Annie Phượng. Chàng khóc lóc, rên siết, quỳ lạy...cũng chẳng ăn thua, bèn dùng "khổ nhục kế". Nếu như ngày nay thì chàng thi sĩ sẽ quán chất nổ quanh mình rồi lao vào "đánh bom tự sát", nhưng Nguyễn Đức Sơn thời đó đã trèo lên thành giếng và kêu lên: "Bớ Chúc Anh Đài! Ta chết đây!" làm Phượng hoảng hốt.

Cuộc hôn nhân đã bắt đầu như vậy.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Đức Sơn bỏ đời, đưa vợ con lên núi. Tuy ông không đến nỗi "dở hơi" như Bá Di và Thúc Tề không thềm ăn thóc nhà Chu, nhịn đói mà chết, nhưng ông cũng cực đoan đến nỗi cấm không cho các con học chữ.

Lúc ấy hình như Phượng mới có ba đứa con: Nguyễn Đức Thạch, Nguyễn Đức Thảo và Nguyễn Đức Vân. Hàng ngày hai vợ chồng phải vô rừng bẻ măng, hái rau rừng, đào củ mài về ăn thay cơm. Sau đó họ trồng rau lang vừa để ăn vừa để bán.

Buổi sáng Phượng thường dậy rất sớm. Chiều hôm trước mấy mẹ con đã cắt rau lang bó thành từng bó lớn để sẵn trong sân. Nguyễn Đức Vân giúp mẹ cột các

bó rau lên chiếc xe đạp rồi vịn xe cho mẹ ngồi. Phượng đạp xe qua những lối mòn trong rừng để ra chợ. Nguyễn Đức Vân chạy yểm trợ phía sau. Mỗi lần lên giốc Vân đẩy phụ xe cho mẹ. Khi xuống giốc Vân phải rì xe lại, nếu không xe sẽ lao đi, ném Phượng xuống triền giốc.

Hai mẹ con ra đến chợ lúc bốn giờ sáng. Trời còn tối mù, có hôm sương xuống dày đặc nhưng mờ hôi toát ra ướt áo. Vân trải tấm ny-lông xuống đất ngay trước cổng nhà thờ cho mẹ nằm. Phượng, nằm nghiêng, bó gối, thiếp đi.

Khi tiếng chuông nhà thờ vang lên, hai mẹ con thức giấc. Lác đác đã có tiếng người và tiếng bước chân xôn xao quanh khu chợ nhỏ.

Hai mẹ con đẩy xe rau đến đó.

o

Ba anh em tìm được một vạt rau rừng tươi tốt. Hôm nay không có măng và củ mài cũng cạn kiệt, những con nhím đã đến trước và lấy đi hết. Ba anh em trở về với một gùi rau.

Phượng đem rửa ngoài chái nhà và bắc nồi nước.

Trong vò chỉ còn một lon gạo.

Cả nhà xúm quanh nồi rau rừng.

Mớ rau ấy mang những độc tố gì? Sau bữa ăn mọi người đều chìm vào một cơn mê ngủ. Hai vợ chồng và ba đứa con trai, tất cả năm người nhưng chỉ có 4 người thức dậy. Nguyễn Đức Thảo đã ngưng thở. Bệnh viện cũng không cứu được. Thảo chết có lẽ vì sau bữa ăn em còn uống thêm một bát nước rau luộc. Năm ấy em mười ba tuổi.

Em nằm trên chiếc giường tre nhỏ, chiếc áo đang mặc trên người đã rách tả tơi, xơ xác đến nỗi không thể vá được nữa. Phượng ngồi bên giường. Giọt nước mắt mệt mỏi vừa ứa ra đã nhòe trên gò má nhăn nheo.

Mấy anh em không ai có được chiếc áo lạnh để mặc cho đứa em bất hạnh. Phượng lục tìm trong mớ áo xống của mình, chọn được một chiếc tương đối lành lặn. Bà lấy kim chỉ, ngồi bên giường của đứa con trai, vừa vá lại những chỗ sần rách vừa khóc:

- Con ơi! Mẹ xin lỗi vì đã không có được một chiếc áo lạnh để che thân cho con lúc con ra đi. Hãy mặc tạm chiếc áo của mẹ.

Nguyễn Đức Sơn thì bất động như một góc thông già, lặng thinh như hòn đá ném khói.

Ông chôn con mình trên đồi thông rồi ném cái cuốc xuống triền giốc. Ông

ôm lấy nắm đất đen và khóc ngất.

o

Cũng từ đó Phượng im lặng. Nguyễn Đức Sơn thấp ngọn đèn dầu, viết những gì ông nghĩ. Bôi xóa. La hét. Vò nát bản thảo, vứt bừa bãi trong xô tối, trên nền đất đen ẩm ướt.

Phượng đi lại trong túp lều như cái bóng. Bà gom những tờ bản thảo bị vò nát, vuốt cho chúng thẳng ra, xếp lại theo thứ tự rồi ngồi lại cái bàn gỗ ọp ẹp, trước máy chữ. Bà đánh máy lại những tác phẩm của chồng.

Xong việc, bọc theo mấy củ khoai và vác cuốc vô rừng. Bà gom lá khô lại, đốt thành tro rồi đem bón cho những gốc thông mà Sơn đã trồng mấy tuần trước đó. Bà dọn cỏ cho những luống mì, luống khoai. Lưỡi cuốc miệt mài. Hai bàn tay sạm đen, khô cứng.

Mỗi ngày bà làm việc trong rừng tới khi tắt nắng mới về. Cơm nguội buổi sáng vẫn còn. Mấy con cá kho nhỏ như ngón tay. Trong bữa ăn không ai nói gì, cũng không ai than thở.

Đời sống vật vã như cơn gió đang mắc kẹt trong rừng thông. Hoàng hôn che khuất dần mảng trời trước khung cửa.

Hôm sau Phượng lại vác cuốc vô rừng. Buổi trưa, Phượng ngồi trên đồi thông, hát một mình những ca khúc thời con gái. Gió rì rào từ dưới lưng thấp thổi tới.

Phượng vừa chớp mắt đã nghe nóng rát mặt. Gió hừng hực. Nó ập tới mạnh mẽ khác thường. Nó mang theo tiếng răng rắc của củi cháy.

Phượng đứng dậy, dùng cuốc xúc đất vãi vào lửa. Nhưng lửa sỗ sàng. Khói cuộn lên như đám mây lớn. Những nắm đất nhỏ nhoi của bà trở nên vô nghĩa. Hơi nóng tấp vào mặt. Lửa rừng rực, xồng xộc tới như bày tê giác điên.

Phượng sợ hãi nhưng không bỏ chạy. Bà cầm cây cuốc. Hai tay run bần bật. Lửa đã trùm lên cả một mảng rừng, Lửa đỏ trời, che khuất những đám mây.

Phượng sợ quá nhưng không chạy được. Bà quy xuống, gầy gập như cây bấp khô.

Vừa lúc Nguyễn Đức Vân chạy tới. Phượng đã bất tỉnh.

o

Nguyễn Đức Sơn lấy cái mền, cột túm hai đầu, luồn một cành cây vào giữa. Cùng với Nguyễn Đức Vân, hai cha con cáng mẹ băng rừng ra phố. Vừa chạy vừa khóc. Gai tre và cành cây cào xước mặt. Máu lẫn với nước mắt.

Nhưng trời vẫn còn thương cha con chàng thi sĩ nông cùong.

Phượng đã tỉnh lại.

Ba hôm sau Trịnh Công Sơn từ Sài Gòn lên, ghé bệnh viện Bảo Lộc.

Sơn Núi hỏi:

- Mà lên đây làm gì?

Sơn nhạc sĩ đáp:

- Thăm Phượng. Sao lại khổ đến vậy?

Sơn Núi bỏ đi.

Trịnh Công Sơn ở lại với các con của Phượng. Có lẽ hôm đó là một ngày của năm 1982. Tôi không biết, và các con của Phượng cũng không biết chính xác là ngày và tháng nào. Sau đó Phượng phải mổ não và Trịnh Công Sơn cùng bè bạn đã hỗ trợ hết mình cho ca phẫu thuật hiểm nghèo đó.

Nó đã cứu Phượng, đã giành giật Phượng khỏi tay tử thần.

Cuộc rượu cũng tàn theo nắng xế. Nhưng những lời vung vít của chàng cùong sĩ thì vẫn còn sôi nổi. Bóng tối đã tràn ngập rừng cây, đồi cỏ và những lối mòn. Phượng và mấy cô con gái tiễn chúng tôi về. Khi xuống tới cuối ngọn đồi, Phượng Bối—cô con gái lớn của Sơn và Phượng— nói:

- Chú ạ, ba con chửi đời và tỏ vẻ bất cần đời nhưng đó chỉ là để che giấu nỗi buồn, che giấu sự cô đơn của ông. Và trong thâm tâm, ông cũng biết là ông đã sai lầm khi đưa tụi con lên đây và cấm tụi con đi học.

Đó là bi kịch của ông. Bi kịch của Sơn Núi. Bi kịch của Nguyễn Đức Sơn thi sĩ.

6.



MẶC ÁO CHO HOA

Người nữ là sinh vật đẹp nhất trong tất cả mọi sinh vật trên mặt đất này. Người nữ đẹp hơn cả hoa vì nhan sắc của họ làm rung động lòng người sâu thẳm và lâu bền hơn những bông hoa gấp nhiều lần. Hoa đẹp làm ta sững sờ, ngây ngất, nhưng người đẹp làm ta nhói tim, đứng tim và đôi khi vỡ tim. Hoa đẹp quyến rũ ta nhưng người đẹp thì mê hoặc, bỏ bùa, xỏ mũi dẫn ta đi vòng vòng. Hoa chỉ làm ta dừng chân quyến luyến nhưng người đẹp thì có thể khiến chim sa cá lặn, khuynh quốc khuynh thành.

Hoa, tự nó đã đẹp, không cần tô điểm thêm. Nếu có ai may áo mặc cho hoa thì đó là chuyện điên rồ. Thân thể người nữ tự nó còn đẹp hơn hoa rất nhiều, thế thì tại sao chúng ta phải che giấu nó dưới những lớp trang phục?

Kể đầu tiên làm việc ấy là nàng E-va với chiếc Lá Nho trong vườn Địa Đàng rồi sau đó là hàng loạt những nhà tạo mốt vô danh với đủ loại chất liệu như vỏ cây, da thú, kim loại...và ngày nay khắp nơi trên thế giới từ châu Âu đến Trung Quốc, sang tận châu Phi châu Mỹ cho tới... Việt Nam mọc lên những tên tuổi như Gaultier, Christian Dior, Giorgio Armani, Cát Tường, Hoàng Hoa... vẽ vờn đủ kiểu.

Những xiêm y năm tầng bảy lớp của thời Phục Hưng, thời phong kiến bên Tàu đã được xếp vào quá khứ để bày ra những y phục hở ngực, hở cổ, hở đùi, hở rún ngày nay.

Vì sao không ai dám điên rồ mặc áo cho hoa mà lại có lắm kẻ ngang nhiên tạo đủ kiểu thời trang để che phủ cơ thể mỹ nhân?

Xin thưa, là vì: mặc áo cho hoa là che lấp, là vùi dập hoa, nhưng mặc áo cho người là tôn thêm vẻ đẹp cho những đường cong tuyệt mỹ. Cũng giống như viên ngọc quý, nó phải được gắn trên chiếc vương miện bằng bạc. Cũng giống như cô Lộ Lem, phải đợi mặc cho được bộ dạ phục của bà tiên mới dám đi dự khiêu vũ trong hoàng cung. Thời Trang là sự trang trí, tôn tạo, sự nâng niu ấp ủ, Thời

Trang là sự biết ơn đối với nhan sắc.

Thời Trang còn là một nghệ thuật biểu cảm: bao giờ sự e ấp, lấp lửng, ẩn hiện vẫn đầy sức quyến rũ hơn sự phô bày quá minh bạch, quá thường xuyên, dấu cho vật phô bày ấy là những đường cong tuyệt mỹ. Sự phô bày thường xuyên và lộ liễu giữa một môi trường phức tạp của nắng gió cát bụi và lò nhô ngàn mắt nhìn sẽ làm ô nhiễm, hao mòn dần vẻ đẹp thần thánh của một nhan sắc.

Và cuối cùng, thời trang là nghệ thuật của sự đánh lừa. Đó là một sự lừa dối ngọt ngào vì nó có khả năng che lấp những nhược điểm của cơ thể. Một bộ ngực nhỏ có thể được bồi đắp thành núi đồi, một nét chì đơn sơ có thể biến đôi mắt lá râm trở thành bí ẩn, đăm đúi, những y phục có ô kê dọc sẽ giúp chúng ta có vẻ cao hơn thường ngày... Đó là chút mẹo vặt của thời trang nhưng nếu khéo sử dụng đôi khi sẽ biến thành phép lạ. Phép lạ của sự đánh lừa.

Và có lẽ đó là sự lừa dối duy nhất mà người đàn bà mong đợi.

7.



QUYẾN RŨ BẰNG HƯƠNG THƠM

Những sinh vật đẹp đẽ như bướm, chim, cá kiểng... tuy rực rỡ nhưng khi cần quyến rũ bạn tình, chúng cũng phải thay màu đổi sắc cho hợp nhãn đối tượng của mình.

Nhưng các sinh vật hoang dã xấu xí như con cày hương thì được trời cho một túi xạ thơm tho để mời chào người đẹp. Cái túi xạ nhỏ bé giấu trong bụng nó là niềm khao khát của loài người.

Vì thế con người phải khổ công lên rừng tìm bắt con cày hương để lấy cái túi xạ của nó. Con người còn xuống biển, đem cả sinh mạng mình chiến đấu với cá nhà táng cũng chỉ mong lấy được chất thơm của nó gọi là Long Diên Hương. Sự hình thành của Long Diên Hương cũng rất lạ đời. Cá nhà táng là con cá voi khổng lồ, nó rất thích ăn mực nang, nó há miệng nuốt cả đàn mực hàng ngàn con vô bụng. Và có một bộ phận của con mực không thể tiêu hóa được đó là cái NANG. Nang làm cho cá đau, và cơ thể nó phải tiết ra một chất keo bao lấy những cái nang ấy để chống lại cơn đau. Chính chất keo này tiết ra mùi thơm làm ngây ngất loài...người.

Người ta dùng Xạ Hương, Long Diên Hương... để chế tạo ra nước hoa, mỹ phẩm đắt tiền và dùng nó để bôi lên người, át đi cái mùi mồ hôi hăng hắc của làn da.

Nhưng cũng có những cô gái không cần đến nước hoa, tự bản thân họ tiết ra một mùi thơm quyến rũ. Cách đây hơn 1.500 năm ở bên Tàu có một mỹ nhân tên là Tây Thi. Tương truyền trong người nàng tiết ra một mùi thơm quyến rũ. Lúc còn hàn vi nàng thường ra bờ suối giặt lụa, sau đó ngâm mình trong dòng nước. Trai tráng trong làng lén rủ nhau tắm phía dưới dòng chảy để mong hưởng một chút thơm tho từ da thịt người đẹp tiết ra.

Có người không tin truyền thuyết này, cho là thêu dệt hoang đường, nhưng tôi tin, vì khi còn là một cậu học sinh trung học, đã có lần tôi bắt gặp một mùi

hương ngậy ngát từ chiếc áo lót của một cô bạn học chưa từng biết mỹ phẩm là gì. Mùi hương ấy không giống bất kỳ một loại nước hoa nào, bất kỳ một loài thảo mộc nào. Nó không chỉ thơm, nó còn nũng nịu, e thẹn, ấm áp, thủ thỉ... Đó là một thứ mùi kỳ ảo, thần thoại, không gì sánh kịp, không ai diễn tả nổi. Một thứ mùi chỉ có Thượng Đế mới tạo ra được, là mùi của Trời quyến rũ Đất, của Gió quyến rũ Mây, của Biển Cả quyến rũ những Vì Sao... Nếu quả thực Tây Thi có một mùi thơm như vậy thì nước Ngô có bị diệt, thì Phù Sai có chết dưới lưỡi gươm của Câu Tiễn cũng ngậm cười nơi chín suối.

Trước khi bị đem dâng cho Phù Sai, Tây Thi là người yêu của Phạm Lãi. Khi Câu Tiễn thắng trận trở về, trong đoàn quân không có Phạm Lãi. Truyền thuyết nói ông cùng Tây Thi thay đổi tên họ đi ở ẩn trên núi cao. Có phải hương thơm của Tây Thi đã quyến rũ Phạm Lãi hơn cả vinh hoa phú quý chốn cung đình?

Quê hương Tô Châu của Tây Thi có thành Cô Tô, có Hàn Sơn Tự nổi tiếng. Ngày nay, những khu nhà cổ vẫn còn đó với kiến trúc trầm mặc, u nhã. Những mái ngói đen hoặc xanh ve chai cong vút, tường trắng ngả màu thời gian, soi bóng xuống những kênh đào nên thơ. Tôi đã đến đó để tìm một chút hương thừa của người đẹp nhưng chỉ gặp nắm mồ của Câu Tiễn chìm khuất dưới khe suối trên Đồi Hồ hoang sơ, cô tịch.

Ngày nay, nhân loại đã sáng chế ra hàng trăm loại nước hoa với vô số những tên gọi độc đáo như Lửa và Băng Giá (Fire and Ice), Ma Lực Đen (Magie Noire), Thuốc Độc (Poison), Phép Lạ (Miracle) Tôi Ngưỡng Mộ (J'adore)... nhưng không có thứ mùi thơm nào sánh bằng mùi da thịt của cô nữ sinh quê mùa mà tôi đã gặp thời trai trẻ.

Tất nhiên không phải cô trinh nữ nào cũng có được mùi thơm ngậy thơ ấy. Trong các truyện Liêu Trai hoặc những truyện như Bích Câu Kỳ Ngộ, Lưu Nguyễn Nhập Thiên Thai... thường thường thì trước khi mỹ nhân đến hoặc sau khi mỹ nhân đi đều lưu lại một chút hương thơm, nhưng có lẽ đó chỉ là mùi thơm của hoa cỏ, của những hương liệu mà các tiên nữ đã giắt lên tóc, lên áo xiêm... cũng giống như ngày nay quý bà quý cô xịt nước hoa vậy. Tuy sức hút không mãnh liệt bằng hương thơm trời cho, nhưng nước hoa hiện đại quả thực đã đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống. Ngoài việc tạo ra một cảm giác dễ chịu khi gặp gỡ, khi gần gũi, nước hoa còn đóng vai trò một TÍN HIỆU của tình yêu, của nỗi nhớ, của kỷ niệm.

Một sáng thức dậy, tình cờ ngửi thấy mùi nước hoa thoang thoảng trong

chăn, chợt nhớ nụ hôn bàng hoàng của mười năm trước. Đi qua một phố đông lúc xế chiều, bỗng thoảng một mùi hương, tự nhiên lòng băng khuâng nhớ cuộc hẹn năm nào nơi quán cà phê.

Cũng giống như con cây hương để lại mùi thơm trên ngọn cỏ, dẫn lối cho bạn tình, người đàn bà để lại mùi hương trên chiếc khăn tay hay trên lá thư mong manh...

Hương thơm là TÍN HIỆU. Tín hiệu đó không chỉ đi vào khứu giác mà lan tỏa khắp tâm trí, không chỉ quanh quẩn trong hiện tại mà còn ấp ủ cả quá khứ với bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu hạnh phúc, khổ đau và nhung nhớ khôn nguôi.

8.



PHIẾM LUẬN VỀ GIÀY

Chắc chắn khi còn ở trong vườn Địa Đàng thì cả ông Adam lẫn bà Eva đều đi chân đất. Lúc ấy thời trang của hai vị chỉ là cái lá nho, thế thì làm sao họ có ý niệm về một đôi giày.

Vậy thì theo bạn giữa ông Adam và bà Eva ai là người nghĩ ra đôi giày trước?

Ông Adam hiền lành chất phác, ăn rồi chỉ biết lẩn quẩn trong khu vực mười sáu mét năm mươi của vườn Địa Đàng, khu vực này cỏ xanh non mịn màng tươi tốt, chắc chắn chân không bao giờ bị đập gai. Trái lại nàng Eva tính rất tò mò ưa phiêu lưu mạo hiểm, sau khi hái trộm trái cấm nàng cũng còn "quậy" nhiều thứ nữa. Trong những chuyến đi bụi đời ấy làm sao nàng tránh khỏi đập gai. Thế là trong cái đầu thông minh và đầy trí tưởng tượng của nàng một đôi giày đã hiện ra.

Chưa có tài liệu nào mô tả chính xác kiểu dáng của đôi giày ấy nhưng có lẽ chúng ta phải thừa nhận rằng Ma-đam Eva là nhà tạo mốt đầu tiên của nhân loại.

Và có thể kết luận đôi giày của Eva làm bằng cỏ vì đó là chất liệu dễ tìm nhất lúc ấy.

Đôi giày cỏ ngự trị trên hành tinh này lâu lắm, từ thời bà Eva (tức là thuở khai thiên lập địa) cho tới mãi sau này, khi con cháu của bà sinh sôi nảy nở đầy dẫy trên mặt đất.

Ngay cả lúc con người đã phát minh ra được vải vóc thì đôi giày cỏ vẫn tồn tại.

Trong văn học cổ điển Trung Quốc ta thấy xuất hiện những vị đạo sĩ, ẩn sĩ như Quỷ Cốc tiên sinh, Trang Chu, Lão Tử, Hứa Do, Sào Phủ... đều mang giày cỏ. Các hậu bối sau này ở nước ta như Nguyễn Bình Khiêm, La Sơn Phu Tử... lúc làm quan thì áo mào xênh xang nhưng lúc về vườn thì cũng chỉ khoái đôi giày cỏ, đủ thấy giày cỏ là một top model thời ấy. Giày cỏ tạo cho người mang nó một cái vẻ tiên phong đạo cốt trông rất hoang đường.

Giày da ra đời trước giày vải vì loài người biết sử dụng da thú trước khi biết

dệt vải. Những kỵ sĩ Mông Cổ nổi tiếng của Thành Cát Tư Hãn, những chiến binh của Césaire hay của Charlemagne đều đã biết dùng đến giày da khi ra trận. Từ đó giày da theo chân con người đi khắp nơi. Những chàng cao bồi miền viễn tây Hoa Kỳ đã trang điểm thêm cho đôi giày da nổi tiếng của mình những chiếc cựa răng cưa bằng sắt nhọn hoắc như cựa gà đá.

Đôi hia bảy dặm trong cổ tích thì không biết đích xác là làm bằng da hay bằng vải. Nếu quả có thật một đôi hia như thế trong cõi đời thì chắc chắn nó phải được làm bằng thép vì bước một bước mà bay xa đến bảy dặm thì chỉ có gắn tên lửa dưới đế giày!

Chúng ta còn nhớ hai câu thơ:

Dặm ba ông Táo dạo chơi Xuân.

Đội mũ mang hia chẳng mặc quần.

Đôi hia của Táo Quân bằng vải hay bằng da thì chưa biết nhưng ai cũng phải công nhận rằng khi đội mũ mang hia mà không thềm mặc quần thì rõ ràng Táo Quân là một siêu người mẫu sexy nhất thiên hạ, và có thể nói hình ảnh của ông đã gợi hứng cho việc sáng tạo ra chiếc mini jupe lừng danh. Tiếc thay vì suốt đời lẩn quẩn trong xó bếp lại phải bù đầu vì hai bà vợ nên chưa một lần nhà thời trang vĩ đại này được tham dự một buổi trình diễn thời trang quốc tế nào.

Còn một đôi giày đặc biệt nữa đó là giày của cô Lộ Lem. Nó làm bằng thủy tinh. Hiện nay các nhà tạo một lừng danh thế giới vẫn chưa giải thích nổi làm cách nào mà cô Lộ Lem có thể khiêu vũ nổi với một đôi giày cứng ngắc như thế.

Giày vải có lẽ xuất hiện từ khi con người tìm ra vải sợi, nó tượng trưng cho sự tao nhã của văn nhân thi sĩ, các quan văn trong triều, các cô tiểu thư yếu điệu.

Thanh Minh trong tiết tháng Ba, mấy chị em Thúy Kiều đi tảo mộ gặp một chàng thư sinh, đó là Kim Trọng. Nguyễn Du đã tả chàng như thế này:

Hài vắn làn bước dặm xanh

Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.

Rõ ràng là lúc ấy Kim Trọng đi hài. Hài là một loại giày vải đế thấp, mũi hơi nhọn và có thêu kim tuyến. Mô-đen này ở nước ta trong những năm 80 rất thịnh hành nhất là trong giới quần thoa. Giới nhà giàu bên châu Âu có thời cũng khoái đi hài nhưng chỉ để đi trong nhà.

Trước năm 75 tại bến xe Pétrus Ký Sài Gòn có một hãng giày nổi tiếng thế giới mang tên Bata. Giày vải của hãng Bata nhẹ, đẹp và bền. Một thời giày Bata là

thời trang của giới trẻ, giới sinh viên học sinh. Các báo thời trang của Pháp như Marie Claire, Elle... từng đăng một lời quảng cáo nổi tiếng về giày Bata như thế này PAS UN PAS SANS BATA (không một bước chân nào mà không có giày Bata.) Câu quảng cáo này thú vị nhờ cách chơi chữ của nó.

Bảng đi một thời gian khá dài, giày vải vắng bóng trên thị trường, giờ đây thời trang này lại xuất hiện khá rầm rộ với những nhãn hiệu như Biti's, Kamachi, Belpis. Ellesse.

Giới trẻ ưa chuộng giày vải vì trông nó "bụi", nó "thể thao" mà lại trang nhã.

Trên những đôi giày mang nhãn hiệu Ellesse (của Italia) thường thấy một câu viết bằng tiếng Anh: *For those who love the outdoors* (dành cho những ai thích cuộc sống ngoài trời.) Đủ thấy giày vải thích hợp với giới trẻ, với những cuộc picnic, những chuyến đi dã ngoại.

Người lớn tuổi thích giày vải vì nó nhẹ, mang mát và không đau chân.

Còn dân chơi tennis thì không thể thiếu nó.

Thực ra giày vải rất thích hợp với những xứ nóng như Việt Nam. Trời nóng người ta có khuynh hướng mặc đồ màu sáng, Ví dụ như một chiếc quần jeans màu kem đi với một chiếc áo thun trắng và một đôi giày vải màu sáng sẽ tạo được một sự hài hòa trang nhã.

Tuy nhiên giày vải chỉ nên đi với quần jeans hoặc kaki.

Nếu mặc quần có pli may bằng sợi nylon tổng hợp hay "đóng" một bộ côm-lê trang trọng mà bạn "chơi" một đôi giày vải thì coi không được. Trong trường hợp này một đôi giày da đúng mốt sẽ làm cho bạn "sang" hơn, chắc chắn hơn nhiều.



MÀU SẮC CỦA THỜI TRANG

Mùa Đông năm 1997 khi lang thang qua các đường phố tại những thủ đô nổi tiếng châu Âu như Bruxelles, Paris, Berlin... tôi đã rất ngạc nhiên khi thấy gần như mọi người đều mặc đồ đen. Thỉnh thoảng người ta cũng có mặc màu sáng nhưng thường là những màu đơn giản như trắng, xám nhạt... ít ai ăn mặc lòe loẹt.

Trái lại, nếu bạn đến một bản làng người dân tộc ở những miền thượng du phía Bắc hoặc Tây Nguyên, bạn sẽ bắt gặp những trang phục đầy màu sắc sặc sỡ xanh, đỏ, tím, vàng... với những hoa văn rằn ri vui mắt.

Xuôi xuống đồng bằng, len lỏi trong các miền nông thôn, gặp lúc có hội hè đình đám chúng ta cũng sẽ bắt gặp những màu sắc tương tự trên những chiếc áo dài màu lá chuối non rực rỡ, những chiếc sơ mi đỏ chói chang, những đôi dép nhựa màu vàng, những "đề can" xanh đỏ tím vàng dán trên xe đạp, xe gắn máy, những khung cửa sổ sơn xanh dương với các bông sắt đỏ trắng xen kẽ nhau. Bàn thờ, tủ áo, tường vôi thì dán đầy hình ảnh diễn viên điện ảnh lẫn lộn với tranh Quan Công, Lưu Bị, Trương Phi.

Ở nông thôn, màu sắc của trang phục xem ra không phản ánh tâm hồn con người mà phản ánh khát vọng, ước mơ của họ. Cô thôn nữ quanh năm lam lũ với bùn đen, đất xỉn... thường khát khao những màu sắc rực rỡ tươi sáng. Cậu thợ hồ suốt ngày tiếp xúc với gạch cát xi măng thì mơ ước một cái quần jeans xanh da trời kèm một chiếc áo sơ mi vàng hoa cúc.

Ở nông thôn, ngay cả những con vật vây quanh con người đều có những màu tối như con heo, con bò, con trâu... phải chăng vì vậy mà con người ở đó cần những trang phục màu tươi sáng để hưởng thụ một chút huy hoàng?

Những người trẻ tuổi của đồng ruộng, rẫy nương suốt ngày vật lộn với mưa nắng, da của họ sạm đen lại, tóc khô cháy. Chẳng phải vì thế mà trong những giờ giải trí họ cần diện những trang phục rực rỡ để cố níu lại một chút thanh xuân sao?

Người thành phố có đời sống sung túc hơn, họ có thừa sự rực rỡ của ánh đèn, của hoa, của tiền bạc, danh vọng và tình yêu nên họ muốn chơi nổi bằng những thời trang có màu... tối.

Một khía cạnh khác, người thành phố ngồi trong xe hơi, làm việc, ăn nhậu trong phòng lạnh nên da dễ trắng trẻo hồng hào. Họ cần màu tối của áo quần để tôn cái vẻ nõn nà của da thịt, cái tươi mát của phấn son, cái óng ả của mái tóc, cái long lanh của đôi mắt.

Thời xưa, màu sắc trong trang phục lại phản ánh một tình trạng trái ngược với bây giờ. Thời điểm các ông con trời, các quan thái sư, thượng thư, nguyên soái... còn nắm quyền thì thời trang là đặc quyền của họ, đó có thằng dân đen nào dám học đòi những thời trang quan quyền ấy. Thuở ấy màu vàng là màu của hoàng tộc. Long bào của vua có màu vàng. Ý niệm vàng và rồng đã cặp bờ với nhau như hình với bóng. Giường ngủ của vua gọi là giường rồng, thuyền của vua đi gọi là thuyền rồng, mặt của vua gọi là mặt rồng.

Màu đỏ là màu trang phục của quan võ. Các ông tướng cỡ như Triệu Tử Long, Trần Bình Trọng, Quan Vân Trường hẳn phải mặc màu đỏ, gọi là nhung phục. Quan văn thường mặc màu xanh, chỉ có quan tòa cỡ Bao Công thì "chơi" màu đen như kiểu trọng tài bóng đá.

Nhưng các vị con trời và các vị quan quyền chưa chịu dừng lại với các màu vàng đỏ xanh đen, họ còn thêm rồng, vẽ phượng, vẽ kỳ lân, hổ dữ trên ngực áo.

Thời ấy chưa có điện, ban đêm trong cung thắp đèn cầy hoặc đèn dầu leo lét vì vậy mà trang phục của quý vị ấy còn đính kim tuyến trên châu, cẩm thạch lấp lánh. Như thế cũng chưa đủ sang, chưa đủ lộng lẫy, họ còn đeo đai, đeo dải như dân hippy chính hiệu bây giờ. Đó là chưa kể lục lạc, dây ngọc leng keng, đi tới đâu tiếng rổn rảng phát ra tới đó. Như thế mới là sang là quý. Họ không biết rằng người đời sau chỉ đeo lục lạc cho bò, cho ngựa và cho chó để phòng khi chúng đi lạc, dễ tìm.

Còn như anh thư sinh mười năm đèn sách mà chỉ thi đậu đến tú tài thì cũng chỉ được mặc chiếc áo dài màu trắng, các quan chức trong làng xã thì suốt đời cái áo the thâm, dân đen thì "khố rách áo ôm" khá hơn một chút thì bộ bà ba vải thô màu đen hay nâu, hay cháo lòng.

Nguyễn Công Trứ, khi còn là một học trò nghèo cũng đã mô tả thời trang của mình trong bài "Hàn nho phong vị phú" như sau:

Áo vải thô nặng trĩu, lạnh làm mền, nước làm gối, bốn mùa thay đổi bấy

nhieu. Khăn lau giặt đở lòm, trải làm chiếu, bận làm quần, một bộ ăn chơi quá thú.

Vậy tại sao giữa xưa và nay quan niệm về màu sắc trong trang phục lại quá khác nhau như vậy? Phải chăng màu sắc trong trang phục ngày xưa biểu hiện quyền lực còn màu sắc trang phục ngày nay lại biểu hiện ước mơ thầm kín của con người?

Thế còn trường hợp Hippy thì sao?

Y phục sặc sỡ, quái dị với tua dải, hoa văn, dây nhợ lằng nhằng... biểu lộ điều gì? Quyền lực hay ước vọng thầm kín?

Không, nó chỉ biểu lộ sự phản kháng xã hội. Thời trang đó nhằm phá vỡ những mẫu mực của xã hội, những thói quen, những quan niệm cũ mòn về cái đẹp. Đó là sự phản kháng trong ý thức được biểu lộ qua trang phục. Một sự bẻ tắc lý tưởng biểu lộ bằng sự bẻ tắc của thời trang. Đó là thứ thời trang tùy tiện, thứ thời-trang-không-thời-trang. Đó là sự thách thức của các mẫu mã và kiểu dáng.

Như thế bản chất của thời trang là gì?

Đơn giản: đó là làm đẹp.

Và mỗi người có cách làm đẹp riêng, tùy theo vóc dáng, tâm hồn và môi trường.

Vì thế tôi không tin có một thời trang nào chung cho mọi người. Tôi chỉ tin vào thời trang của mỗi con người.



NHỮNG BIẾN TÁU CỦA CHIẾC ÁO DÀI

Ao dài tự nó đã là một biến tấu. Thời Pháp thuộc, một nhà tạo mốt tên là Cát Tường đã lấy cảm hứng từ chiếc áo dài truyền thống của các cụ đồ nho ngày xưa để biến tấu ra chiếc áo dài tân thời. Vì thế chiếc áo dài được mang tên ông. Nhưng vì "Tường" tiếng Pháp gọi là "Le Mur" nên chiếc áo dài được giới chuộng thời trang thời ấy gọi là áo Le Mur.

Nhìn lại những bức ảnh cũ của các người mẫu trong tranh lụa của họa sĩ Tú Duyên ta thấy áo Le Mur không khác với áo dài ngày nay là mấy. Cổ áo thấp, vạt áo ngắn, tà ôm ngay dưới đầu gối, chỉ khác áo dài raglan cái "tay ráp". Tuy vậy áo dài của các cô gái Hà Nội và Sài Gòn thời ấy cũng là một kiệt tác nhờ vẻ dáng thanh lịch với hai tà áo tha thướt, vòng eo ôm sát cái lưng ong yếu điệu của giai nhân. Các cô mặc áo dài thường đeo kiềng vàng.

Về sau, với các nghệ sĩ như Phùng Há, Năm Phỉ, Thái Hằng, Thái Thanh, Khánh Ngọc... cổ áo được nâng cao lên sát quai hàm. Đó là một mốt mới, biến tấu của chiếc Le Mur.

Có người nói phụ nữ thời ấy chuộng cái cổ cao vì họ chưa có nhu cầu nhìn ngang liếc dọc. Ra đường, chị em thường nhìn thẳng ra dáng con nhà lành, cành vàng lá ngọc. Cũng có thể thời ấy mỹ phẩm chưa nhiều, da dẻ của các chị chưa thật mịn màng trắng trẻo nên chiếc áo cổ cao đóng vai trò che chắn bớt những nhược điểm đó chăng?

Về sau này đời sống khá hơn nên trong văn thơ xuất hiện những cụm từ như "chiếc cổ trắng ngần", "gáy nàng thơm như sữa"... do đó cổ áo dài thấp xuống còn hai phân để phô bày cái phần da thịt thơm tho mát mẻ đó.

Cũng có thể vì đời sống khá hơn, phố xá đẹp hơn, nam thanh nữ tú nhiều hơn nên xe gắn máy kè kè tán tỉnh đồn dập, các nàng có nhu cầu nhìn sang phải ngó sang trái và... đằng sau quay! Vì thế mà cái cổ cao trở nên bất tiện.

Cổ áo thấp quả thật có ưu điểm là làm tôn vẻ đẹp của cổ, đồng thời giúp cho

cái cổ ngắn tạo được cảm giác "dài" ra thêm chút đỉnh.

Nhưng phải đợi đến thời ma-đam Ngô Đình Nhu thì chiếc áo dài xinh đẹp của chúng ta mới bị đem ra pháp trường xử trảm. Và có lẽ vì dao phủ hơi mạnh tay nên vết chém khoét sâu xuống ngực để lộ hai cái xương đòn gánh. Tất nhiên không phải ai cũng lòi xương đòn gánh như bà cố vấn. Có người cũng nhờ áo dài mô-đen hở ngực này mà khoe được tí của. Nhưng kiểu áo dài nửa Tây nửa ta ấy cũng không mấy ai ưa chuộng nên cổ áo lại dần dần nhú lên, nhân tiện rụng mất hai tay, thay vào đó là hai tay ráp mà giới sành điệu gọi là "áo dài raglan". Mốt ấy tồn tại cho đến bây giờ. Nó tồn tại vì nó có ưu điểm là làm cho ngực áo thẳng, nách và hai tay không nhăn nheo như kiểu Le Mur, tạo được cảm giác tròn lẳn cho vùng ngực và thon thả cho hai cánh tay.

Nhưng nãy giờ chúng ta mới sơ lược lịch sử của cái cổ mà chưa nói đến nỗi thẳng trâm của hai tà áo và vòng eo.

Cổ áo và tà áo quả thật là có mối quan hệ với nhau như thủy triều quan hệ với mặt trăng. Thời Le Mur cổ hạ thấp thì hai tà áo cũng chỉ quá gối. Sang thời Thái Thanh, Khánh Ngọc cổ mọc cao lên thì hai tà áo cũng dài ra thêm cho đến chấm gót. Tà áo dài quá làm cho dáng trở nên lùn bùng vượng vịu và nếu ai có cặp đùi đẹp thì chẳng có cơ hội để khoe khoang tí chút. Vạt áo dài chấm gót làm cho dáng người trở nên lùn. Chính vì thế mà về sau khi cổ áo hạ xuống thì hai vạt áo cũng ngắn lại chỉ lửng lơ dưới đầu gối độ vài tấc.

Tà áo ngắn tạo ấn tượng tươi trẻ, linh hoạt. Khi bóng hồng lướt đi, làn gió nhẹ thoảng qua, nâng tà áo lên, tạo ra dáng vẻ lãng mạn như cánh chim bay.

Tuy nhiên cũng có kẻ tưởng lầm áo dài là cái mini-jupe nên cắt hai tà áo lên thật ngắn, trên đầu gối. Chiếc áo của chúng ta dở khóc dở cười bởi vì nó vừa giống áo bà ba mà lại không phải áo bà ba. Còn nếu gọi nó là áo dài thì mắc cỡ vì thật ra nó quá... ngắn.

Ấu đó cũng là cố gắng của các nhà tạo mốt.

Cái vòng eo cũng thế. Để cho nó thật ôm sát vào người, các vị thợ may cho "chít phanh" bốn hướng đông tây nam bắc.

Áo thì có eo thật nhưng góc cạnh quá. Cái lưng ong thon thả của giai nhân bỗng biến thành cái hộp gỗ cứng đờ. Nhiều người thấy nhược điểm ấy liền bỏ kỹ thuật "chít phanh" đi và lười kéo của nhà tạo mốt lượn một đường lả lướt cho lưng áo được tự nhiên, tạo vẻ mềm mại uyển chuyển của đường nét từ lưng xuống vùng hông phía sau, và từ bụng lượn xuống vùng đùi gợi cảm phía trước. Sự thả

lông cố ý và đầy nghệ thuật ấy đã tôn vinh và thánh hóa "những đường cong tuyệt mỹ" mà thượng đế đã phú cho người nữ.

Có nhà tạo mốt còn tiến xa hơn với một áo dài không eo, nghĩa là sườn được từ trên xuống dưới. Bạn đừng cười và cho họ là điên rồ nhé. Môđen ấy trước kia đã một thời được giới nữ sinh trung học hâm mộ. Người ta gọi đó là "mốt nữ sinh". Không cầu kỳ, không làm điệu.

Có lẽ một ngày nào đó, nhà tạo mốt đi lang thang trên con đường có nhiều tu viện chợt bắt gặp một nữ tu với chiếc *áo dòng* rộng thùng thình đi lẻ loi giữa hàng cây cao. Nhà tạo mốt chợt nhìn thấy vẻ thánh thiện toát ra từ kiểu áo rộng thùng thình ấy và đã biến tấu thành *mốt nữ sinh* một thời nổi tiếng.

Chẳng biết ngày nay có em nữ sinh nào còn giữ được cái mốt ấy hay không?

Đã lâu rồi tôi già từ bực giảng, tôi không có dịp gần gũi các em, nhưng tôi vẫn nhớ.

11.



ĐÀN ÔNG LÀM ĐIỀU

Tất nhiên là đàn ông cũng làm điều nhưng họ không lộ liễu, không khoa trương như đàn bà. Đàn ông họ làm điều "khôn" và "mánh" hơn đàn bà nhiều. Những người đàn ông thuộc loại "mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao" đi giày, thắt cà vạt, xức nước hoa... là hình ảnh thường ngày, tuy có chút đom đống đấy nhưng không có gì đáng nói. Cái đáng nói trong cách làm điều của đàn ông nằm ở chỗ khác:

QUẦN ÁO

Nếu bạn vào một quán cà phê, thấy có một người đàn ông mặt mày trầm tư, tóc biếng chải, áo nhàu nát, quần sờn rách, mũ bẩn thỉu, thì đích thực đó là các bậc văn nhân nghệ sĩ. Bạn đừng vội kết luận rằng họ là những người không thèm quan tâm đến nhan sắc của mình. Kiểu ăn mặc ấy là mô-đen của họ đấy. Họ tự hào về sự nhếch nhác ấy, cũng giống như các bà tự hào về bộ đầm lộng lẫy giá bạc triệu của mình.

THUỐC LÁ.

Trước đây, đàn ông Sài Gòn có mô-đen hút thuốc lá đen. Thường là Bastos xanh. Ai hút thuốc thơm, thuốc có cán bị coi là công tử bột, là gà mái. Đặc biệt Ba Số Năm chỉ dành cho giới áp phe. Hiện nay, mô-đen ấy bị đảo ngược. Dân lao động, công chức nghèo mới hút thuốc lá đen, còn giới trung lưu, giới trí thức trở lên thì hút có cán, phổ biến là Jet, Con Mèo, Sài Gòn, sang trọng hơn thì có Ba Số, Dunhill đỏ... Rải rác một số người hút Lucky Strike, Camel. Bastos xanh gần như vắng bóng trên thị trường.

Thuốc lá là một món trang sức quan trọng của đàn ông. Nhiều người rất tự hào khi nói: "Mỗi ngày mình đốt hai bao Ba Số, sơ sơ cũng ba chục ngàn". Các nghệ sĩ lại tự hào về những ngón tay nám khói của mình. Ngồi chung với bạn bè, họ thường tìm cách khoe các ngón tay ấy. Có người còn tự hào về hàm răng nám khói. Họ coi những thứ đó biểu lộ "nam tính". Có kẻ khoái cho mọi người biết

mình là cái ống khói tàu. Trước mặt bạn bè ít khi họ để điếu thuốc tắt trên tay, dù chỉ một giây. Muốn làm được điều đó, họ áp dụng trò sau đây: khi điếu thuốc trên tay cháy gần hết, họ rút ngay một điếu mới, lấy bột thuốc ở đầu để tạo một khoảng trống, sau đó họ ngắt phần đầu lọc của điếu thuốc đang hút và nhét vào lỗ trống của điếu thuốc mới. Thế là hai điếu thuốc đã được nối vào nhau. Cứ như thế, đóm lửa không bao giờ tắt. Một số đàn ông khác khoái hút điếu cày để tỏ ra mình chơi nặng đô, số khác thì hút xì gà, nhất là mấy vị to con. Hút xì gà trông bề thế, chững chạc và "sang" hơn.

CÀ PHÊ

Nói đến thuốc lá không thể không nhắc đến cà phê. Đó là cặp bài trùng, cũng giống như son và phấn của đàn bà. Tất nhiên uống cà phê là một nghệ thuật, từ cách hái, cách rang, cách pha chế cho tới cách uống. Có người uống cà phê với một tí bơ, người khác thích đổ vào tách cà phê nóng một chung rượu Rhum, hương vị sẽ nồng nàn hơn.

Tuy nhiên bài này chỉ nói về cách làm dáng của đàn ông khi uống cà phê.

Những người đàn ông làm dáng thường chỉ uống cà phê đen, uống thật "đặc" và không có đường. Cà phê uống càng đắng càng thú vị, đó là vị đắng của đời, vị đắng tình yêu, càng đắng càng suy tư dữ dội và càng đắng thì chất đàn ông càng nhiều. Dĩ nhiên có người thích vị đắng ấy một cách thực sự, nhưng thường thì họ làm dáng.

Có anh bạn, khi ngồi uống cà phê với bạn bè bao giờ cũng gọi một ly "đen". Thế rồi chủ quán đem cà phê ra cho mọi người. Ai cũng khuấy cà phê uống tự nhiên chỉ có anh bạn là dùng muỗng múc từ đáy tách lên những hạt đường và đổ xuống đất, vừa làm động tác ấy vừa cần nhần cho đến khi loại bỏ hết đường ra khỏi tách cà phê mới thôi. Một lần anh đến nhà tôi chơi. Biết ý, tôi pha cho anh một tách cà phê đen không đường, còn tôi thì phải có hũ đường bên cạnh. Đang chuyện trò với bạn, chợt bà xã tôi gọi vô buồng để xem cái ổ điện bị trục trặc. Tình cờ, qua lỗ thông gió nhìn ra ngoài, tôi thấy anh bạn đang mở hũ đường, múc đường đổ vào tách cà phê mình lia lịa. Từ ấy tôi biết chuyện anh uống cà phê không đường chỉ là một cách làm dáng.

RƯỢU

Nam vô tửu như kỳ vô phong. Đàn ông không có rượu giống như cờ không gặp gió. Ý nói sẽ rũ rượi, thiếu hứng khởi, linh hoạt. Thực ra rượu là một phát minh quan trọng của nhân loại, nó có cái hay riêng của nó nên nó mới tồn tại

hàng ngàn năm nay. Ngày xưa ở bên Tàu (đời Tấn) có ông Lưu Linh là một hiền nhân về cái khoản uống rượu. Khi đi nhậu ngài thường dắt theo một đệ tử cầm sẵn cái cốc phòng khi ngài có đứt bóng thì đào lỗ chôn luôn. Biết đâu cái màn "xách cốc đi theo" cũng là một kiểu làm dáng của cổ nhân!

Sự tích về con sâu rượu cũng khá độc đáo. Số là có một anh nhà giàu kia mê uống rượu bán cả ruộng đất, nhà cửa. Gia đình sợ quá bèn rước pháp sư về nhà chữa trị. Pháp sư sai trói tay chân nạn nhân, nọc ra giữa sân, phơi nắng, cạnh đó để một vò rượu thật thơm ngon. Bệnh nhân khát quá, thèm rượu quá mà không biết cách nào uống, miệng cứ há hốc, hướng về phía vò rượu. Bỗng nhiên từ trong cổ họng anh ta vọt ra một vật gì đỏ lôm, rơi tòm vào vò rượu. Bệnh nhân lập tức thấy hết ghiền. Gia nhân xúm lại nhìn vào vò rượu, thấy cái vật đỏ lôm ấy là một sinh vật to bằng ngón tay cái đang bơi lội tung tăng. Pháp sư nói: Đó là con sâu rượu. Chỉ cần thả con sâu này vào một vò nước, lập tức nó biến thành vò rượu ngon.

Gia nhân làm theo, quả y như lời.

Sự tích con sâu rượu, dĩ nhiên chỉ là huyền thoại. Ngày nay "con sâu rượu" được dùng để chỉ những người đàn ông nát rượu, uống rượu như hũ chìm. Những vị này thuộc loại dân ghiền, không phải làm dáng. Người làm dáng là người hay vỗ ngực xưng ta đây tửu lượng cao. Khi uống rượu một mình, họ có thể phá mỗi lia lia, nhưng khi gặp bạn bè họ mới nhón lấy một cái chân gà, gặm chút xíu rồi bỏ xuống.

- Tớ kỳ lắm. Uống rượu, tớ không muốn ăn.

Nhưng sau đó, khi rã đám, trên đường về nhà, thế nào cũng ghé làm tô phở.

Không biết ở bên Tây bên Mỹ người ta uống rượu ra sao, chứ như mấy ông da trắng sang đây, xem cách họ uống rượu, thấy họ chững chạc lắm. Vào quán họ uống nhiều lắm là hai lon bia hoặc vài ly Whisky nhỏ. Uống vừa đủ để ăn ngon hay hưng phấn một chút. Chưa thấy ai kêu nguyên thùng "dô, dô, chăm phần chăm" như dân nhậu xứ mình.

Nhiều người đàn ông coi việc uống bia nhiều là niềm tự hào.

- Tớ và một thằng bạn nữa ngồi từ mười giờ trưa đến mười hai giờ đêm, chơi luôn bốn thùng Heineken.

Người khác lại khoe:

- Uống bia tớ thích uống ly cối. Một lon rót vừa một ly. Nốc một hơi một.

Họ ép nhau uống bia, ai cũng thấy là cực hình nhưng vẫn uống vì sợ bạn chê

là tử lượng kém.

Đó là những cách làm dáng của đàn ông.

Nếu kể về tiền chi phí cho cái khoản làm dáng ấy thì có lẽ đàn ông ăn đứt đàn bà.

12.



BIỆN HỘ CHO VÒNG SỐ BỐN

Người đàn ông thường tự hào về bộ râu, còn người đàn bà thì nổi tiếng nhờ ba cái vòng. Quý vị giám khảo các cuộc thi hoa hậu đều căn cứ vào ba cái vòng ấy mà chấm điểm. Đẹp hay xấu đều phụ thuộc vào chúng. Khởi cần diễn tả, một đứa con nít cũng thuộc lòng tên gọi của từng vòng một. Nhưng nếu ai hỏi "vòng thứ tư" trên cơ thể người đàn bà là cái gì thì sẽ có nhiều người ngạc nhiên lắm.

Tôi chưa vội giới thiệu cái vòng thứ tư đó đâu vì đó là một "nhân vật" quan trọng, mà đã là VIP thì phải đợi thiên hạ tới trước, mình mới tà tà tới sau.

Vậy trước hết xin bàn về vòng số Một: đó là bộ ngực được đặt tên theo lối "kinh tế thị trường".

Rất nhiều người lầm lẫn giữa "ngực" và "vú". Ngực là phần thân thể ở giữa cổ và bụng, còn vú là bầu sữa dành cho việc bảo tồn nòi giống. Cụ thể hơn, ngực là cái nền móng, cái khuôn viên, còn vú là tòa nhà... Vậy "ngực" và "vú" cái nào quan trọng hơn? Nếu bạn có hai vú căng tròn nhưng ngực thì lép xẹp, xương đòn gánh nhô cao, tạo nên hai cái hõm dưới cổ thì cặp vú sẽ lạc lõng vô duyên. Ngược lại nếu bạn có một tảng ngực đầy đặn, vòng cao lên, thì cho dù cặp vú có nhỏ một tí vẫn thấy gợi cảm. Tất nhiên nếu bạn vừa có một tảng ngực đầy đặn vừa có một cặp vú căng tròn thì không gì quý bằng.

Dáng của vú cũng rất quan trọng. Xưa nay các bậc mày râu lịch lãm đều chuộng cái dáng "sừng trâu" hơn là "trái bưởi" hoặc "trái dừa". Còn "trái mướp" thì có lẽ chỉ nên đem... nấu canh là hấp dẫn hơn cả.

Khi mặc áo dài hoặc áo bà ba bạn mới thấy cái quan trọng của "ngực". Nếu ngực bạn lép xẹp thì dù có độn bằng loại "xú cheng" gò ghề cỡ nào, ngực áo cũng bị nhăn. Nếu bạn lại có thêm hai vai xuôi nữa thì dù thợ may giỏi cỡ nào cũng không thể có được một chiếc áo dài đẹp cho bạn. Còn nếu bạn mặc sơ mi hở cổ hoặc muốn mở một hột nút "cho thoáng" thì một tảng ngực đầy, trắng mịn sẽ gợi cảm hơn nhiều.

Nãy giờ chỉ mới bàn sơ về cái vòng số Một.

Vòng số Hai cũng là một khu vực quan trọng, một "điểm nóng chiến lược" trong nhan sắc phụ nữ. Rất nhiều chị em đau khổ vì một thân hình suôn được hay một cái bụng hơi quá khổ. Cái ý niệm về thắt đáy lưng ong xem ra đến nay vẫn còn *à la mode* đủ thấy cái vòng số Hai được "nhân loại" đánh giá cao chừng nào!

Nhưng nếu vòng số Một chỉ quan trọng ở cái mặt tiền thì vòng số Hai cả phía trước lẫn phía sau đều đáng nói. Chiếc áo dài sẽ làm nổi bật những ưu điểm hoặc nhược điểm của vòng số Hai này từ hai phía.

Ngắm nhìn từ phía trước thì vùng bụng thường đem lại cảm giác bình yên, phẳng lặng và gợi cảm. Có một nhân vật nam trong tiểu thuyết của Christiane Rochefort khi được người yêu hỏi: "Anh thích cái gì nhất trên thân thể em?" thì anh ta đáp không do dự: "cái rốn". Gẫm lại đó không phải là lời nói đùa. Cái rốn có vẻ đẹp độc đáo mà không bộ phận nào có được. Giữa bình nguyên phẳng lặng của vùng bụng hoang vu kia bỗng xuất hiện một chỗ trũng. Nó như cái lúm đồng tiền trên má, nó làm cho vùng bụng duyên dáng hơn, đáng yêu và gợi cảm hơn, thánh thiện và hồn nhiên hơn.

Bây giờ nếu ngắm từ phía sau thì đường cong của vòng số Hai lại rất lãng mạn. Cái eo của quý bà quý cô là nơi người đàn ông đặt nhẹ bàn tay của mình lúc khiêu vũ hay dạo chơi trên bờ biển hoàng hôn. Khi người chồng vuốt ve người vợ thì "eo" là nơi bàn tay dừng lại để cảm xúc có dịp ngẩn ngơ trước biên giới của vòng số Ba huyền thoại.

Nó huyền thoại có lẽ vì là bộ phận kín đáo nhất mà cũng lộ liễu nhất trên cơ thể nữ giới. Nó thường lẩn khuất sau tà áo dài lát phát bay, khi ẩn, khi hiện, nó kết hợp với tà áo dài hoặc với những đường *découpes* của quần jeans hay những nếp gấp của chiếc váy tạo nên những "cặp phạm trù" gợi cảm và huyền ảo.

Nếu như vòng số Hai bộc lộ hết vẻ đẹp của nó trong cái nhìn chính diện thì vòng số Ba rất quan trọng ở trắc diện (*profil*). Một cặp mông đẹp không bao giờ quá đồ sộ mà cũng không quá "lép". Sự đồ sộ của con số Ba dễ làm dáng đi của bạn trở nên "lạch bạch" nặng nề còn nếu nó lép quá thì sẽ tạo sự mất cân đối trầm trọng, dễ khiến người ta liên tưởng tới tình trạng suy dinh dưỡng.

Chín mươi xăng ti mét, đó là số đo lý tưởng của bên Tây, còn bên ta, con số đó hơi quá khổ một chút không? Cái đó còn tùy vào chiều cao của bạn. Và còn tùy thuộc vào một bộ phận khác cực kỳ quan trọng, đó là... vòng số Bốn.

Vòng số Bốn chính là vòng đời của bạn.

Cặp đùi là một "nhân vật quan trọng", một "thiên tài" mà bấy lâu nay bị đời bỏ quên, làm như thể nó không đóng vai trò gì trong nhan sắc của nữ giới.

Hãy tưởng tượng một hoa hậu có khuôn mặt đẹp và ba vòng đều đạt những con số lý tưởng nhưng lại có một cặp đùi đồ sộ hoặc khẳng khiu như hai ống sậy thì cái khuôn mặt đẹp kia, cái vòng 1,2,3 lý tưởng nọ chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Một cặp đùi thô thường gây cho đàn ông cảm giác "sợ hãi". Một cặp đùi quá gầy gợi lên vẻ thảm hại.

Cho nên, dù cặp đùi xưa nay không được các vị giám khảo "kính nể" bằng ngực, eo và mông nhưng thực tế nó gần như đóng vai trò quyết định trong vẻ đẹp của phụ nữ. Nó không nổi tiếng và có vẻ "lép vế" nhất, nhưng *nó có quyền phủ quyết*. Bạn có ba vòng lý tưởng hả? Mặc kệ bạn, nếu đùi bạn không thon thả, thì coi như bỏ.

Không phải vẻ đẹp của cặp đùi chỉ có ưu thế ở hồ bơi hay bãi biển mà chính trong tư thế nằm, cặp đùi mới bộc lộ đầy đủ tính "ưu việt" của nó. Khi bạn nằm, ngực và vú bạn sẽ bị ép xuống và biến dạng đi, eo cũng bị biến dạng và mông thì gần như bị che khuất. Nhưng cặp đùi thì không hề thay đổi. Nếu đùi bạn có nhược điểm thì không cách gì che giấu được, ngược lại nếu nó thon thả, mịn màng thì không có gì gợi cảm và quyến rũ bằng.

Vì thế, thưa các bạn, chúng ta hãy đòi hỏi cặp đùi của nữ giới phải được mang tên: **VÒNG SỐ BỐN**.

13.



BẠN CÓ DÁM TỎ TÌNH NHƯ THẾ KHÔNG?

Chuyện xưa nhất trên trái đất có lẽ là chuyện tình. Và các chàng trai, các cô gái từ hàng chục thế kỷ qua đã nghĩ ra được nhiều cách tỏ tình. Từ cách xách cây đàn ghi-ta, nửa đêm đứng dưới khung cửa sổ nhà người đẹp, đến việc cho máy bay rải xuống sân nhà nàng một cơn mưa hoa hồng, hoặc như ông hoàng Ali Khan mua nước hoa đỏ đầy bể bơi cho nàng Rita Hayworth tắm...

Mô đen "cây đàn ghi-ta dưới cửa sổ" là một nhà nghèo, còn cái trò "mưa hoa hồng" hay "hồ bơi nước hoa" là một nhà giàu.

Anh nhà nghèo kia yêu mà chỉ biết xách cây đàn đứng dưới cửa sổ, xem ra cũng chẳng có gì là tha thiết. Hành động ấy thiếu sáng tạo và biểu lộ sự lười biếng. Hai hành động nhà giàu tiếp theo thì nặng về phô trương tiền của nhưng cũng là lười biếng. Tiền bạc đã làm thay cho họ việc tỏ tình. Đó là lối tỏ tình công nghiệp, lối tỏ tình của ông chủ ngồi trong văn phòng nhấn nút điều khiển từ xa. Nó còn tệ hại hơn việc nhờ bưu điện gửi hoa đến người đẹp bởi vì rất có thể vì sự nhút nhát mà người ta không dám trực tiếp đem hoa đến.

Những cách tỏ tình của các anh nhà giàu xem ra có vẻ giật gân, có vẻ độc đáo nhưng thật ra là nhạt. Họ có thể bỏ ra 30 triệu đôla để mua một bức tranh hay 100 ngàn đôla chỉ để mua chiếc giày rách của một nữ minh tinh nổi tiếng nào đó, thì việc rải một trận mưa hoa hồng trước sân nhà Brigitte Bardot có gì là đáng nói.

Trong tiểu thuyết của Kim Dung có những nhân vật dễ thương hết sức. Cách tỏ tình của họ mây núi cũng phải xúc động, cây cỏ, sỏi đá cũng bụi ngùi rơi nước mắt. Đó mới là những người tình thực sự. Tôi đọc Kim Dung đã hai mươi năm nay, những địa danh, những triều đại, tôi không nhớ nổi nhưng tôi biết có chàng Đoàn Dự khi đi lạc vào một hang núi, nhìn thấy pho tượng một mỹ nhân đứng trên vách đá đẹp đến nỗi khiến chàng bủn rủn tay chân. Cảnh tượng của mỹ nhân có khắc dòng chữ "Kẻ nào lay ta 1.000 lay thì ta sẽ truyền bí kíp võ công". Đoàn Dự cung kính nói:

- Tại hạ vốn không thích võ công, nhưng vì ngưỡng mộ nhan sắc của cô nương, tại hạ sẵn sàng lay 1.000 lạng.

Đoạn chàng quỳ xuống trước mặt pho tượng, sụp lạy, đầu cúi sát một cách cung kính, trán chàng chạm liên tục trên nền đá, máu chảy ròng ròng.

Người thứ hai là Du Thản Chi. Anh ta yêu A Tử say đắm nhưng nàng lại rất ghét anh ta. Trong một tình huống nào đó, tôi không nhớ, A Tử bắt được Du Thản Chi và hành hạ anh ta, tra tấn bằng cách cột dây vào người rồi quay anh ta bay vòng vòng như máy bay trong sở thú. Sau đó A Tử sai rèn một mặt nạ sắt, nung đỏ lên rồi chụp vào mặt Du Thản Chi, xong dội nước lên đầu cho cái niềng co lại, siết chặt vô hộp sọ (kiểu như Tam Tạng niềng đầu Tôn Ngộ Không). Du Thản Chi ngã xuống đất ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, mở mắt ra, chàng nhìn thấy những ngón chân trắng hồng của người đẹp đang ngồi trên ghế, chàng bò tới, trườn tới gần và hôn những ngón chân xinh đẹp ấy bằng đôi môi sưng vù của mình.

Đoàn Dự và Du Thản Chi tuy chỉ là nhân vật tưởng tượng, nhưng nó tượng trưng cho một cách tỏ tình si dại hết mình. Kiểu tỏ tình ấy đàn ông ngày nay không theo kịp.

o

Nhưng có một bài ca đã làm thay đổi ý nghĩ đó trong tôi. Đó là ca khúc "Triệu Đóa Hoa Hồng". Bài hát kể chuyện một chàng họa sĩ nghèo yêu một cô ca sĩ. Nhưng chàng đã tỏ tình như thế nào?

Nếu là bạn, bạn sẽ làm gì với túi tiền lép kẹp của mình? Một bức tranh? Một bài thơ? Một đôi giày mô-đen mới nhất? Hay một bó hoa?

Chàng họa sĩ đã chọn hoa hồng, nhưng không phải một bó mà là MỘT TRIỆU ĐÓA HỒNG. Tính sơ sơ, nếu 500 đồng VN một đóa thì một triệu đóa cũng đã tốn hết nửa tỷ bạc! Tỏ tình kiểu đó chỉ có dân nhà giàu cỡ ông hoàng Ali Khan (như đã nói ở phần trên) mới "chơi" nổi.

Vậy mà chàng họa sĩ nghèo của chúng ta đã thực hiện được điều đó.

Bạn có biết chàng đã đào đâu ra tiền không?

Chàng đã bán căn nhà xinh xắn của mình!

Và nếu như có ai mua chàng, có lẽ chàng cũng bán nốt. Đó là điều "vĩ đại" của chàng.

Vì tình yêu bạn có dám làm như thế không?



HẠNH PHÚC TRONG MỘT CHIẾC LÁ

Nhiều người hỏi: Hạnh phúc là gì? Là được yêu. Là giàu có. Là không còn đau khổ. Khái quát hơn, người ta nói: Hạnh phúc là thỏa mãn được ước mơ của mình. Nhưng ước mơ là một thứ vô hình, vô định. Nó có thể lớn như một tòa lâu đài, có thể xa như một vì sao, long lanh như một hạt ngọc, nhưng cũng có thể nhỏ như một hòn bi, gần như một vòng tay và giản dị như một chiếc lá.

Hạnh phúc gắn liền với sự vô định, sự mong manh, sự tạm bợ. Vì thế tất cả những cái gì là cố định, là trường tồn, là vĩnh cửu đều không phải là hạnh phúc. Một đóa hoa không bao giờ tàn thì không phải là hoa, một hương thơm không bao giờ phai thì không còn sự quyến rũ, một trận cười bất tận sẽ biến thành cơn điên. Một nhan sắc vĩnh cửu với thời gian sẽ làm mọi người sợ hãi.

Đó là bi kịch của hạnh phúc. Mọi người đều cầu mong được hạnh phúc, nhưng bản chất của hạnh phúc là mong manh, là tạm bợ, trong khi nhân loại khát vọng vĩnh cửu và trường tồn. Nhưng vĩnh cửu và trường tồn để làm gì nếu không có hạnh phúc? Nói cách khác: trường tồn để làm gì nếu không có sự tạm bợ và mong manh?!

Đó là nghịch lý cay đắng nhất, tàn nhẫn nhất mà con người phải chấp nhận.

Và đứa trẻ đã chấp nhận hòn bi thủy tinh trong suốt. Đối với nó, hòn bi còn quý hơn hạt kim cương. Tòa lâu đài xây bằng cát trên bờ biển còn quý hơn những biệt thự sang trọng. Mỗi lứa tuổi, mỗi hoàn cảnh có một hạnh phúc riêng. Niềm hạnh phúc lớn nhất của tôi thời thơ ấu là sáng mùng một Tết, mặc áo mới để được dẫn đến trụ sở xã, ở đó người ta phát cho mấy cái bánh ngọt, cơm, mứt gừng... Sau đó đi chơi trên những con đường quê nhiều áo mới, nhiều sòng bài bầu cua cá cộ, nhiều tiếng trống lân rộn ràng.

Hạnh phúc của chàng trai trẻ có khi chỉ là một chiếc khăn tay ướp vài cánh hoa lài hay một bức thư tình mực tím viết đơn sơ trên trang giấy học trò...

Nhưng hạnh phúc không dừng lại ở đó. Hạnh phúc như một thứ thuốc gây

nghiện. Người ta càng lớn lên, càng giàu có thì những hạnh phúc nhỏ nhoi ấy càng trở nên vô nghĩa, lạt lẽo... Hạnh phúc leo lên những nấc thang mới. Đứa trẻ không còn thích hòn bi mà là một đồ chơi điện tử đắt tiền có rơ-mốt điều khiển từ xa, chiếc bánh cốm phải được thay bằng một bữa tiệc ở nhà hàng. Chàng trai trẻ không còn ngây ngất vì chiếc khăn tay ướp hoa lài mà chờ mong một mùi nước hoa đắt tiền trên tóc người yêu nơi vũ trường sang trọng.

Hạnh phúc bay theo những nhu cầu vô tận... Đứa trẻ đã chơi quen đồ chơi điện tử sẽ khóc òa khi cho nó một hòn bi. Cô gái đã quen dùng nước hoa đắt tiền sẽ thấy bị xúc phạm khi người yêu tặng một nhánh hoa lài. Như thế có nghĩa là hòn bi và nhánh hoa lài không còn là niềm hạnh phúc nữa mà đã trở thành sự đau khổ.

Ngày đó tôi nghèo. Buổi chiều chở người yêu ghé quán cóc uống một chai Chương Dương và một đĩa ốc lạng xào dừa, thấy tràn đầy hạnh phúc. Sao cũng là tôi mà bây giờ uống Heineken có khi còn thấy chua lè? Vậy thì hạnh phúc ở đâu?

Có phải hạnh phúc cũng giống như Thời Gian, nó trôi đi và không bao giờ trở lại? Có phải Hạnh Phúc cũng giống như tuổi thơ, nó long lanh như giọt sương trên lá cỏ rồi tan biến khi nhịp sống xô bồ ập đến? Có phải hạnh phúc như chiếc lá kia, lộng lẫy trên cành cao, mượt mà trong nắng sớm, rồi tàn úa. Vàng. Khô. Và lìa cành?

Con người nhìn hạnh phúc ra đi trong nỗi ngậm ngùi, nhưng chiếc lá xa cành sao mà nhẹ nhàng thế. Một cơn gió thoảng qua, nó chỉ khẽ rung mình, rồi chao nghiêng như một cánh bướm, như một vũ công biểu diễn tác phẩm cuối cùng của mình giữa trời và đất, giữa hoa và cỏ. Nó la đà, uốn lượn, nó thông thả, ung dung và thanh bình lướt trong không gian tĩnh lặng, một chút do dự, một chút đắn đo, một chút luyến tiếc. Rồi như một cánh chim, nó đậu xuống mặt đất vàng rục những lá khô nằm chờ sự hóa thân vào đất, sự luân chuyển màu nhiệm vào mạch nhựa cây để rồi trở thành một chiếc chồi non khác, một chiếc lá khác....

Hốt nhiên ta nhớ đến bốn câu thơ của Bạch Cư Dị:

Ly ly nguyên thượng thảo

Nhất tuế nhất khô, vinh

Dã hỏa thiên bất tận

Xuân phong xuy hựu sinh.

Cỏ trên thảo nguyên rậm rì. Mỗi năm cứ khô đi rồi lại tốt tươi. Lửa hoang dã thiêu bất tận. Nhưng mỗi khi gió Xuân về thì cỏ lại mọc lên...

Hạnh phúc nào có khác gì cỏ trên thảo nguyên, ngàn núi nhưng trường sinh, tàn lụi nhưng tươi tốt. Hạnh phúc tiềm ẩn trong trời đất, trong mỗi con người. Hạnh phúc có thật dù không hề nói, không hề suy nghĩ.

Chiếc lá không biết suy nghĩ, nhưng nó hiểu hạnh phúc hơn chúng ta, vì thế nó ung dung nhìn ngắm sự luân chuyển của trời đất, giống như bốn mùa thay đổi. Mỗi chiếc lá mang trong cuộc đời nó cả Xuân, Hạ, Thu, Đông vì thế khi nó lìa cành, nó hiểu rằng rồi mùa Xuân lại về và lá lại đâm chồi trên cành cây, lại bắt đầu một hạnh phúc.

15.

SỢ VỢ

Trong tiếng Việt gần như không có thuật ngữ "sợ chồng" mặc dù xã hội không thiếu những người đàn bà coi chồng như chúa tể trong gia đình. Ấy vậy mà cái thuật ngữ SỢ VỢ, từ ngàn xưa, đã trở thành phổ biến, coi như một trong những thuộc tính quan trọng của đàn ông. Từ SỢ VỢ gợi lên một hình ảnh đáng yêu, dí dỏm, thơ mộng và... hiền triết. Socrate là một triết gia lớn của nhân loại nhưng ông ta cũng là một người sợ vợ. Câu nói nổi tiếng của ông, từ hơn hai ngàn năm nay đã được giới mày râu nhâm nhi một cách thú vị:

- Bạn hãy lấy vợ đi, vì bề nào cũng có lợi. Nếu lấy được một người vợ hiền thì bạn là một người đàn ông hạnh phúc, còn nếu lấy phải một bà chằn thì bạn sẽ thành một triết gia.

Như thế lấy vợ thật là tuyệt diệu.

Bạn tôi, có rất nhiều người thuộc trường phái sợ vợ. Có người mới lấy vợ về đã sợ, có người sợ dài dài trong suốt vài chục năm chung sống. Phó thường dân cũng sợ vợ mà người có chức quyền cũng sợ vợ. Người ít học lẫn các bậc trượng phu trí thức đều thuộc lòng câu "nhất vợ nhì trời".

Chẳng hạn như anh bạn bác sĩ của tôi lấy vợ đã ngoài hai mươi năm. Bữa kia hai ông bà rủ nhau đi chợ mua sắm các thứ để kỷ niệm ngày đám cưới.

Người vợ bảo:

- Anh giữ tiền nhé. Em mua cái gì thì anh chi.

Người chồng cất tiền vào túi áo. Nhưng khi hai người đến đầu chợ thì bà vợ lại cần nhân:

- Đến chỗ đông người mà sao anh lớ ngớ như một thằng ngố vậy? Anh không biết bọn móc túi đầy trong chợ à?

- Đừng lo, người chồng nói, chúng nó không làm gì được anh đâu.

Bà vợ ngấm nghĩa đức ông chồng một lúc rồi quyết định:

- Đưa hết tiền đây. Anh giữ tiền, mất như chơi.

Người chồng vâng lời, đưa tiền cho vợ. Bà ta bỏ tiền vô ví, cầm chắc trong tay.

Hai người bước vô chợ, đi vòng vòng ngắm nghía hàng hóa một hồi, cuối cùng bà vợ quyết định mua một bộ đầm 130 ngàn. Nhưng khi móc ví trả tiền thì mới hay là ví đã bị rạch và gói bạc biến mất. Anh chồng nhỏ nhẹ nói:

- Phải chi lúc nãy em để anh giữ tiền thì đâu đến nỗi.

Bất ngờ bà vợ túm lấy cổ áo chồng, gầm lên:

- Đồ ngu! Tại sao tôi bảo anh đưa tiền cho tôi giữ mà anh cũng đưa? Anh phải biết ngăn cản tôi chứ. Thế mới gọi là đàn ông chứ, đàn ông gì mà vợ bảo sao nghe vậy để đến nỗi mất hết tiền. Lỗi của anh sờ sờ như thế mà còn đổ cho người ta. Đàn ông gì mà hèn quá vậy!

Bị nắm cổ áo ngay giữa chợ, anh chồng mắc cỡ quá, năn nỉ:

- Anh xin lỗi. Buông anh ra đi. Đừng làm thế ở chỗ đông người.

Nhân vật thứ hai là một người tướng tá đạo mạo. Buổi trưa nóng nực, tình cờ tôi gặp anh ta trong một quán nước. Thấy cổ tay anh ta bị những vết xước chằng chịt như có ai lấy dao lam cứa hàng trăm nhát trên đó, tôi bảo:

- Ủa, tay của ông sao vậy?

Anh bạn vốn là một nhà giáo. Trước khi trả lời câu hỏi, anh ngó lui ngó tới xem có học trò ngồi chung quanh không, rồi rí tai tôi:

- Vợ nó ngắt.

- Trời đất! Ngắt mấy ngày mà nát bấy cái cổ tay vậy?

- Có một đêm thôi. Đêm kinh hoàng. Mất ngủ.

- Sao ông không kháng cự?

- Vì mình có lỗi.

- Lỗi gì?

- Bị bắt quả tang đi chơi với bồ nhí.

- Thì cứ xin lỗi và hứa không quan hệ lăng nhăng nữa là được rồi. Việc gì mà phải nằm im chịu trận âm thầm trong đêm như thế?

Anh bạn giáo viên thở dài, xoắn cái ống tay áo xuống, cài măng sét để che những móng vuốt đàn bà, đoạn phân trần:

- Nhà chật, con cái nằm ngủ sát bên cạnh. Vợ chồng cãi nhau sợ chúng nghe, chúng nó buồn, còn mình làm cha cũng sợ mất uy tín, vì thế mà cả bà vợ lẫn mình không ai nói một tiếng. Cuộc trừng phạt vì thế đã diễn ra quằn quại trong đêm tối, nhức nhối trong âm thầm.

Nhân vật thứ ba là một anh nhà văn. Ngày nọ tôi đến nhà anh ta chơi, vừa bước vào nhà đã nghe tiếng cãi vã phía trên cầu thang. Tôi vừa định lên xem chuyện gì thì thấy anh nhà văn hối hả chạy xuống, phía sau là một cô vợ trẻ cầm con dao thái thịt đuổi theo bèn gót. Để bạn khỏi ngỡ ngàng tôi nép vào trong gầm cầu thang, trốn. Cô vợ vung dao chém một nhát, anh nhà văn né kịp, con dao Đồ Long chém vô tường nhá lửa. Cô vợ trẻ phóng lưỡi dao về phía đức ông chồng nhưng hụt. Một trận quyền cước tiếp theo sau. Anh bạn nhà văn nép vô xó chịu đòn, lưng áo bị xé toạc, hằn in dấu cán chổi của trận đòn ngày hôm trước. Lúc ấy tôi bèn xuất hiện can ngăn, đỡ đòn cho bạn. Bà vợ trẻ cúi xuống nhặt con dao, đứng trước mặt chồng mấy cái rồi bỏ đi. Tôi dìu anh bạn lại ngồi nơi cầu thang. Hỏi vì sao bị cô vợ bé đánh quá xá vậy, thì đáp:

- Tối hôm qua mình về với bà cả và mấy đứa nhỏ.
- Thế bà Hai có đồng ý không?
- Mình có xin phép nghiêm chỉnh.
- Vậy tại sao lại bị đánh?

Anh bạn kéo chiếc khăn tay ra hỉ mũi sồn sột, sau đó ho khan lên mấy tiếng rồi mới trả lời:

- Đó là tại vì lúc ra đi thì mình khỏe mạnh mà khi trở về thì mình bị cảm cúm. Bà Hai hỏi: "Anh về nhà làm gì mà bị mất sức dữ vậy?" nhưng mình có làm gì đâu mà mất sức.

Nói đến đó thì anh bạn hắt xì hơi mấy cái liên tiếp, rồi lại phân trần:

- Ông nghĩ coi, cảm cúm có khi là chuyện trái gió trở trời.

Trên đây là ba mẫu chuyện sợ vợ với ba nhân vật khác nhau, ba tình huống khác nhau. Bạn đọc chớ vội chê họ là những kẻ hèn nhát đàn độn. Anh bác sĩ trong mẫu chuyện thứ nhất sợ vợ chẳng qua vì lòng độ lượng, không muốn hơn thua với đàn bà, thật đáng khen thay! Anh giáo viên trong mẫu chuyện thứ hai sợ vợ vì mục đích vô cùng cao cả đó là ngại ảnh hưởng xấu đến con cái, thật đáng kính thay! Còn anh nhà văn trong mẫu chuyện thứ ba thì lấu cá hơn nhiều. Hẳn sẵn sàng đưa lưng ra chịu đấm để được... bắt cá hai tay.



NỖ KHỔ CỦA NGƯỜI HAI VỢ

Bạn bè gặp chàng thường ngã mũ chào:

- Sư phụ.

Thực ra chàng chưa đi dạy học bao giờ. Cũng chưa hề thí phác quy y cửa Phật. Chẳng qua bằng hữu nể chàng vì chàng có hai vợ.

Sao lại không nể? Ngày xưa nhiều bậc vua chúa lên ngôi lúc còn là một đứa bé con, chẳng hạn như vua Phổ Nghi bên Tàu, thế nhưng tự cổ chí kim, muốn lấy vợ và "hoàn thành nhiệm vụ" thì anh chồng ít nhất cũng phải bước vào tuổi thành niên. Nhiều người thắc mắc hỏi:

- Tại sao cai trị một nước lại chỉ cần một đứa bé, còn cai trị một người đàn bà lại cần phải thành niên?

Xin thưa:

- Là vì cai trị một nước còn dễ hơn cai trị một người đàn bà.

Thấy chưa, làm chồng một người đàn bà nó quan trọng như thế đấy, hướng chi làm chồng một lúc hai người đàn bà, hỏi sao bạn bè gặp chàng không kính cẩn ngã mũ thưa: "sư phụ"?

Tuy vậy, nếu có ai tỏ lòng ngưỡng mộ mà mời chàng đi ăn nhậu thì chàng sẽ từ chối ngay. Ai không hiểu tưởng chàng kiêu cách. Thực ra thì chàng không bao giờ dám ăn cơm ngoài đường.

Nếu hôm đó chàng ở với bà Cả thì chàng phải về ăn cơm với bà Cả. Đi nhậu với bạn, chàng sẽ bị bà Cả nghi là ăn cơm với bà Hai.

Ngược lại, nếu hôm đó chàng ở với bà Hai, đi nhậu với bạn cũng bị bà Hai nghi là về ăn cơm với bà Cả. Chàng có giải thích cách nào họ cũng không tin. Và họ nổi tam bành lên.

Thế là đành giã từ bè bạn, không bao giờ dám dự một cuộc vui nào với anh em, chàng trở nên cô độc, ích kỷ và hèn.

Nhưng suốt ngày lẫn quẩn ở nhà bếp của mình cũng đâu đã được yên thân.

Ngày nọ, chàng ăn trưa ở nhà bà Cả xong thì đến với bà Hai. Tối chiều, bà Hai dọn cơm nhưng chàng mệt nên chỉ ăn qua loa vài miếng.

Bà Hai mắng:

- Thấy chưa! Về nhà được người ta chăm sóc quá mà, ăn toàn cao lương mỹ vị. Đến đây còn bụng dạ đâu mà ăn nữa.

Chàng sợ quá. Lần sau rút kinh nghiệm, khi bà Cả dọn cơm, chàng chỉ ăn nửa chén để đến chiều lại nhà bà Hai ăn uống cho nhiệt tình một chút. Quả nhiên chàng ăn rất ngon miệng. Một lát cá thu chiên, một đĩa dồi trường, một khoanh giò lụa. Cuối cùng thấy còn hai chai bia, chàng xúc luôn nửa hộp phô mai Đầu Bò, lòng hí hửng chắc được bà Hai khen ngợi. Ngờ đâu sét đánh ngang tai:

- Làm gì mà ăn dữ vậy? Bộ ở nhà "vui vẻ" với bà xã nhiều quá, hết xí-oách nên ăn nhiều để lại sức hả?

Thua! Vô phương cứu chữa!

Như vậy có thể kết luận: Nếu bạn có hai vợ thì bạn không được ăn ít, cũng không được ăn nhiều, không được ăn quá đậm bạc mà cũng không được ăn quá bổ dưỡng.

Nhưng bạn có thể bị bà Cả hoặc bà Hai cấm ăn hoặc bắt ăn, chuyện đó còn có thể chịu được bởi vì nam nhi như cánh đàn ông của bọn mình thường coi nhẹ miếng ăn. Nhưng nếu bạn bị "cấm bệnh" thì bạn sẽ phải làm gì?

Năm nay chàng cũng gần ngũ tuần. Mỗi khi trái gió trở trời chàng hay nhức mình, uể oải, hắt hơi, sổ mũi. Nhức mình thì có thể giấu được nhưng hắt hơi, sổ mũi thì làm sao giấu?

Về nhà bà Cả ư? Đố bạn dám hắt hơi! Bạn sẽ nghe bà Cả bình luận ngay:

- Mê vợ bé quá mà! Đêm bảy ngày ba mà làm gì không hắt hơi, sổ mũi.

Còn nếu bạn bùm miệng không kịp, rui ho mấy tiếng ở nhà bà Hai thì lời bình luận sẽ văn chương bay bướm hơn:

- Gia đình sum họp, nệm ấm chăn êm, mây mưa thỏa sức. Ho lao là phải.

Tóm lại nếu bạn có hai vợ thì bạn sẽ không được quyền bệnh. Nếu lỡ trái gió trở trời thì phải mua thuốc uống gấp. Nhưng phải để ý, đừng bao giờ đại dột uống thuốc trước mặt các bà mà hãy vô toa-lét đóng kín cửa.

o

Có một lần chàng in tấm danh thiếp. Tình cờ lúc ấy bà Hai lại đi theo. Chàng bảo bà đứng ngoài để coi xe còn mình vào đặt hàng. Nội dung danh thiếp rất đơn giản.

TRẦN CUNG

Thầu khoán.

Nhà riêng: 200 đường Lê Lợi.

Kể từ khi in xong, lúc nào chàng cũng bỏ hộp danh thiếp trong xách tay, trong túi áo, gặp bạn bè là đưa cho nó oai.

Ngày kia bà Cả gọi chàng đến bên giường hỏi vặn:

- Nhà của anh là nhà này hay là nhà của con chợ trời ấy?

- Dĩ nhiên là nhà này.

- Vậy tại sao anh ghi trong danh thiếp: nhà riêng 100 đường Quang Trung?

Chàng lật tấm danh thiếp lên xem. Trời ạ! Không biết trò phù thủy nào đã biến cái địa chỉ 200 đường Lê Lợi thành 100 đường Quang Trung. Chàng cứng họng. Chứng cứ rành rành không thể chối cãi.

Hôm sau chàng gặp bà Hai:

- Em đã đến nhà in thay đổi địa chỉ trên danh thiếp phải không?

- Đúng! Bộ anh không coi nhà em là nhà của anh hả?

Tất nhiên bố chàng cũng không dám nói không. Chàng đành gật gật. Bà Hai cười cười:

- Vậy thì việc em đến nhà in đổi địa chỉ, có gì anh phải khiếu nại?

Nhưng câu chuyện không chấm dứt ở đó.

Ngày kia, khi chàng vừa đi làm về đã bị Bà Hai thộp cổ. Cọc danh thiếp đặt "kịch" xuống bàn như bộ bài nằm sấp.

- Lật lên đi!

Chàng nhìn tấm danh thiếp, lòng nghi hoặc, không biết trò quỷ quái nào lại diễn ra nơi mẫu giấy bé nhỏ tội nghiệp kia. Bàn tay chàng run lấy bầy, chàng có cảm tưởng nếu mình lật nó lên thì chẳng khác nào tự lật mặt nạ của chính mình.



HUYỀN THOẠI VỀ NGƯỜI CHỒNG BẢN LÃNH

T rước đây một nhà văn nổi tiếng của Sài Gòn có viết một truyện ngắn lấy tên là TÌNH CAO THƯỢNG. Đại khái, một cô tiểu thư trẻ đẹp lấy một người chồng cũng trẻ đẹp, trí thức. Ai cũng cho là xứng đôi vừa lứa. Nhưng trong quan hệ tình dục thì cô vợ chỉ tìm thấy "cảm giác mơ hồ về hoan lạc" và thường thì sau mỗi lần như vậy anh chồng trí thức kia chỉ biết xin lỗi.

Ngày nọ, cô tiểu thư về quê. Trên một đoạn đường vắng, cô bị tên côn đồ hãm hiếp. Và cô tiểu thư đã tìm thấy khoái cảm, đến nỗi về sau khi tên côn đồ bị bắt đưa ra tòa thì chính cô tiểu thư đã bái nạy cho hắn.

Câu chuyện ấy đã làm tôi băn khoăn suốt thời trai trẻ. Tôi cho rằng đó là một khám phá quan trọng, đáng cho các ông chồng phải suy nghĩ. Nhưng về sau, khi đã yêu và đã lập gia đình, tôi mới thấy rằng câu chuyện trên hoàn toàn giả tạo, cá biệt, chứng tỏ người viết không hiểu gì về đàn bà hoặc không từng quan hệ xác thật với một người đàn bà mình yêu.

Tác giả truyện ngắn trên chắc chắn cũng không hiểu được một người đàn bà cần gì ở người đàn ông khi quan hệ tình dục. Truyện ngắn kia có lẽ được xây dựng trên quan niệm: làm tình kéo dài sẽ đem lại *khoái lạc cho người đàn bà*. Đó là một quan niệm hời hợt, thực dụng và quá đơn giản. Quan niệm đó cũng không đúng ngay cả với những cô gái làng chơi.

Cái mà các cô gái làng chơi này cần ở người đàn ông để có sự khoái lạc xác thật lại chính là tình cảm chứ không phải những ngón nghề.

Đọc một số sách dạy về nghệ thuật chăn gối giữa hai vợ chồng, chúng ta thường bắt gặp lời khuyên: Hãy vuốt ve, mơn trớn, hãy làm khúc dạo đầu thật kỹ trước khi vào cuộc thì sẽ đạt được đỉnh cao của khoái cảm. Lời khuyên ấy đúng, nhưng hoàn toàn thiếu sót và không áp dụng được đối với rất nhiều trường hợp, không cần thiết đối với một số trường hợp khác.

Một người đàn ông có thể làm tình rất thành công, rất tuyệt vời với người

đàn bà này, nhưng lại rất thất bại, rất tồi tệ với người đàn bà khác. Tại sao? Trả lời được câu hỏi ấy là giải quyết được tất cả những vấn đề mà chúng tôi vừa đặt ra trên đây.

Bạn tin không, nếu có người nói: *Yếu tố quan trọng nhất, cơ bản nhất để đem lại khoái lạc xác thịt cho người đàn bà đó là tình yêu.* Sự "bền bỉ" của người đàn ông tuy cần thiết nhưng rất phụ. Trong quan hệ xác thịt có thể thiếu sự bền bỉ nhưng không thể thiếu tình yêu. Nếu chỉ có sự bền bỉ mà không có tình yêu thì sự bền bỉ ấy chẳng những vô dụng mà còn biến thành cực hình mà người đàn bà phải gánh chịu một cách khốn khổ và nhục nhã. Càng bền bỉ càng kéo dài sự khốn khổ ấy.

Như chúng ta đều biết, đàn bà bao giờ cũng chậm hơn đàn ông về sự kích thích tình dục, chính vì thế mà "khúc dạo đầu" (như sách vở thường nói) là rất cần thiết.

Nhưng khúc dạo đầu là gì?

Nếu không có tình yêu thì không thể có khúc dạo đầu ấy.

Thiếu tình yêu, người đàn bà sẽ rất sợ khi bị người đàn ông nọ đụng chạm, vuốt ve, hôn hít, ôm ấp... chính sự chán nản ấy chẳng những không khơi dậy hứng khởi mà còn làm cho cảm xúc tàn lụi, cơ bắp teo lại, nhường chỗ cho sự ê chề, mệt mỏi. Thế thì cái "khúc dạo đầu không tình yêu" ấy chỉ có tác dụng báo hiệu cho người đàn bà một cuộc tra tấn sắp phải chịu đựng, một trò hề sắp diễn ra.

Có tình yêu thì chỉ cần một cái nắm tay của người đàn ông, người đàn bà đã rung động toàn thân rồi, nói chi đến cái hôn, cái vuốt tóc hay sự mơn trớn ngọt ngào. Có người đàn bà đạt đến cực độ khoái cảm ngay trong khúc dạo đầu, cũng có người coi đó là giai đoạn tuyệt diệu nhất trong cuộc làm tình. Khúc dạo đầu trong tình yêu say đắm sẽ là nắng, là gió, là cơn mưa lành nuôi cho trái hạnh phúc chín đỏ và những động tác xác thịt tiếp theo đó sẽ là sự hái trái, sự nhâm nhi mật ngọt và sự chết lịm.

Khi một cặp vợ chồng yêu nhau thì không cần đến lời dạy của sách vở họ cũng thấy cần phải có khúc dạo đầu ấy. Ngược lại, nếu không có tình yêu hoặc cặp vợ chồng ấy đã chán nhau thì họ không thiết tha gì đến khúc dạo đầu, nếu có cũng chỉ là sự gắng gượng nhạt nhẽo và thường đem lại sự cụt hứng nửa chừng, đôi khi khiến họ không thể tiếp tục cuộc chung đụng hoặc tiếp tục một cách qua quít. Kết quả sẽ rất bi thảm: hoặc cả hai người đều muốn kết thúc nhanh để ngủ, hoặc

một người sẽ tự động cắt ngang để nhường một mình cho thoải mái.

Ngược lại, nếu có tình yêu thì chẳng những khúc dạo đầu sẽ rất miên man, rất phong phú mà phần "chủ đề" của bản giao hưởng xác thật sẽ tuyệt vời hơn với những biến tấu đầy bất ngờ và diễm ảo.

Người đàn ông bèn bỉ hay không cũng phụ thuộc vào tình yêu. Tình yêu giúp người đàn ông tự tin hơn vì hiểu rằng chỉ cần một cử chỉ nhỏ của mình cũng đủ làm rung động người đàn bà, do đó tinh thần người đàn ông trở nên mạnh mẽ, thể xác của người đàn ông trở nên cứng cáp, vững chãi và bèn bỉ.

Đó là phép lạ của tình yêu.

Tình yêu không những chỉ tạo ra văn học và nghệ thuật, tình yêu còn tạo ra nhục cảm.

Vì thế người đàn ông bản lĩnh trong quan hệ yêu đương là người được yêu, biết yêu và biết cách bày tỏ tình yêu say đắm ấy với người đàn bà.

18.



HỎI THẾ GIAN: TÌNH LÀ VẬT GÌ?

Ngày xưa người chiến binh ngoài mặt trận muốn gửi thư về nhà cũng phải mất cả tháng trời ngựa chạy hay nửa tuần trăng chim nhạn bay. Nay, ngồi trước máy vi tính, chỉ cần nhấp chuột vài lần là đã có thể gửi một bức thư kèm hình ảnh của mình cho người thân đang ở bên Mỹ trong vòng không tới mười giây đồng hồ. Rõ ràng là lịch sử nhân loại có những bước tiến lớn.

Nhưng có một thứ mà từ hàng ngàn năm nay chẳng những không tiến mà còn bước lùi, không phát triển mà còn thoái hóa. Đó là TÌNH YÊU.

Ngày xưa khi yêu nhau người ta thề cùng sống chết, ví dụ như mối tình Trọng Thủy – Mỵ Châu. Khi Trọng Thủy chạy theo dấu lông ngỗng, thấy vợ mình nằm chết bên đường thì vô cùng đau xót, chàng an táng vợ rồi nhảy xuống cái giếng trong thành Cổ Loa mà tự tử. Bên Tây cũng có Roméo và Juliette yêu nhau mà không lấy được nhau, đành cùng chết trong chốn nhà mồ...

Ngày nay, những chuyện tình đồng sanh đồng tử như thế đều bị xem là lỗi lầm, lỗi thời. Không ít những cô gái ngày nay buổi sáng hẹn hò với anh chàng này, tối đến nhảy đầm với anh chàng nọ. Trong chuyến đi từ Moscow về Seoul tháng 11 năm ngoái tôi gặp một cô hướng dẫn viên du lịch người Hàn Quốc. Ban đầu nói về các trang web, sau đó chuyển qua đề tài điện thoại có hình ảnh. Cô gái kể rằng những người bạn của cô ở Seoul rất táo bạo. Họ làm quen với nhau trên mạng và sau đó nói chuyện với nhau bằng điện thoại có hình. Nhưng chỉ nhìn thấy mặt nhau, hai người chưa thỏa mãn tính tò mò, họ đồng ý cho nhau xem những bộ phận khác của cơ thể. Và thế là mặc dù chưa hề gặp gỡ nhau, nhờ chiếc điện thoại truyền hình, họ đã có thể biết tường tận về cơ thể của nhau rồi.

Cho nên nam nữ ngày nay sẽ không còn tìm thấy sự hồi hộp khi chạm vào ngón tay của người tình, sự ngất ngây bởi một mùi hương tóc thoảng qua. Lớp trẻ bây giờ yêu nhau và bỏ nhau như thay áo. Buổi sáng bị bồ đá, buổi chiều đã có ngay bồ mới vì tên tuổi của hần ta đã nằm sẵn trong bộ nhớ của chiếc hand-

phone. Họ ăn món tình yêu một cách ngẫu nhiên. Họ vồ lấy, bỏ vô miệng và nuốt, không cần nhai. Có lẽ vì món ăn bây giờ nhiều quá, không phải mất tiền mua. Họ ăn nhanh, họ hưởng thụ tối đa, không kịp nhận ra hương vị.

Một cô gái trẻ đến nhà một chàng trai nhưng chàng ta đi vắng. Cô gái chui vào giường của chàng nọ, kéo mền, ngủ và chờ đợi. Tôi đã chứng kiến nhiều cô gái trẻ chờ đợi như thế trên cùng một chiếc giường.

Một lá thư tình buộc dưới chân con chim nhận hoàn toàn khác với một lá thư tình truyền qua mạng internet, vì thế bản chất của tình yêu cũng đã khác. Tình yêu ngày xưa là cái gì mong manh như mây khói, nên nó lãng đãng, nó nhiều truyền thuyết và đầy chất huyền thoại. Tình yêu bây giờ là tốc độ, hưởng thụ và thực dụng. Các nhà thơ trẻ bây giờ chê, không làm thơ tình nữa.

*Hỏi thế gian tình là vật gì?
Mà khiến sinh tử tương hùa
Trời Nam đất Bắc song phi nhận
Cổ thụ mấy mùa hàn sương
Hoan lạc thú, biệt ly sầu
Nỗi khổ chứa đầy tình tương tư.*

Những câu thơ ấy vang lên giữa núi rừng, sau một trận tử chiến. Người ngâm nga nó là một nữ sát thủ tên là Lý Mạc Sầu. Nhân vật này lòng đầy oán hận, giết người không gớm tay. Đó lại là một dạng khác của tình yêu: tình yêu biến thành tình thù.

Nhưng bài thơ trên chắc chắn không dành cho ả. Đó là bài thơ mà nhà văn Kim Dung viết tặng cho mối tình của Dương Qua và Tiểu Long Nữ, và đã mượn cái miệng của Lý Mạc Sầu gửi thông điệp xót xa ấy cho thế gian.

Hỏi thế gian tình là vật gì?

Xưa nay người ta thường hỏi: tình là gì? Không ai hỏi tình là VẬT gì. Chữ VẬT khiến ta liên tưởng đến một món nợ phải trả, một thực thể hiện hữu trấn giữ ngạo mạn giữa tâm trí, một biểu tượng quyền lực chi phối, quyết định vận mạng đôi lứa và có lẽ còn là một linh vật kiểu như linga hay yoni trong văn hóa Chăm đầy ấn tượng. Vật cũng có thể là một cái gì mong manh như sương khói, thoát ẩn thoát hiện như chiếc lá khô, như áng mây hay như cái bóng.

"Tình yêu là cái bóng của mình, khi ta đuổi theo thì nó chạy nhưng khi ta bỏ chạy thì nó đuổi theo... Tình yêu là con quái vật kỳ lạ: khi ta bỏ đói thì nó sống, khi cho nó ăn no thì nó chết."

Vì nó đầy nghịch lý như thế nên Lý Mạc Sầu vẫn cứ hỏi thế gian:

Tình là vật gì, mà khiến sinh tử tương hùa?

Không ai biết nó là vật gì nên nó là tất cả: là một cơn mưa, một vạt nắng chiều, một giọt sương trên lá hay một giai điệu: *Những ngày không có anh, biển bạc đầu thương nhớ. Những ngày không có anh, lòng thuyền đau rạn vỡ.*

Tình yêu vừa yếu đuối vừa mạnh mẽ, vừa khơi nguồn sức sống vừa gieo rắc cái chết, nó đem lại hạnh phúc nhưng cũng nhận chìm con người trong khổ đau. Tình yêu tạo ra văn học nghệ thuật nhưng cũng gieo rắc chiến tranh.

Ngày xưa, Ngô Tam Quế chỉ vì người thiếp yêu của mình là Trần Viên Viên bị Lý Tự Thành chiếm đoạt mà đã đầu hàng nhà Thanh và dẫn quân Thanh về tiêu diệt nhà Minh. Họ Ngô đoạt lại người đẹp nhưng nhà Thanh thì đoạt được cả một đất nước Trung Hoa rộng lớn, lập nên một đế chế hùng mạnh tồn tại suốt mười ba triều. Cuộc tình giữa Ngô Tam Quế và Trần Viên Viên đã gây nên một cuộc chiến tàn khốc làm cho hàng vạn người chết trong số đó có gia tộc của Ngô Tam Quế bị Lý Tự Thành tru di.

Không có cái gì đa dạng bằng tình yêu. Tình yêu là một thế giới Nhị Nguyên, tương phản cùng cực nhưng cũng dung hợp cùng cực. Nó là Thái Cực Đồ: bao gồm hai yếu tố âm và dương, trong âm có dương và trong dương có âm, tương tác, vận động và chuyển hóa thành vạn vật.

Tình yêu giống như cái ĐẠO của Lão Tử. Nó bao trùm vũ trụ. Cũng như nó đã bao trùm lên cuộc tình của hai nhân vật Tiểu Long Nữ – Dương Quá và liên tiếp đẩy họ vào những tình huống chết người để thử thách lời thề đồng sinh đồng tử.

Mối tình ấy là lời nhắn gửi cho đời sau, cho những thời đại mà tình yêu đang bắt đầu tàn héo.



VINH QUANG CỦA NGƯỜI SỢ VỢ

Ý niệm "vinh quang" thường sánh đôi với những mỹ từ như "dũng cảm", "hào hùng" "kiên cường" "bất khuất" v.v... và hầu như không bao giờ chịu cặp kè với từ "SỢ". Cho nên khi đặt nhan đề cho bài viết là "VINH QUANG CỦA NGƯỜI SỢ VỢ" tôi cảm thấy hồi hộp, ngại ngùng, không biết rủi như bà xã tôi mà đọc được thì nàng có hiểu thấu cho lòng ngưỡng mộ sâu sắc của tôi khi viết về nàng không, hay nàng lại tưởng tôi có ý chơi chữ để chế diễu nàng.

Sợ, cho dù là sợ ai thì cũng là "sợ". Mà sợ thì chẳng những không có gì vinh quang mà còn hèn lấm các bố ạ. Khi tưởng tượng đến một người đang sợ, trong trí ta hiện lên hình ảnh một kẻ đang co ro, khép nép, mặt mũi xanh lè, tay chân run lẩy bẩy, giọng nói ấp a ấp úng... Nói chung hình ảnh một người đàn ông như vậy không có gì là vinh quang cả.

Người đàn ông vinh quang là người làm chủ bà vợ của mình. Thậm chí không cần ra lệnh mà chỉ trừng mắt một cái là bà vợ đã phải ngoan ngoãn vâng lời hoặc dẹp ngay ý định phản đối. Ngồi vào bàn ăn mà không có chai bia hả? Ném đĩa xuống bàn rồi đứng dậy là bà vợ khiếp vía. Một anh chồng thường khoe: Tiền bạc tứ quản lý. Mọi việc trong nhà tứ quyết định. Muốn đi đâu, mua sắm gì, phải xin phép tứ. Tứ bảo gì, nghe nấy. Người xưa gọi cái đạo lý ấy là "phu xướng phụ tùy."

Bậc vua chúa còn danh giá hơn vạn lần. Các ngài có rất nhiều vợ. Chẳng cần yêu đương, tán tỉnh, cũng đêch thềm viết thư tình, cứ phát hiện ra chỗ nào có gái đẹp là a-lê "tiến cung", ba mươi giây là nhảy lên giường. Nhưng cũng có khi đến ba mươi năm chưa chắc đã được hưởng ơn mưa móc.

Thời Tần Thủy Hoàng mỗi tối các bà vợ được tắm rửa, điểm phấn tô son, khử mùi lông nách... rồi cứ để trần truồng như thế, bọc trong cái chăn lớn. Hai tên quân hầu khỏe mạnh vác cả người lẫn chăn đem đến tận long sàng dâng vua, giống như đầu bếp dâng khoanh giò lụa. Vua hé chăn ra coi, thích thì "ngự" không

thích thì bảo đổi người khác. Hai tên quân hầu lại vác một khoanh giò lụa khác. Cứ thế, chạy rầm rập cả đêm.

Về sau này các ông con Trời ở bên Tàu đổi một khác. Buổi tối các ngài ngự trên chiếc xe dê, tà tà đi dọc các hành lang của tam cung lục viện. Ổn mưa móc của các ngài tưới vào đầu tùy thuộc vào sự ngẫu hứng của chú dê kéo xe. Rõ ràng là các bậc đế vương coi chuyện chăn gối với những bà vợ mình như một trò chơi ru-lét: trái banh dừng ở chỗ nào là trúng thưởng ở chỗ đó.

Tóm lại, ngày xưa cũng như ngày nay, trong dân gian hay trong cung cấm cánh đàn ông thường tự hào về quyền lực của mình đối với đàn bà và coi khinh những người sợ vợ.

Nhưng làm một đấng nam nhi đứng trong trời đất mà không biết sợ vợ thì uổng cả một đời trai!

Bạn tưởng tôi nói đùa? Bạn không hiểu? Thế bạn thích có một chiếc Dream mới tinh hay một chiếc xe mô-bi-lét cà rịch cà tàng?

Lái một chiếc Dream bạn phải nâng niu, cẩn trọng, sợ bị va quệt, bị trầy xước... nói chung là bạn phải làm nô lệ cho nó, nhưng phải công nhận là nó chạy êm ru. Sướng lắm!

Còn đi chiếc mô-bi-lét muốn vút đầu thì vút, không sợ trầy xước không ngại va quệt, không sợ bị kẻ gian cuỗm mất... nhưng thường hay nghẹt cái bu-gi lắm các bố ạ!

Như vậy bạn đã hiểu tại sao người ta sợ vợ rồi chứ? Một người đàn ông hay bắt nạt vợ bằng la hét hay trừng mắt, tưởng là ngon, thực ra đó là người chồng bất hạnh nhất trên đời. Bởi vì hắn đã coi vợ mình như một chiếc mô-bi-lét cà tàng, chẳng có gì thú vị, chẳng cần phải nâng niu trân trọng.

Một người sợ vợ trước hết vì vợ anh ta đẹp. Đắc Kỷ vợ Trụ Vương, Bao Tự vợ U Vương ... là những tuyệt sắc giai nhân mà hai ông vua đầy uy quyền của lịch sử Trung Quốc kia phải sợ hãi vâng lời răm rắp. Trụ là một người có tài về quân sự, có sức mạnh hơn người, ông đánh thắng bộ tộc Di, nhưng thua cái vòng số một nỏ nà của Đắc Kỷ.

Ông là kẻ bạo ngược, mọi người đều sợ ông nhưng ông thì sợ Đắc Kỷ.

Nhan sắc của Bao Tự cũng lừng danh trong thiên hạ, nàng đã khéo dùng cái "vốn tự có" của mình để làm mê mẩn U Vương và quay ông ta như quay đế. Bữa nọ nàng làm bộ buồn và bảo: Thiếp bị stress. U Vương bèn cho làm massage thư

giãn, cũng vẫn buồn, gọi các danh hài vô quây, cũng chẳng vui được chút nào. Hỏi làm sao hết buồn thì đáp: Thiếp chỉ thích nghe tiếng xé lụa. Bao Tự vốn xuất thân là cô bé quê mùa do nhặt được trên nương rẫy đem về, nhưng kiểu giải trí này thì quả nhiên quá cầu kỳ và tốn kém. Bởi vì lụa Tô Châu, Hàng Châu ngày nay mua một mét cũng mất 50 đô la Mỹ, thời đó chắc cũng không rẻ gì, thế mà cứ đem cả ngàn mét lụa ra xé để mua lấy một cái nhếch môi cười. Chiều vợ mà như U Vương quả trên đời chỉ có một. Cho nên người Trung Quốc đã hoảng hốt mà thốt lên rằng: "Sắc bất ba đào dị nịch nhân." Có nghĩa là vẻ đẹp của người nữ tuy không có sóng gió bão bùng nhưng rất dễ làm chìm đắm con người.

Vào khoảng đầu thế kỷ 20 ở Paris có chàng văn sĩ tài ba gốc người Áo tên là Rilke, tuy cách xa Trung Quốc ngàn dặm nhưng chắc vì cũng có kinh nghiệm mê gái đầy mình và có lẽ cũng đã từng bị các nương tử tóc vàng đi cho sói trán nên bèn nắm mấy cái sừng trên đầu mình mà khóc rằng: "Đẹp là một cái gì đáng sợ."

Người sợ vợ, dĩ nhiên rất yêu vợ, cưng và quý như một báu vật trên đời. Người vợ muốn được chồng cưng và quý như thế phải là một người như thế nào chứ! Ngoài sắc đẹp, tính tình phải dịu dàng, phải có tri thức, phải có đời sống tình dục và đời sống tinh thần hòa hợp với chồng. Nói chung là một người không thể thiếu trong đời sống của anh chồng. Có như thế anh chồng mới sợ mất, sợ sút mẻ tình cảm, sợ không làm vợ mình hài lòng, sợ nàng buồn bã, nhan sắc sẽ tàn phai.

Tôi biết có anh chồng cưng vợ đến nỗi có lần ghen mà không dám nói nặng, tất nhiên cũng không dám đánh, nhưng vì tức quá nên anh ta rút một cây nhang trên bàn thờ đập vào vai nàng một cái. Sách thánh hiền thường dạy: Chớ bao giờ đánh người đẹp dù là đánh bằng một đóa hoa. Anh bạn của chúng ta chắc cũng hiểu cái đạo lý ấy nên mới dùng một cọng nhang. Bởi vì đó là thứ dùng để thờ lạy, để tỏ lòng tôn kính. Đánh vợ mà đánh bằng một cọng nhang thì có khác gì quỳ trước mặt nàng mà hành lễ?

Nghĩ cho cùng, sợ vợ mà kiểu như U Vương, Trụ Vương thì chỉ đem lại tai họa. Nhưng sợ vợ mà biết nâng niu chiều chuộng nàng thì đúng là cái phước lớn của thiên hạ. Và nói theo triết học Thiền tông thì: Biết sợ vợ là đã NGỘ rồi vậy.

20.



ĂN CƠM TÀU, Ở NHÀ TÂY LẤY VỢ NHẬT

Cơm Tàu thì tôi ăn nhiều, nhà Pháp, nhà Mỹ tôi cũng từng ở, còn vợ Nhật? Chà! Ế vợ gần bốn mươi năm nay, tìm một cô vợ Việt còn bị chê, đào đâu ra vợ Nhật?

Nghe ông bà kể lấy vợ Nhật sướng lắm. Mình đi làm về, ngồi phè cho nó cởi giày, xong nó đi pha nước cho mình tắm. Mình ăn cơm nó quỳ một bên nó hầu, có miếng ngon vật lạ nó gấp bỏ vô chén, mình uống trà, nó dâng cả hai tay mời.

Cứ cho những lời đồn đại này là có thực đi, thì lấy một cô vợ như thế đã sướng chưa?

Đi ăn cỗ tôi rất sợ phải gấp thức ăn bỏ vô chén người khác, nhưng bị người ta gấp thức ăn bỏ vô chén mình còn đáng sợ hơn. Heo quay chẳng hạn, tôi rất ớn, nhưng vị phu nhân kia lại vừa gấp một miếng to tổ bố đặt vào chén của tôi. Ăn thì không nổi, mà bỏ đi thì mất lịch sự. Nếu cô vợ người Nhật mà thường xuyên làm như thế thì có gì là hay? Còn chuyện vợ quỳ trước mặt dâng trà cho chồng nghe cũng lạ, nhưng – nếu có vợ – tôi lại thích làm ngược lại. Trên đời này không có gì thú vị bằng quỳ lạy một mỹ nhân, lúc ấy lòng ta bồi hồi xúc động, nước mắt ta trào ra như suối, toàn thân ta tỏa hào quang như được "Phật độ". Như vậy xem ra tôi không thích lấy vợ Nhật rồi.

o

Còn chuyện ăn cơm Tàu? Chắc các bạn còn nhớ Từ Hi Thái Hậu đã tổ chức một bữa tiệc có một không hai trên thế giới để thết đãi Sứ thần 8 nước: Nga, Pháp, Mỹ, Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Ý, Đức tại Bắc Kinh. Bữa tiệc kéo dài 7 ngày đêm. Từ đêm 30 tháng chạp năm Nhâm Thân (1873) đến nửa đêm mùng 7 Tết Quý Dậu. Bữa tiệc ấy quy tụ mọi tinh hoa của nghệ thuật ẩm thực Trung Quốc.

Tháng 2 năm 1972, khi tổng thống Nixon sang thăm Trung Quốc, ông cũng được thủ tướng Chu Ân Lai đãi món thịt bò xào lá trà độc đáo. Đó là trà Long

Tĩnh ở Hàng Châu. Tôi có đến thăm các đồi trà ở đó và cũng được dịp nếm thử một tách trà thượng hạng của làng Long Tĩnh huyện thoại này, ăn thử mấy cái lá trà tươi – thứ được dùng để xào với thịt bò đái tổng thống Nixon – thấy quả thật là có hương vị độc đáo.

Những quan chức của làng trà Long Tĩnh bảo rằng trà ở đây chỉ được hái vào khoảng từ năm giờ sáng đến bảy giờ sáng vì đó là lúc cây trà vừa thức dậy, trên những lá trà còn đọng những giọt sương. Lá trà là dương, giọt sương là âm. Trên một lá trà phải có hai yếu tố âm dương hòa hợp như thế mới được phép hái.

Nhưng không phải ai cũng hái được. Trà ở làng Long Tĩnh phải do những thiếu nữ đồng trinh hái thì mới giữ được cái hương vị cao quý, tinh khiết của nó. Ôi! đó là chuyện vẽ vờ của người Tàu. Hồi xưa má tôi thường nói: Người Hàn Quốc thích tạo ra bi kịch, còn người Trung Quốc thì thích tạo ra huyền thoại. Quả không sai. Nhưng dù có huyền thoại hay không thì Trà Long Tĩnh cũng là thứ rất độc đáo.

Trở lại với cơm Tàu mà tôi đã "ăn" ở sáu thành phố bên Trung Quốc. Thực ra tôi có "ăn" đâu. Tôi chỉ "nếm thử". Tại sao những món ăn made in China thứ thiệt tại những khách sạn sang trọng này lại hoàn toàn khác xa với những món ăn Tàu ở Chợ Lớn hay ở China Town tại New York, tại San Francisco?

Mười lăm ngày, bốn mươi lăm bữa ăn là bốn mươi lăm nỗi kinh hoàng của đời tôi. Bởi vì nó toàn mỡ. Rau luộc mà cũng xối mỡ thì có gì mà họ tha! Cá cũng mỡ, gà cũng mỡ, thịt cũng mỡ, tôm cua cũng mỡ... chỉ có độc một món không mỡ là CƠM. Và tôi đã ăn cơm với muối tiêu suốt mười lăm ngày. Một cô bạn nảy ra sáng kiến. Cô rót cho tôi một tô nước trà. Thay canh sao? Không phải. Để nhúng thức ăn vô rửa mỡ trước khi ăn. Good idea! Quả nhiên đó là ý hay. Nhưng ăn chung mà làm cái trò đó hơi bất lịch sự. Tôi đi siêu thị mua một ký đào. Bữa trưa tôi ăn cơm với muối tiêu và đào. Nhưng lòng tôi không thể nguôi được nỗi ám ức. Những món mà người Tàu ở Chợ Lớn đã cho tôi ăn đâu rồi? Những đĩa cơm chiên hải sản tuyệt vời mà người Tàu ở San Francisco đãi tôi đâu rồi? Những món Điểm Sấm độc đáo mà tôi từng được thưởng thức ở New York sao tại chính quê hương của bà Từ Hy lại không có?

o

Nhà Tây thì sao? Theo cách hiểu thông thường thì đó là những ngôi biệt thự của Pháp, có nhiều mái, nhiều góc ngách, có sân vườn. Ở dưới rez-de-chaussée có hầm rượu, phía trên cùng, sát mái nhà, có grenier. Tường dày bốn

năm tấc xây bằng gạch thẻ đặc ruột và vôi, phòng cao bốn thước rưỡi, cửa lớn cao ba thước, cửa sổ cao hơn hai thước.

Còn theo cách hiểu bây giờ thì "nhà Tây" bao gồm cả nhà Mỹ, mặc dù nhà Mỹ và nhà Tây khác nhau rất xa.

Ở Mỹ—trừ những trung tâm thương mại lớn toàn là cao ốc năm bảy chục tầng—những khu dân cư đều là biệt thự. Người Mỹ thích thay đổi nhà như người ta thay đổi xe vì thế họ không xây nhà kiên cố như dân châu Âu. Nhà Mỹ xây bằng gỗ, kể cả những nhà giá một triệu đô la cũng xây bằng gỗ nhưng rất chắc chắn, đầy đủ tiện nghi và sang trọng. Nhìn từ bên trong không ai biết đó là nhà gỗ. Sàn nhà trải thảm, tầng hầm (basement) cũng trải thảm. Tường và trần nhà sơn nước phẳng lì như kiếng, tất cả các cửa đều làm bằng nhôm hoặc gỗ quý. Bên ngoài nhà là sân cỏ xanh và landscape trồng hoa kiếng.

Nhà của Tây là những mái ấm thần tiên. Họ ở trong rừng, dưới thung lũng xanh đầy bóng mát và tiếng chim. Có lần tôi đi dạo trong một khu dân cư ngoại ô thành phố New York. Đó không phải là cõi trần gian nữa, mà là thiên đường, với rừng cây, đồi cỏ, thảm hoa, mọc quanh những biệt thự xinh xắn như trong truyện thần tiên, mới giật mình thấy sao mà khoảng cách giữa dân của họ và dân của mình xa vời đến thế!

o

Ở Việt Nam, tại các thành phố lớn cũng có người ở nhà Tây, nhưng đại đa số nhân dân nhà cửa xuềnh xoàng, thiếu thốn, cho nên ở nhà Tây đối với dân mình là một mơ ước xa vời. Nhưng còn cái ăn thì chưa chắc ai đã hơn ai. Tôi đã đi nhiều nước trên thế giới nhưng không thấy đâu có món ăn tươi tốt, phong phú và ngon lành như ở Việt Nam. Còn chuyện lấy vợ thì hạnh phúc hay không phụ thuộc vào tình yêu chứ không cứ gì phải nài cho được một cô vợ Nhật.

21.



GÀI ĐỘ NHẬU

Ngày xưa tại Trung Quốc có bảy nhân vật nổi tiếng gọi là Trúc Lâm Thất Hiền. Một trong bảy vị đó là Lưu Linh, một tay uống rượu vào loại sư tổ. Ngài đã uống thì không bao giờ uống ít. Mỗi lần nhậu, ngài nốc sơ sơ 9 đấu rượu tương đương 20 lít. Ngài có thói quen, khi đi nhậu thường dắt một đệ tử đi theo. Hỏi để làm gì thì đáp:

- Để khi nào ta quá chén, có đứt bóng thì đào lỗ chôn luôn.

Chịu chơi đến thế, thiên hạ không gọi là hiền nhân cũng uống. Sở dĩ kẻ hậu bối ca ngợi cái tinh thần chịu chơi của sư phụ vì đám đệ tử của ngài ngày nay chịu uống rượu mà không chịu chơi. Họ coi bữa nhậu hơn cả nhân cách của mình.

Trong đám giang hồ quái khách hiện nay xuất hiện một tay gài độ có cỡ mà bất cứ ai nghe cũng chấp tay vái, gọi bằng thầy.

Thầy là người tự trọng, không thềm nhậu với đám nghèo. Ngày ngày, thầy lượn qua các quán nhậu, thấy bàn nào có khách xịn mới sà đến bắt chuyện.

Rượu được vài tuần, thấy bia đã cạn, mời cũng hết, không khí không được vui, ngài bèn vỗ lên túi xách:

- Tớ mới thắng xập xám hơn triệu bạc, cứ nhậu thoải mái.

Thầy mở túi xách, khoe cọc bạc xanh lè rồi búng ngón tay gọi một thùng bia, kèm một đĩa gà xé phay.

Thầy nói:

- Nhậu nhẹt như các chú chán chết. Uống thì phải uống tới chỉ mới đã.

Rồi vô lia lịa, thuốc lá đốt phì phèo. Vừa lúc, có một tốp ba ông bạn lững thững vào quán, thầy búng tay gọi luôn:

- Có chơi bia lon không? Lại đây.

Ba vị khách nghe lời mời thì cả mừng, bèn nhào tới. Bia nổ lớp bóp. Hồi lâu tiệc sắp tàn, thầy bèn đứng dậy vào toa-let. Lúc trở ra, thầy lấy khăn nóng lau mặt rồi bảo:

- Gọi tính tiền!

Tưởng thầy móc tiền trả, té ra thầy nói:

- Các cậu thanh toán hóa đơn này đi. Rồi tới lượt anh. Mình làm tăng hai.

Thầy móc túi ra một cục bạc, đồng dục tuyên bố:

- Nhậu hết triệu bạc này mới được về.

Anh em ai cũng say cả rồi nhưng vừa mới bị thầy gạt, tức lắm. Một người trong đám nổi máu, rút trong túi ra 100 đô la ném xuống bàn tổ luôn:

- Chắc hôn? Anh có dám chơi, tôi chơi luôn. Tui 100 đô, anh một triệu đồng Việt Nam. Chơi hết luôn.

Thầy cười ha hả:

- Khá lắm, chú em chơi được, chơi luôn.

Nhưng khi bạn bè gọi tiếp viên dọn bàn để "tăng hai" thì thầy ngăn lại:

- Tiền thì nhiều mà quán thì nhỏ. Chúng ta xuống Ngự Uyển uống bia lon, nhậu có chỗ gác tay mới đã.

Cả bọn hăm hở lên xe, rồ ga phóng đi. Thầy cũng lên xe trực chỉ. Đến nơi, mọi người vào quán yên vị hồi lâu nhưng đợi hoài không thấy thầy đến. Bạn bè tức quá kéo đến nhà thầy, vợ thầy bảo:

- Ông đang ngủ.

o

Tôi đem bài báo này đến nộp cho tòa soạn, sẵn lãnh cái nhuận bút 100 ngàn đồng của số báo trước. Người phụ trách trang, liếc nhanh qua bài báo, gật gù nói:

- Tuyệt quá, ta phải ăn mừng bài báo này.

Rồi anh kéo tôi vào một nhà hàng xinh xắn gần tòa soạn.

Anh là người hào phóng, kêu bia lon và thuốc con mèo đãi tôi.

Anh em uống với nhau một hồi tốn hết 65.000 đồng. Khi anh trả tiền tôi bỗng nhớ tới nhuận bút.

- Chết cha! Để tôi vào tòa soạn nhận nhuận bút kéo trễ giờ.

- Khởi lãnh! Mình đã lãnh giúp cậu rồi. Một trăm ngàn đồng, vừa trả hết 65.000 đồng tiền bia, còn 35.000 đồng của cậu đây.

Rồi anh ta nhét xấp bạc lép kẹp vào túi tôi.

Đêm đó, tôi ngủ không được. Không phải tôi tiếc 65.000 đồng bị gài độ mà tiếc đã nộp bài báo quá sớm. Nếu không, tôi đã có một đoạn kết hay hơn nhiều.

22.

HỨA LÈO

Có việc cần giúp đỡ, chạm phải một khuôn mặt lạnh tanh. Dội liền! Gõ cửa một công ty xin việc làm, gặp cô thư ký ngồi ngáp vặt. Đã buồn mà gặp một ông giám đốc mặt sắt đen sì không thèm nói nửa tiếng, lại càng buồn hơn.

Sự thờ ơ và lạnh lùng làm chúng ta khó chịu và đôi khi tủi thân.

Ngược lại, sự nhiệt tình của người khác làm chúng ta vui vẻ, tin tưởng và hy vọng.

Bạn có người thân bị bệnh nặng? Quá dễ, mình có người bạn làm giám đốc bệnh viện, để mình nói một tiếng là xong ngay. Nằm phòng chăm sóc đặc biệt, và miễn phí.

Con bạn mới tốt nghiệp đại học kinh tế hả? Cháu nó muốn xin việc làm ở công ty xuất nhập khẩu hả? Ba mươi giây! Ông anh ruột mình làm trưởng phòng tổ chức ở đó, có gì mà lo. Về làm hồ sơ gấp đi.

Bạn đang bị người ta tranh chấp nhà đất hả? Đã đưa đơn kiện khắp nơi mà không ép phê hả? Sao không cho mình biết sớm! Mình chỉ cần viết một bài báo là xong. Tờ báo ấy coi mình như người nhà. Tay trưởng ban biên tập là đàn em của mình.

Thật may mắn vì trên đời này còn có những con người quý hóa như thế!

Anh bạn của chúng ta là một mẫu người nhiệt tình với mọi người. Lúc nào cũng sốt sắng. Ai cần gì, anh ta không tiếc lời hứa. Chuyện khó cỡ nào anh ta cũng có cách giải quyết tốt đẹp. Chúng ta thấy tràn trề hy vọng. Chúng ta tin tưởng và phấn khởi. Chúng ta thấy anh rất đáng yêu, thấy trên đời này không gì cao quý bằng tình bạn, không gì hay ho bằng sự quen biết.

Nhưng hãy coi chừng! Dẫu rằng anh ta không có ý xấu nhưng rất có thể anh ta là một người ba hoa. Và rất hời hợt. Vừa trẻ con vừa rỗng.

Rất có thể anh ta có người bạn làm giám đốc bệnh viện nhưng đừng nói chi là người thân của bạn đang bị bệnh nặng, ngay cả chính anh ta bị bệnh chưa chắc

đến đó ông giám đốc đã nhận ra anh ta, nói chỉ đến việc chăm sóc đặc biệt và miễn phí, bởi vì đây là bệnh viện của nhà nước chứ có phải là bệnh viện của ông giám đốc đâu.

Cũng rất có thể anh ta có người em làm trưởng phòng tổ chức công ty nọ nhưng việc tuyển dụng nhân viên còn tùy thuộc nhiều thứ: công ty có thiếu người không? Người muốn xin việc có năng lực không? Cũng có thể người trưởng phòng nọ chỉ là em họ xa, và không ưa anh ta, trong trường hợp đó một cái thư giới thiệu của anh ta chỉ làm cho người trưởng phòng kia bức mình. Kết quả sẽ xấu đi rất nhiều.

Còn việc anh ta hứa giải quyết vụ tranh chấp nhà đất cho bạn chỉ bằng một bài báo. Thực ra ai đã từng làm báo hay từng gửi bài đăng báo đều biết rằng muốn đăng một bài báo không dễ chút nào. Nếu bạn là phóng viên được phân công đi viết bài mà viết không hay thì bài vẫn bị loại như thường. Nếu bạn chỉ là một cộng tác viên vô danh gửi bài đến, thì bài của bạn phải thật đặc sắc may ra tòa soạn mới dùng. Nếu bạn gửi bài tố cáo một vụ bê bối nào đó ở địa phương thì tòa soạn cũng phải gửi phóng viên đến tận nơi điều tra hư thực thế nào, mức độ có đáng đưa lên báo không... rồi mới quyết định đăng hay không, chứ làm gì có chuyện gửi bài báo vào tay một "đàn em" nào đó ở tòa soạn để đăng một cách vô tội vạ.

Tất nhiên cũng có những người hứa giúp ta và đã tìm mọi cách để giúp cho bằng được. Nhưng thường những người như vậy có cách hứa hẹn khác. Lời lẽ của họ chùng mịch hơn, ít lời hơn, chín chắn hơn. Cái gì nhắm được thì hứa, không thì thôi. Cái nào khó, họ sẽ cùng bạn tìm cách khắc phục để giải quyết một cách hiệu quả.

Đó là những người bạn tốt, có thể tin cậy được.

Những người gặp gì cũng hứa – trong dân gian người ta gọi là HỨA LÈO – xét cho cùng là những người nguy hiểm. Họ tạo cho ta những hy vọng hảo huyền. Có thể họ không có ý lừa gạt nhưng kết quả giống hệt một vụ lừa gạt. Họ làm chúng ta mất rất nhiều thì giờ bằng những chờ đợi vô vọng.

Vì tin vào họ mà chúng ta bỏ lỡ những cơ hội khác có khi rất quý báu và chỉ đến với ta một lần trong đời.

23.

TÔI ĐI CHỢ

Lúc chưa có kinh nghiệm, buổi sáng khi bà xã đi chợ, tôi thường nhờ mua một gói xôi hay mấy cái bánh giò. Vậy là coi như sáng đó nhìn đói. Tại sao? Vì thường buổi đi chợ kéo dài suốt hai tiếng đồng hồ. Không ai trên đời này có đủ kiên nhẫn để chờ một bữa ăn sáng như thế. Và hoặc là cái dạ dày sôi lên vì giận, buộc tôi phải xoa dịu nó bằng một tô phở ở đầu hẻm, hoặc là tôi xách xe đi làm với cái bụng rỗng.

Hỏi tại sao "người" lại đi chợ lâu thế, "người" chỉ cười, không đáp. Từ đó tôi tự đi ăn sáng lấy, chấm dứt giai đoạn "đợi mẹ đi chợ về".

Nhưng câu hỏi vẫn còn nằm chình ình trong đầu. Tại sao bà xã lại đi chợ lâu như thế? Lâu ngày câu hỏi biến thành cái búa gõ vào đầu tôi bình bình, không chịu nổi, tôi xỉ vả:

- Lấy một con rùa thật là chán. Đi chợ mất hai tiếng đồng hồ, nấu ăn mất hai tiếng, tổng cộng bốn tiếng đồng hồ cho một bữa ăn, trong khi thì giờ là vàng bạc.

Bà xã nói:

- Vậy anh thử đi chợ một bữa xem sao.

- Được, anh sẽ làm mẫu cho em thấy. Có gì đâu mà lâu lắc như vậy? Thịt bò, thịt heo bao nhiêu một ký, lựa thứ ngon nhất trả tiền. Xong. Cá bao nhiêu một ký. Lựa loại tươi nhất trả tiền. Xong, thêm một món rau. OK, xách giỏ đi về. Tổng chừng mười lăm phút. Cơm thì có nồi điện tự động. Thịt và cá, nấu nướng trong vòng hai mươi phút. Cứ cho tổng cộng là một tiếng đồng hồ đi, đã có một bữa ăn ngon lành. Làm gì mà em mất bốn tiếng đồng hồ cho một bữa ăn?

Bà xã im lặng, nhét vào tay tôi hai chục ngàn đồng.

- Sao ít vậy?

- Lâu nay em vẫn chỉ chừng ấy.

- Không hề gì. Ăn thua mình biết tính toán chi tiêu hợp lý.

Thế là tôi xách giỏ lên đường.

Thời đại văn minh mua đồ không cần trả giá. Mười ngàn thịt, tám ngàn cá và hai ngàn rau. OK, một bữa ăn ngon lành. Trên đời này không có gì dễ bằng đi chợ.

Tôi xách giỏ trở về chỉ đồng hồ, bảo vợ:

- Mười ba phút. Tiết kiệm được 107 phút. Em thấy không, trong 107 phút, tức 1 giờ 47 phút anh có thể viết xong một bài báo. Bài đó nếu đăng, kiếm được hai trăm ngàn đồng. Bao nhiêu là lợi. Thế mới gọi là tính toán chứ.

Bà vẫn im lặng.

Tôi lăn vô bếp. Thịt cóc lết tôi chiên. Cá tôi rán. Rau muống thì luộc, lấy nước làm canh. Nhất cử lưỡng tiện. Đàn ông mà tính toán thì khỏi chê.

Cả nhà thích thú quan sát tôi làm bếp với những nụ cười âu yếm. Tôi xếp thức ăn lên đĩa, giải thích cùng vợ con:

- Tất cả những đầu bếp giỏi nhất trên thế giới đều là đàn ông. Em xem, các nhà hàng lớn ở thành phố này có chỗ nào dùng đầu bếp là đàn bà đâu.

Mọi người ngời vào bàn. Phải nói đó là bữa ăn ngon miệng nhất trong đời tôi. Mà không phải chỉ mình tôi. Cả vợ và hai con trai kháu khỉnh của tôi đều đớp lia lịa. Ba mươi giây, đĩa bát sạch bách. Cả nước luộc rau chúng cũng bưng uống ừng ực. Cơm cũng sạch trơn, không còn một hạt.

Tôi vênh váo:

- Em thấy chưa. Trước đây có bao giờ mọi người ăn uống ngon lành như bữa nay không? Anh chưa hề học một khóa làm bếp nào, nhưng ăn thua là cái đầu. Người giỏi, làm việc gì cũng giỏi còn người...

Rất may tôi kịp nhớ câu "Bệnh tật từ miệng đi vào, tai họa từ miệng đi ra". Tuy vậy, bà xã không chịu bỏ qua, hỏi gay:

- Ý anh muốn nói còn người ngu thì làm việc gì cũng ngu, và con rùa thì làm việc gì cũng chậm có phải không?

- Đó là em suy luận, anh tuyệt nhiên không dám phạm thượng.

Cũng may bà xã cho qua. Còn "hô khẩu hiệu":

- Chúc mừng bữa cơm thành công rực rỡ.

Chiều đó tôi ở sở làm về, trong bụng rất vui. Theo thói quen tôi đi tắm trước khi dùng bữa cơm chiều. Tắm xong đèn trong hẻm bật sáng.

- Mời ba đi ăn cơm.

Tôi lưỡng lự ra phòng ăn. Ba mẹ con đang đợi tôi quanh mâm cơm chỉ có độc một chén nước mắm không có ớt.

- Sao kỳ vậy? Tôi hỏi.

- Có gì mà kỳ. Người ta luôn luôn đi chợ cho hai bữa ăn, chỉ có anh là không biết điều đó.

Tôi toát mồ hôi. Quả thực mình đã không nghĩ tới điều đó. Nhưng vẫn chống chế:

- Em đưa có hai chục ngàn, làm sao đi chợ cho hai bữa được?

- Lâu nay em đi chợ hai chục ngàn mà vẫn đảm bảo hai bữa cơm.

Tôi nhúc xương quá bèn xua tay:

- Thôi, anh hiểu rồi.

- Nhưng em thấy cần phải nói thêm cho anh hiểu rằng đi chợ như anh, ai đi cũng được. Cứ coi món nào ngon nhất thì mua, không cần trả giá. Đi chợ mười lăm phút là phải rồi. Còn em, mỗi lần đi chợ, cầm hai chục ngàn trong tay phải đi lui, đi tới từ đầu chợ đến cuối chợ để "nắm tình hình", sau đó mới quyết là sẽ mua cái gì. Khi mua phải trả giá năm lần bảy lượt, lựa hàng nào vừa rẻ vừa ngon thì mới mua. Về nhà còn phải chế biến như thế nào để có thể ăn đủ hai bữa cơm. Đối với những viên chức nghèo như mình cầm trong tay có hai chục ngàn mà phải lo hai bữa ăn cho gia đình thì cũng đau cái đầu lắm anh yêu ạ.

24.



XÂU CHÌA KHÓA

Bà vợ tôi suốt ngày tìm chìa khóa. Mới năm giờ sáng tôi đã bị đánh thức bởi những tiếng lục đục trong phòng.

- Kỳ quá. Lộn đàng nào.

Sợ làm phiền giấc ngủ của tôi nên bà không dám bật đèn, cứ mò tìm trong tối, đụng phải cái ly, bể tan tành. Tôi thức dậy, lấy chìa khóa của mình đưa cho bà để bà mở cửa đi tập dưỡng sinh. Tìm chìa khóa là chuyện thường ngày của bà, mặc dù lúc nào bà cũng kè kè chìa khóa bên mình, không rời một ly. Nhưng chính vì không dám rời xâu chìa khóa mà nó hay lạc mất. Từ trên lầu xuống đất bà cũng cầm chìa khóa theo rồi bỏ quên dưới đất, khi lên lầu, không có chìa khóa vô phòng thì kêu trời. Xuống đất tìm, không nhớ là để đâu. Bàn ăn hay phòng khách? Hay chỗ cái điện thoại?

Đi làm. Đến cơ quan lấy xâu chìa khóa ra mở tủ hồ sơ rồi cứ cầm luôn nơi đó mà đi về. Lại không có chìa khóa vô phòng. Lại kêu trời. Mắc bệnh đãng trí mà lại quá cẩn thận. Hễ cứ ra khỏi phòng là khóa cửa. Nhiều khi bóp ổ khóa xong mới nhớ là xâu chìa khóa vẫn còn ở trong phòng.

Tóm lại vợ tôi là người suốt đời đau khổ vì xâu chìa khóa.

Tôi hỏi:

- Tại sao em không để chìa khóa trong túi xách, cho dễ tìm?

Bà nghe lời tôi, cất xâu chìa khóa trong giỏ nhưng sau đó lại phải lôi hết đồ trong giỏ ra để tìm xâu chìa khóa vì bà không nhớ là đã bỏ vào ngăn nào.

Đồ vật thứ hai mà bà thường bỏ quên là cái mắt kính. Nó là cặp mắt của bà, không có nó coi như mù, chính vì thế mà đi đâu bà cũng mang theo. Ví dụ như sang phòng thẳng con trai để chỉ cho nó học toán rồi bỏ quên nơi đó. Nửa đêm khó ngủ cần kính để đọc sách thì thẳng con đã cài chốt cửa phòng đi ngủ từ lâu rồi.

Mỗi lần có nhân viên công ty cấp nước hay công ty điện đến ghi hóa đơn đòi

tiền, bà mang mắt kính từ trên lầu xuống, nói chuyện với họ một lúc rồi cũng bỏ quên mắt kính nơi phòng khách.

Để giúp bà khắc phục bệnh đãng trí, tôi bèn đóng cho bà một cái đinh nơi khung cửa, rồi kéo bà đến bên cái đinh, tôi nói:

- Mỗi khi đi làm về bà móc râu chìa khóa vô đây. Nhớ chưa. Tóm lại sau khi sử dụng xong là đem móc vô đây. Như thế sẽ không phải lục tung đồ đạc lên mà tìm nữa. Nhớ chưa.

Bà gật gật đầu nhưng có vẻ chưa tin cách quản lý chìa khóa của tôi. Để thuyết phục bà, tôi bèn chỉ cái đinh của tôi và nói:

- Lâu nay anh vẫn xài một cái đinh như thế. Rất là tiện. Cứ cần chìa khóa là đến chỗ cái đinh. Em thấy có bao giờ anh phải bận tâm về râu chìa khóa đâu.

Bà có vẻ hiểu ra, ngoan ngoãn lấy râu chìa khóa của mình móc lên cái đinh tôi mới đóng.

Sáng hôm sau như thường lệ tôi đến bên cái đinh để lấy chìa khóa đi làm thì trời ơi, nó đã biến mất rồi. Nhìn sang cái đinh của bà vợ yêu thì râu chìa khóa của "nàng" vẫn còn đó. Tôi tức muốn chết được vì không biết làm sao mở khóa xe đi làm, đành ngồi xích lô đến ngay chỗ bà đang tập võ dưỡng sinh. Đến nơi thấy mọi người đang tập hăng hái, chỉ riêng bà thì đang lom khom nơi bãi cỏ, giống như đang bắt dế.

- Bà bắt con gì đấy?

- Có bắt con gì đâu. Nhưng ông tới đây làm gì?

- Còn hỏi nữa. Bà lấy lộn chìa khóa của tôi. Đổi lại đi.

Bà vợ yêu của tôi lau mồ hôi trán, thở dài:

- Rớt mất rồi. Nãy giờ tìm muốn chết.

25.



CẶP SONG TẤU GHI-TA HUYỀN THOẠI

Câu chuyện bắt đầu tại một khu rừng rậm của tiểu ban Ceará trên vùng núi phía bắc Brazil, nơi bộ tộc da đỏ Tabajaras sống cách ly hẳn với người da trắng.

Mặc dù rất hiếu hòa nhưng những người Tabajaras vẫn không có thiện cảm với người da trắng. Họ thường tự hào rằng bộ tộc Tabajaras có một nền văn minh cao.

Một trong những vị lãnh đạo nổi tiếng của người Tabajaras là tộc trưởng Mitanga. Ông là cha của 30 người con. Và hai trong số con ấy đã làm nên câu chuyện thần kỳ nhất trong lịch sử âm nhạc thế giới.

Vào một buổi sáng cách đây hơn ba mươi năm, hai chàng trai người da đỏ tên là Musaperi và Herundy đang dạo chơi trong rừng thì nhận ra các dấu hiệu của những người da trắng vừa bỏ đi sau một bữa tiệc liên hoan picnic trên bãi cỏ xanh bên cạnh một lối mòn. Musaperi và Herundy nhìn thấy một cái hộp lớn màu đen bị bỏ sót lại.

Tò mò, hai chàng trai đem cái hộp về nhà, nhưng họ không dám mở ra vì sợ nó nổ. Trước đây đã có những người trong bộ tộc Tabajaras nhặt được những khẩu súng đem về, và trong lúc tò mò táy máy tay chân, họ đã làm súng nổ, gây kinh hoàng cho nhiều người.

Lần này thì Musaperi và Herundy cẩn thận hơn, họ đem giấu chiếc hộp đen vào một nơi kín đáo, suốt hai tuần liền.

Cuối cùng, vì thấy cái hộp có vẻ hiền lành và không có dấu hiệu gì là nó sẽ phát nổ, hai chàng trai bèn đem nó ra ngắm nghía và quyết định mở nắp hộp.

Vật đựng bên trong là một cây đàn ghi-ta. Nhưng họ không hề biết nó là một nhạc cụ, cho đến khi một người chạm ngón tay vào sợi dây đàn.

Những âm thanh ngân lên. Chúng cuốn hút hai chàng trai một cách thần bí. Herundy cầm cây đàn trên tay và bắt đầu mò mẫm.

Một tiếng gọi thần bí nào đó của thiên tài bẩm sinh đã vang lên trong tâm hồn chàng và những ngón tay chàng tự khám phá ra các hợp âm, các giai điệu. Chỉ mấy hôm sau hai chàng trai đã sử dụng được cây ghi-ta, đệm theo những bài dân ca hoang dã của bộ tộc Tabajaras. Họ yêu cây đàn đến nỗi quyết định rời bỏ bộ lạc để hòa nhập vào thế giới của người da trắng, nơi xuất thân của cây đàn ghi-ta.

Rio de Janeiro là nơi dừng chân đầu tiên trong chuyến phiêu lưu của hai chàng da đỏ trẻ tuổi. Đến lúc này họ vẫn chưa hề biết một nốt nhạc và hoàn toàn xa lạ với những lý thuyết, những quy luật về hòa âm. Tuy vậy những buổi biểu diễn của họ đã gặt hái được nhiều thành công. Âm nhạc của họ đã mang lại vẻ sơ khai, hoang dã. Phần nhạc đệm táo bạo, phóng túng và đầy ngẫu hứng của họ đã gây được ấn tượng mạnh mẽ sâu sắc trong những bài dân ca của bộ tộc Tabajaras.

Sau đó là một cuộc hành trình dài sáu năm ở Nam Mỹ và cuối cùng dừng chân tại miền bắc Mexico. Họ lấy biệt danh là Natalicio và Antenor. Tên tuổi của họ vang dội khắp nơi nhưng những người ái mộ lại thích gọi họ là "Những chàng Tabajaras" (Los Indios Tabajaras).

Bấy giờ họ quyết định ngưng các buổi diễn "võ rừng" của mình để học nhạc. Mỗi người chọn một thầy khác nhau. Antenor học chuyên về hòa âm (accompaniment) và Natalicio học chuyên về giai điệu (melody). Họ học thêm nhạc cổ điển và dân ca Brazil. Họ chơi nhạc Bach, Beethoven, Chopin, Rimsky, Korsakoff, Falla và Albéniz.

Sau hai năm học nhạc, hai chàng nhạc sĩ da đỏ tiếp tục cuộc hành trình của mình đến các nhà hát kịch tại những thủ đô Nam Mỹ. Sau đó là chuyến đi biểu diễn dài ngày ở Châu Âu. Họ đã ra mắt khán giả ở Madrid, Barcelona, Roma, Athens và Lisbon. Họ đã học hát và nói tiếng Ý, Đức và Hy Lạp. Đó là chưa kể tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha mà họ đã từng học trong những chuyến lưu diễn ở Châu Mỹ La Tinh trước đây.

Đến lúc này, chương trình biểu diễn của họ đã rất phong phú với các tác phẩm cổ điển Châu Âu, những bài dân ca mang đặc nét châu Mỹ La Tinh, cộng thêm những giai điệu hoang dã của bộ tộc Tabajaras.

Họ đã gặt hái được những thành công rực rỡ và nổi tiếng khắp thế giới. Họ đã đi rất xa trong âm nhạc, và rất xa bộ lạc của mình, nơi mà trước đây tình cờ họ đã nhặt được một cái hộp màu đen trên bãi cỏ cạnh một lối mòn trong rừng.



CHUYỆN PHIẾM VỀ CON TRÂU

Chẳng biết vì sao con trâu lại nằm kế con chuột. Chuột thì bé mà trâu thì to, hai con đứng cạnh nhau chẳng khác nào Minh Nhí khoác vai Bé Bự đi bát phở (xin phép hai danh hài cho tại hạ quây chút cho vui.)

Nhưng xưa nay hai con vật ấy vẫn đứng xếp hàng cạnh nhau mà không thấy có xích mích cãi cọ gì. Tuy nhiên về mặt thẩm mỹ thì một tiểu đội mười hai con giáp xếp hàng dọc so le quá cỡ như thế coi chẳng khác nào mười hai cái răng lòi xỉ!

Người ta thường dùng thành ngữ *đầu voi đuôi chuột* để chê bai những người ưa phô trương thanh thế mà hiệu quả công việc thì chẳng ra gì, nhưng tình huống của năm nay lại khác: Đầu Chuột đuôi... Trâu, biểu lộ một sự nở hậu. Đi mua nhà mua đất mà gặp một địa thế nở hậu thì ai cũng ham, làm ăn mà trước thì nhỏ, sau khuyếch trương lớn lên thì ai cũng khoái, nhưng về mặc sắc đẹp thì cái bộ phận đằng trước (vòng số một) nhỏ như con chuột nhắt mà đằng sau (vòng số ba) bự như con trâu thì ai thấy cũng chạy dài!

Thực ra con trâu chẳng có dính dáng gì tới sắc đẹp. Con gà con chó, thậm chí con ruồi còn biết vuốt ve đôi cánh để làm đẹp nhưng con trâu thì không.

Thú vui của nó là vui mình xuống sinh, sinh sẽ khô đi tạo ra một lớp áo sần sùi, nứt nẻ. Đó là tổ ấm của những gia đình sâu bọ, rệp, rận... chúng sinh sôi nảy nở tràn lan. Và những con sáo đen, chích chòe, chào mào... bay đến đậu trên mình trâu để vừa ăn sâu bọ, vừa gãi ngứa cho trâu.

Họ hàng với trâu là bò. Vì cả hai đều bụi đời, đều phong sương như nhau nên người ta thường dùng từ "trâu bò" để chỉ sự lẩn lóc cực nhọc không quản gian khó. Con trâu diễm phúc hơn con bò vì có tên trong mười hai con giáp, ngược lại con bò diễm phúc hơn con trâu vì được nhắc nhở trong lịch sử điện ảnh và thời trang.

Chiếc quần bò nổi tiếng cùng những chàng cao bồi miền viễn tây Hoa Kỳ

thực ra là quần JEANS.

Từ xứ Texas cát bụi và ngang tàng ấy chiếc quần bò được đưa vào điện ảnh.

Thời trang cao bồi là một kiểu ăn mặc độc đáo mà cho đến bây giờ vẫn còn để lại những dấu vết trong trang phục.

Riêng chiếc quần bò thì hiện nay cả những người đẹp liễu yếu đào tơ như Claudia Schiffer, Liv Tyler, Elle Macpherson... và hàng trăm triệu bạn trẻ trên hành tinh này vẫn còn ưa thích.

o

Trâu là một con vật bất hạnh. Ngay cả cái tên cũng xấu.

Chẳng có ông bố nào lại đại dốt đặt tên con mình là Trâu. Thử tưởng tượng có anh chàng nào đó đến tán tỉnh một cô gái, cô hỏi anh tên gì mà lại đáp "anh tên Trâu" thì khó nghe quá. Thế nhưng người miền Bắc lại phát âm Trâu thành "châu", đâm ra dễ nghe!

Vì Châu là ngọc.

Nguyễn Du tả Kiều khóc Đạm Tiên có câu:

Sầu tuôn dứt nói, châu sa vắng dài.

Thì rõ ràng muốn ví nước mắt nàng Kiều với hạt ngọc. Biết đâu các cụ ngày xưa vì quý con trâu nên mới lấy hạt ngọc mà đặt tên cho nó. Sự quý trọng ấy phản ánh rất rõ trong ca dao:

Muốn giàu thì nuôi trâu cái

Muốn lụn bại thì nuôi bò cái.

hoặc:

Con trâu là đầu cơ nghiệp.

Đủ biết ông bà ta ngày xưa coi trâu quý như châu ngọc, cũng như cô gái có cái trinh tiết quý ngàn vàng những khi lỡ đại đánh mất chữ trinh, mang bầu, thì trớ trêu thay cô không sợ mất ngàn vàng mà sợ làng phạt vạ mất... trâu!

Phình phình lớn giữa lớn ra

Mẹ ơi con chẳng ở nhà được đâu

Ở nhà, làng bắt mất trâu.

Vậy thì khuyên các ông bố trẻ nếu có sinh con, bất luận trai gái, cứ mạnh dạn mà đặt là TRÂU cho nó... sang.

o

Cho nên tên Trâu là xấu mà vẫn có cái đẹp. Sừng trâu tuy không xấu nhưng trông dữ dằn như hai cái lưỡi hái của tử thần. Tuy vậy người ta lại dùng nó để đặt

tên cho một loại bánh mà ai cũng ưa thích. Đó là bánh croissant (bánh sừng trâu).

Mà không phải chỉ có bánh. Cái vòng số một của phụ nữ cũng liên quan đến sừng trâu. Quý bà quý cô nào có cặp vú săn chắc, núm nhọn hơi vểnh lên một chút thì được hân hạnh gọi tên là vú sừng trâu. Đó là dáng vú đẹp nhất, lý tưởng nhất, gọi cảm nhất mà quý bà quý cô (và hình như cả quý ông nữa) đều mơ ước.

Sách "Quốc Văn Giáo Khoa Thư" trong một bài tập đọc có đoạn nói về con trâu như sau:

"Ai bảo chăn trâu là khổ? Chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu đội nón mê nhu lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ."

Thực ra đó là kiểu thi vị hóa cái nghề chăn trâu cực nhọc của những em bé nông thôn nghèo. Cũng giống như họa sĩ Tú Duyên vẽ đứa trẻ mục đồng ngồi trên mình trâu thổi sáo. Nhưng có đứa trẻ chăn trâu nào biết thổi sáo đâu. Chúng dãi nắng dầm mưa, mặc quần xà loong đi chân đất, ăn uống thì bữa đói bữa no, áo quần vá víu thảm hại, chúng bắt cua bắt ốc, săn chuột đồng, kỳ đà, cắc kè... nướng ăn chứ có nhàn hạ sung sướng gì mà "tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ..."

Ngày trước thì con trâu làm đày tớ cho người nông dân, người nông dân lại làm đày tớ cho bọn cường hào ác bá, lũ con cái nhà nông vì thế cơ cực lắm.

Ít có ai ngờ con trâu lại có quan hệ mật thiết với một nhà hiền triết vĩ đại Trung Hoa, đó là Lão Tử. Theo truyện Phong Thần thì người mẹ của Lão Đam nằm mơ thấy có ông tiên cưỡi con trâu ngũ sắc từ trên trời bay xuống, liền mang thai. Bà có bầu suốt...70 năm (phá mọi kỷ lục Guinness) và sinh ra một...cụ già. Đặt tên là Đam.

Đam là tên cúng cơm của Lão Tử. Lão tử là một nhân vật độc đáo không những về triết lý vô vi mà về cả... thời trang nữa. Thời điểm đó (cách đây gần 3.000 năm) người ta ai ai cũng cưỡi ngựa, riêng Lão Tử thì cưỡi trâu. Ông ngoa du sơn thủy trên mình trâu như một gã mục đồng. Tư tưởng của ông uyên thâm và lãng mạn. Hiện nay, sau ba ngàn năm, tư tưởng ấy bắt đầu chinh phục châu Âu và châu Mỹ. Không có cuốn tự điển bách khoa nào trên thế giới mà không có tên ông.

Nhưng con trâu năm sắc của ông thì ít người biết đến.

Trâu là một con vật trầm lặng và hiền triết. Nó là điệu Blue buồn của thôn dã, là bản nostalgia nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan.

Gác mái, ngư ông về viễn phố

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

"Gõ sừng" là phong cách của Lão Tử, là mode của một thời đã qua nhưng còn đọng lại trong nỗi u hoài ngàn đời của nhân loại.



CUỘC VƯỢT BIÊN NGẮN NGỦ

Sáng sớm, Lạng Sơn đầy sương mù. Phía sau khách sạn có hai ngọn núi sừng sững vậy mà không nhìn thấy. Tất cả chìm trong sương mù, cả thành phố, cả những tàng cây. Nhưng có một thứ không bị sương mù che lấp và có lẽ không thể bị bất cứ cái gì che lấp, đó là tiếng động. Cái thị xã nhỏ xíu như bàn tay vậy mà gần như nó hoạt động suốt đêm, những con đường đất bụi bặm không ngớt vang rền tiếng động cơ. Đó là tiếng gầm rú của những chiếc xe gắn máy mang nhãn hiệu MINSK 250 phân khối sơn đỏ kèn còi như con bọ ngựa khổng lồ. Chúng đậu dưới bóng cây, chúng bu quanh chiếc xe khách vừa từ Hà Nội lên, chúng thò những bao vải, những máy móc điện tử, những hàng hóa linh tinh, chúng chở dân buôn, chúng chạy như ngựa giữa trưa nắng, chúng chạy trong giấc ngủ. Vào lúc nửa đêm, tôi phải uống rượu say mới ngủ được nhưng khoảng ba giờ sáng tỉnh dậy vẫn nghe tiếng xe rền rật trên đường phố.

Mùa thu ở Lạng Sơn nắng hừng hực cộng với bụi bặm. Phố xá không như trí tưởng tượng của tôi ban đầu. Hoàn toàn không một chút thơ mộng. Sương mù đã tan từ lúc bảy giờ sáng chỉ còn lại bụi bặm, người và hàng hóa. Chỉ còn lại táo, vải, rượu bia và lịch. Lịch tràn ngập mặt đất, ngời lên như gương, lấp lánh, lòe loẹt, rẻ tiền... có người nói đó là thứ đang bị truy quét ở nước láng giềng chạy sang. Nhưng có lẽ táo thì không. Còn bia thì người ta bảo thế này: "Cái nhà máy bia ấy nó sắp dẹp tiệm vì ế ẩm thì dùng một cái, mở cửa khẩu, thế là nó tràn sang. Nhà máy phát lên như điều". Dấu sao đó cũng chỉ là ý kiến của một gã vô danh nào đó, không biết đúng hay sai.

Tôi chỉ là một du khách từ phương nam ra, tôi chỉ muốn thăm "*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa, có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh*" và tôi cũng muốn theo dân "cửu vạn" (tải hàng) sang bên kia biên giới "dòm" một chút làng mạc, hàng quán, lính gác và biết đâu lại chẳng gặp một bóng hồng...

MÔ-ĐEN HAY KHÔNG MÔ-ĐEN?

Tôi thuê một chiếc xe thồ (dĩ nhiên là xe Minsk 250 phân khối, sơn đỏ) từ Lạng Sơn đi Đồng Đăng sang biên giới. Tôi ăn mặc cũng không có gì sang trọng nhưng quần cũng có mấy cái "pli", áo cũng có vài cái "tim đèn", ngoài khoác áo gió, bên trong có giấu một cái máy ảnh. Nói chung cũng mô-đen một chút, điều đó ngoài ý muốn của tôi vì tôi không có bộ đồ nào khác.

Và chính nó đã gây rắc rối.

Thồ xe là một thanh niên trạc hai mươi lăm tuổi, khỏe mạnh và vui tính. Anh ta hỏi:

- Anh là nhà báo?

Tôi nhận đại và hỏi:

- Sang biên giới dễ không?

- Dễ. Người ta đi hằng ngày.

- Họ buôn gì vậy?

- Sang thì buôn đồng, sợi. Về thì lát nữa anh sẽ thấy.

Không cần đợi "lát nữa" vì ngược chiều với chúng tôi đã thấy ba bốn chiếc Minsk chở những bao vải to kèn chạy như bay. Anh bạn xe thồ cười, bảo:

- Họ ra đi từ khuya, bây giờ mới về.

Khi nắng lên cao thì xe chở hàng về tấp nập hơn. Lẫn lộn trong những chiếc Minsk là những người buôn xe đạp Trung Quốc. Họ cưỡi một chiếc, chiếc thứ hai nhấc bánh trước lên, cột vào porte bagage, và cứ thế, một người cưỡi hai chiếc xe Trung Quốc, tà tà đi. Cảnh tượng này làm tôi liên tưởng đến chuyến đi cách đây gần mười năm. Suốt dọc đường từ biên giới Thái Lan qua Xiêm Riệp, Công Pông Thom, đoàn xe thồ nối đuôi nhau giữa nắng cháy, cũng xe đạp Thái, radio, cassette, quần jeans, áo pull...

Chúng tôi mất ba mươi phút để vượt qua đoạn đường hai mươi cây số từ Lạng Sơn đến biên giới.

Trạm biên phòng là những mái nhà lợp xúp dựng vôi vàng với những vòng rào kẽm gai sơ sài. Phía trước cổng trắng là hai dãy hàng quán xiêu vẹo tạm bợ. Nhưng tôi chỉ chú ý đến núi. Núi sừng sững, ngập trong sương mù, dáng núi đẹp như tranh, không ở đâu núi lại có dáng đẹp cao quý như thế. Núi tương phản hẳn với vẻ hỗn độn của cả một vùng "trần gian" dưới chân nó.

Dân cửa vạn ăn mặc như bộ đội, quần áo kaki bạc màu sờn rách, đầu đội mũ cối, tay xách túi vải, bao lát cuộn tròn, chân đi dép nhựa, cười nói rầm rì. Hàng quán mở cửa sớm, trà đậm chát. kẹo đậu phộng, thuốc lá, nước ngọt, bia...

Người ta đặt một cái bàn giữa lối đi cạnh hàng rào kẽm gai để bán vé. Đám đông chen lấn, không hỗn độn lắm nhưng dày đặc. Không khí "chợ búa" đã thấy ở đây rồi. Tất cả toàn một màu xám ngắt của cỏ úa, chỉ có mình tôi là quần gabardine xám tro xếp hai pli ngược, áo tím đèn, áo gió.

- Anh đi đâu vậy?

Tôi cười, trong lòng có nỗi tự hào ngậy thơ rằng ta đây trong trắng, không phải là dân buôn, ta đây chỉ là du khách, sang biên giới với mục đích rất "văn nghệ".

- Tôi sang bên ấy xem phong cảnh một tí.

- Thế thì không được. Tưởng đi buôn chứ đi chơi thì cấm.

- Nhưng mọi người đi được, sao tôi lại không?

Không ai trả lời. Một cán bộ lại hỏi:

- Ở đâu đến?

- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vậy thì không được.

Nhưng tôi vượt mấy ngàn cây số ra đây chỉ để sang chơi chừng một tiếng đồng hồ rồi về, có gì là không được. Trước đây bao nhiêu người như tôi đã từng đi.

- Giấy tờ anh đâu?

Tôi lục túi. Bỏ mẹ. Chứng minh nhân dân của tôi, khách sạn ở Lạng Sơn giữ. Trong người tôi chỉ có một cái vé máy bay và một thẻ đại biểu Đại hội Nhà văn Việt Nam không có ảnh.

Người cán bộ cầm cái thẻ dứ dứ trước mặt tôi.

- Anh về đi. Đáng lẽ tôi phạt vi cảnh.

- Nhưng tôi và tất cả những người ở đây đều là dân Việt Nam, họ đi được thì tôi cũng đi được chứ.

- Đi buôn thì được.

- Nếu cần thì tôi cũng đi buôn vậy. Tôi sẽ mua một ít thuốc lá chẳng hạn.

- Không được! Anh trở lại đi.

Tôi quay nhìn anh bạn xe thồ. Anh ta cười tỉnh bơ, khều tay tôi:

- Ra đây uống trà.

Khi đã vào quán, anh bạn trẻ nói:

- Nếu biết thế này, mình theo mô-đen "cửu vạn" là xong. Để em đưa anh đi đường khác.

- Thế họ lại hỏi giấy thì sao?
- Không sao, chuyện này thường quá, có gì mà lo.

MÔ-ĐEN "CỬU VẠN"

Chiếc Minsk 250 sơn đỏ lại chở chúng tôi đi vòng qua một con đường đất đá lởm chởm, quanh co.

- Đường này vắng, anh ta nói, đường dành riêng cho dân buôn lậu. Trước đây có băng cướp hoành hành nhưng bây giờ thì công an dẹp hết rồi.

Lại hỏi:

- Anh là nhà văn hả?
- Ủ. Tôi thấy sách của tôi có bán ở Lạng Sơn.
- Cuốn gì vậy?
- Vua Mèo. Kẻ Tử Đạo Cuối Cùng.
- Em có đọc Vua Mèo rồi.

Tôi nghĩ trong đầu: Tay này xảo, chỉ nói cho được lòng tôi. Xe rú ga leo dốc. Ở đây, dân cửu vạn thừa thớt hơn bên "Cổng Trắng".

Tôi nói:

- Nhà nước cho mở cửa biên giới nuôi sống được một số dân ở đây, cũng là điều hay.

Anh bạn trẻ cười nhạt:

- Không đúng đâu. Chính dân ở đây lại thích đóng biên giới. Biên giới mà đóng thì tụi em làm giàu.

- Sao vậy?

- Vì như thế thì đi buôn khó hơn, hàng có giá hơn nhiều. Như em đây nhé, nói thực với anh, em là kỹ sư hóa học nhưng cũng phải bỏ mà theo nghề này. Trước đây biên giới đóng, làm nghề này còn khá hơn.

Tôi lại nghĩ trong đầu: Tay này xảo. Kỹ sư đâu mà lăm thế. Nhưng dầu sao điều ấy cũng không quan trọng, cái quan trọng là anh ta rất dễ mến.

Ở trạm thứ hai, anh bạn chỉ làm một động tác đơn giản: Chụp cái nón cối lên đầu tôi, còn tôi thì bỏ áo ngoài quần, lê cái đôi dép nhựa dính đầy bụi đất: mô-đen "cửu vạn". Tôi đứng lẫn trong đám dân buôn. Anh bạn trẻ mua vé cho tôi còn tôi thì hút thuốc lá, lơ đãng nhìn núi. Núi vẫn đẹp, lãng đãng sương mù.

Chúng tôi qua trạm một cách dễ dàng. Đường biên giới quanh co hiểm trở. Chúng tôi leo qua hai ngọn núi cao dựng đứng đá tai mèo. Đá nhọn hoắc, vậy mà chúng đen bóng, ngời lên như gương. Trời đất sinh ra chúng vốn không phải như

thế, xưa chúng sần sùi xấu xí, nhưng mỗi ngày có hàng vạn bàn chân dẫm lên, cọ xát lên, mồ hôi của con người ngấm xuống ngày này qua ngày khác, nhiều tháng trôi qua, nhiều năm trôi qua chúng trở nên láng bóng, đen tuyền như huyền ngọc. (Cũng giống như những pho tượng vũ nữ ở đền Ang-co, ngực cô nào cũng đen bóng vì bị hàng ngàn bàn tay du khách ve vuốt.)

Những người cưỡi vạn Việt Nam, những người Hơ-mông mặc đồ Chàm chít khăn Chàm, đi chân đất đã leo qua dốc đá tai mèo này liên tục và đường đá đã biến thành đường huyền ngọc. Những người cùng khổ hàng ngày đi trên con đường huyền ngọc. Chính những giọt mồ hôi cực nhọc kia đã tạo nên nghịch lý ấy.

Tôi đi hai tay không mà đi không muốn nổi, vậy mà những người cưỡi vạn mang trên vai năm chục ký lô hàng hóa! Sự vất vả được nhân lên bao nhiêu lần?

Đoàn người thỉnh linh dừng lại. Một con rắn lục nằm vắt vẻo trên nhánh cây. Người ta lấy đòn gánh đập nó, con rắn văng xuống lối đi sát chỗ tôi đứng, tôi kéo tay anh bạn trẻ nhảy sang bên. Anh bạn trẻ cười ha hả:

- Vua Mèo mà sợ rắn à?

Lúc ấy tôi mới biết là anh ta không xạo. Anh đã đọc cuốn Vua Mèo của tôi thực chứ không phải lúc nãy anh nói để lấy lòng tôi.

Con rắn lục đã bị đập chết, bỏ trên một tảng đá lớn.

CHIẾC VÁY BAY NGANG MẶT

Qua khỏi ngọn đồi, chúng tôi đến lãnh thổ Trung Quốc, trạm gác dưới vòm cây um tùm như hang động. Ở đó có hai lối đi, lối trên cao dành cho người từ bên kia về, lối dưới thấp dành cho người từ bên này sang. Anh bạn trẻ nói tiếng Trung Quốc rất thạo và dường như đã quen mặt những nhân viên ở đây.

Một người đàn bà trẻ đẹp từ bên kia sang, mỉm cười với anh bạn. Chúng tôi dừng lại. Tuy ăn mặc theo lối cưỡi vạn nhưng chị vẫn có cái vẻ gì rất thanh nhã. Anh bạn hỏi:

- Xong rồi à?

- Xong. Về đi chuyến thứ hai.

Chị chào chúng tôi. Đó là một phụ nữ Việt Nam, anh bạn nói:

- Bạn em. Trước là giáo viên cấp ba. Chị đi buôn đồng.

Chúng tôi đến một ngôi làng nhỏ, nhà cửa thưa thớt, nhà nào cũng lợp ngói xi măng xám, chuồng bò rộng lợp tranh, xiêu vẹo. Mặt đất vàng bản, ngổn ngang những kiện hàng, bát đĩa, bình trà bó trong giấy bồi dày cộm, cột dây thừng chắc

chấn, vải vóc, bia và táo. Hai thứ này chất thành núi, nghẽn cả lối đi.

Càng tiến sâu, người càng chen chúc.

Khu chợ trời miền núi xám xịt.

Xe nhà binh, máy kéo chở đầy bia và táo găm rú, nhích từng chút giữa đám đông chen chúc. Tôi đang đứng trong một thế giới khác hẳn đời thường vì nó toàn một màu xám. Người tràn ngập, hàng hóa tràn ngập, tiếng động tràn ngập. Tôi không biết tiền bạc trong túi họ cỡ nào nhưng tại chốn hồng trần này thì cuồn cuộn cát bụi, làm than, cơ cực. Tất cả những người ở đây đã tạo ra cái ý tưởng phải vật lộn, phải ngụy trang, phải làm lười, phải đổ mồ hôi để sống.

Ý nghĩ đó khiến ta chạnh lòng.

Hàng quán lẫn khuất trong những đường hẻm nhỏ. Người ta bày bán dưới đất những bia bọt, thuốc lá, bánh kẹo và một món ăn không biết gọi tên là gì.

Chúng tôi vào cái quán lụp xụp của một cô bé người Trung Quốc trạc mười hai mươi ba tuổi. Tôi ngồi uống bia và quan sát em làm món ăn ấy. Thịt gà chặt từng miếng lớn bằng hai ngón tay, lăn bột, chiên. Một đĩa sáu miếng thịt lăn bột như thế giá hai ngàn đồng Việt Nam. Chai bia Trung Quốc một ngàn hai trăm đồng. Chỉ có những hàng quán là bán lẻ còn những vỉa hàng kia chỉ bán buôn và bán bằng Nhân dân tệ.

Những người cữu vạn phải đổi tiền Việt Nam - với giá 82 đồng ăn một Nhân dân tệ - mới mua hàng được.

Ở quán cóc bên đường tôi chỉ trả tiền Việt Nam cho em bé gái. Nó cười, nó cũng hiền lành dễ thương như một em bé quê Việt Nam.

Bỗng nhiên tôi thấy anh bạn trẻ cười. Từ phía đầu hẻm đi lại một thiếu nữ Trung Quốc. Lúc ở nhà, tôi vẫn mong gặp được một đôi mắt đẹp của con cháu Tây Thi nhưng bây giờ chạm phải mắt một mí. Tuy vậy, vì tôi ngồi dưới đất nên khi cái váy đi qua nó gần như chạm vào mặt tôi, hơi gió của nó lướt nhẹ trên má tôi. Một cái váy đẹp, cặp đùi cũng đẹp. Người bạn hỏi:

- Anh biết cái váy ấy là hàng gì không?

- Hàng Nhật.

- Đúng mà không đúng.

- Vì sao?

- Vì đó là sợi Nhật nhưng dệt tại Trung Quốc. Và anh có biết sợi Nhật nhập từ đâu đến không?

- Dĩ nhiên là từ Nhật.

- Không đúng. Từ Việt Nam. Cụ thể là từ Nha Trang. Em là kỹ sư hóa công nghiệp mà. Ngành dệt là ngành của em. Ở Nha Trang có một nhà máy dệt rất hiện đại do Nhật đầu tư. Và sợi ở đó chạy thẳng ra tới đây. Thế mới kỳ.

- Nhưng nó ra đây bằng đường gì?

Người bạn cười ruồi:

- Lúc này từ Lạng Sơn lên anh có thấy xe tải không? Đấy, nó đi bằng xe tải nghiêm chỉnh.

Anh bạn uống một ngụm bia, có vẻ thú vị. Bây giờ thì tôi tin rằng anh ta đúng là kỹ sư hóa thật sự.

Chiếc váy đã đi qua rồi nhưng cảm giác mát còn vương vấn. Tại sao một chút dư âm thì vị như thế lại kéo theo bao chuyện rắc rối của xã hội loài người?

Trở về Lạng Sơn tôi muốn đi thăm nàng Tô Thị để nhớ lại mối tình ngang trái và bi thảm giữa hai anh em ruột thịt. Nhưng nàng Tô Thị đã không còn nữa.

Chiến tranh đã làm cho pho tượng đá thiên nhiên quý giá kia biến thành một hòn đá vô danh giữa chập chùng mây núi.



LANG THANG TRONG MÙA ĐÔNG

Đêm ở Mantes La Jolie có một chút mưa nhẹ. Tôi ngồi chờ cô gái về.

Người ta báo trước với tôi rằng suốt ngày cô gái không thềm nói với ai một tiếng, nhưng vừa gặp tôi ở đầu cầu thang nó đã chào. Một cô đầm cao mét bảy, mặc măng tô đen, găng tay đen. Và tóc đen. Sự có mặt của tôi tại căn nhà này, vai vế của tôi, sơ yếu lý lịch của tôi cô gái đã biết trước cũng giống như tôi được báo trước về tính cách của cô gái.

- Hãy cho tôi biết về cha tôi.

- Tôi chưa gặp cha cháu bao giờ.

- Nhưng chắc chắn ông có nghe nói về cha tôi. Vì ông là anh ruột của mẹ tôi mà.

- Thực ra chính mẹ cháu cũng không biết ba cháu là ai. Đó là một trong những bi kịch của chiến tranh tại Việt Nam.

Cô gái đứng lên, đi về phòng riêng.

Buổi sáng thức dậy trễ, vén rèm cửa thấy cảnh vật khác hẳn. Tuyết đã biến mất khỏi mặt đất và bầu trời bởi trận mưa lớn đêm qua. Trên mặt hồ phẳng lặng những con vịt nước trầm mặc. Phía bên kia hàng cây trụi lá là một chút ánh bạc của dòng sông Seine chảy qua Mantes La Jolie.

Chúng tôi đi Paris lúc hơn chín giờ sáng. Lái xe là một người đàn ông Việt Nam nhanh nhẹn. Anh ta vượt biên sang Pháp đã mười lăm năm, nói được tiếng Pháp, quốc tịch Pháp và thuộc lòng đường sá ở Paris. Vành đai périphérique đầy mưa, hơi nước bao trùm kính xe nhưng anh ta lái rất nhanh.

- Anh tưởng con Sylvie nó sướng hả? Ở đây đi làm không thể lái xe hơi được vì hay kẹt xe. Sáu giờ sáng nó phải dậy. Trời lạnh dưới không độ. Bảy giờ sáng nhảy lên tàu đi Paris. Mười giờ đêm mới về tới nhà. Có phải hôm qua nó về lúc mười giờ đêm không?

- Đúng mười giờ.

- Đấy, thấy chưa. Trẻ con Việt Nam sang đây mười đứa thì hết sáu đứa là đi làm công cho người ta. Bốn đứa còn lại thì hai đứa thất nghiệp, một đứa đi bụi đời, chỉ có một đứa là học lên tới đại học.

Mấy người Việt Nam đi vượt biên thường nói: "*Chúng tôi sang đây không phải để kiếm ăn mà để con cái chúng tôi được học hành đàng hoàng.*" Nói như thế là nói dóc.

Anh bạn hơi cay cú, có lẽ vì chính anh cũng đang thất nghiệp. Nhưng dẫu sao anh vẫn là người nói thật, những đứa cháu của tôi đều nằm trong số thanh niên mà anh mô tả. Sylvie làm thư ký hãng buôn, một thằng khác ở tù mới về, Catherine hai mươi tuổi, đẹp, nhí nhảnh nhưng cũng thất nghiệp.

Tuy nhiên ở Vương quốc Bỉ, tại nhà một người bạn là giáo sư đại học, đời sống của anh và gia đình anh hoàn toàn khác. Một ngôi biệt thự nhỏ xinh xắn nơi khu phố yên tĩnh bên bờ hồ. Không một tiếng động cơ, không một tiếng nói lớn. Đường phố sạch bóng. Bãi cỏ xanh. Buổi sáng đi siêu thị với chị bạn gặp một ông Tây trí thức, đạo mạo. Chị bạn nói: "Thầy giáo dạy kèm tiếng Hà Lan cho hai đứa con mình đó". Buổi chiều đi phố với anh bạn gặp ba bốn cô cậu sinh viên da trắng cúi chào. Đó là những học trò của anh.

Bỉ là một nước chỉ lớn bằng một tỉnh của Việt Nam nhưng nói nhiều thứ tiếng. Anh bạn tôi đi du học sang Bỉ đã gần ba mươi năm, đậu tiến sĩ và được mời ở lại dạy đại học. Đi với anh, nghe anh nói đủ thứ tiếng trong cùng một khu phố. Anh dặn tôi:

- Ở Louvain không nên nói tiếng Pháp vì cộng đồng dân ở đây không ưa người Pháp. Đi chợ nên nói tiếng Anh, vào ngân hàng, bưu điện thì nói tiếng Hà Lan, nếu không biết thì nói tiếng Anh. Chỉ khi nào đi Bruxelles thì mới nên dùng tiếng Pháp.

Bạn tôi có hai đứa con gái nhỏ học cấp một. Bảy giờ sáng các cháu đã dậy đi học. Ông bố nói:

- Các cháu đi bơi.

- Đi bơi?

Âm hai độ C! Nhưng hồ bơi có mái che và nước ấm.

Những đứa trẻ này lớn lên sẽ khác những cô cậu thanh niên Việt Nam mà tôi đã gặp ở Paris. Lớn lên sẽ thông thạo nhiều thứ tiếng, có học vị, biết chơi đàn piano và...

Bruxelles có những con đường hoàn toàn không xe cộ, những con phố hẹp đầy những hàng quán. Đêm lạnh quá, chúng tôi thọc tay vào túi quần cảm cúi đi tìm một chỗ ăn. Thức ăn mắc gấp mười lần Việt Nam. Một miếng steak, một đĩa moules, một chén soupe cá nước đục ngầu và cay xè... bốn người ăn giá 3.500 francs Bỉ (tương đương một triệu bốn trăm ngàn đồng VN). Anh bạn nói:

- Tôi sẽ dẫn anh đi xem một bức tượng.

Bức tượng đồng được dựng trong hẻm tạc một người đàn bà ngồi đá.

- Tại sao vậy?

- Quây chơi vậy thôi.

Giữa đường phố người ta còn tạc tượng một người thợ làm bánh mì. Có lẽ ở đây người ta biết ơn một người bán bánh mì hơn là một anh hùng.

Còn Louvain thì cổ kính mà thơ mộng. Nó có vẻ đẹp vĩnh cửu của những cổ tích, những dân ca... Nhà cửa lô nhô như đồ chơi trẻ con, tường gạch đỏ đen không trát hồ, không quét vôi, không sơn nước. Phố xá Louvain nhỏ hẹp và sạch, không rác, không ổ gà nước đọng, có thể nói là không có một hạt bụi nhưng lại có nhiều...cứt chó. Không sao, đừng vì thế mà lúc nào đi cũng phải cảm cúi, bởi vì trên phố có rất nhiều thiếu nữ đẹp.

Louvain chấp nhận sự cổ kính và muốn gìn giữ nó. Còn Paris là một người đàn bà quý tộc luống tuổi luôn chứng tỏ sự sang cả, trí tuệ và sức quyến rũ của mình.

Và mặc dù là thủ đô của mỹ phẩm thế giới nhưng Paris làm sao có thể xóa được vết tích của thời gian!

o

Khởi hành tại ga Paris Nord lúc chín giờ đêm, đi hơn một ngàn cây số đến Berlin chỉ để nhìn thấy bức tường ngăn đôi thành phố Bá Linh nổi tiếng. Người ta nói sau vụ đập phá, bức tường chỉ còn một đoạn dài chừng trăm mét. Có lẽ phải là một trăm mét hùng vĩ, được giữ lại như một di tích lịch sử bi thương và cảm động. Lái xe đưa tôi đến đó là một gã đàn ông người Đức ba mươi sáu tuổi. Trước khi nước Đức thống nhất anh ta sống ở đông Bá Linh, khi thanh niên Đức đập phá bức tường thì anh cũng có mặt nhưng hôm nay anh ta đã phải chạy vòng vòng toát mồ hôi mới tìm thấy.

- Nó đấy.

Tôi mở cửa xe, nhảy xuống đường, mở ống kính máy quay phim.

- Nó đâu? Christian?

- Ngay trước mặt anh.
- Bên trái hay bên phải?
- Ngay trước mặt.

Ngay trước mặt tôi là những tấm bảng quảng cáo thuốc lá West, đồ điện tử của hãng Siemens và hình như có cả đồ lót hiệu Triumph... Những tấm pa-nô trùm lên bức tường thấp xỉn màu, lở lói. Rõ ràng là người dân Đức chẳng ai thèm quan tâm đến cái chứng tích của một quá khứ chia cắt đau lòng.

- Không sao, Christian nói, tôi sẽ đưa anh đi thăm Sans Souci Park ở Potsdam và tháp truyền hình nổi tiếng của Berlin.

Sans Souci là cụm cung điện của triều đại Frédéric II bao gồm những tòa lâu đài rải rác giữa khu rừng mênh mông bạt ngàn. Vào thăm cung điện phải mua một vé 12 marks và được phát cho một đôi hia to gấp bốn lần bàn chân của mình. Với đôi hia ấy du khách không thể nhấc chân lên được mà phải kéo lê trên sàn nhà lát đá cẩm thạch. Bốn mươi du khách đủ mọi quốc tịch biến thành bốn mươi người giúp việc, vừa đi tham quan vừa lau nhà. Chắc chắn không có cung điện nào như Sans Souci có thể bắt hàng triệu người từ khắp nơi trên thế giới đến để lau nhà mà không phải trả một xu.

o

Tôi vẫn thích tìm một bến sông ngòi nhâm nhi món ăn gì đó với một cốc rượu. Ví dụ như một nhà hàng nổi trên bờ sông Elbe chảy qua thành phố Dresden. Dòng sông nhỏ bé in bóng những lâu đài Zwinger: Bảo tàng nghệ thuật và bảo tàng chiến tranh nổi tiếng nhất châu Âu. Mặt sông gợn một chút sóng nhưng vẫn phẳng lặng. Những con hải âu thả mình cho dòng nước cuốn, và khi trôi gần đến cây cầu thì chúng lại bay ngược lên chỗ xuất phát, rồi lại thả mình xuôi dòng. Đó là trò chơi của chúng, như trẻ con chơi cầu tuột.

Người bạn nói:

- Mùa đông, ngòi trên bờ sông Elbe không thể không uống Gluhwein.

Gluhwein là rượu vang lửa. Trước khi uống người ta hâm nóng lên. Hớp một ngụm hơi nóng lan tỏa trong cổ họng, chậm rãi, thấm đậm, ấm áp. Đến Đức và cả châu Âu có lẽ chỉ có bia và rượu, ngoài ra không là gì cả. Thịt cá, đồ nguội vứt đi hết. Thịt mua ở siêu thị tươi tốt cỡ nào khi nấu lên vẫn có một thứ mùi khó chịu. Xúc xích, dăm bông nhạt nhẽo, lạnh tanh. Sản phẩm của Mac Donald ăn đến lần thứ ba là chán ngấy.

Nhưng rượu và bia thì không. Ở Đức có hàng trăm loại bia. Bạn mua ở siêu

thị nguyên thùng thì giá chỉ có 0.5 marks (khoảng 3.000 đồng VN) một lon bia vào loại ngon nhất thế giới. Người bạn tôi là một trí thức ở Hà Nội nhưng sang Đức anh có một kiosque bán rau quả. Anh bán tà tà mỗi tháng để dành được gần hai ngàn marks (khoảng mười triệu đồng VN).

- Về Việt Nam mình làm gì có mười triệu mỗi tháng. Nhưng mà chắc rồi cũng phải về. Đời sống càng lúc càng khó.

Ở châu Âu người ta ăn Tết sơ sài. Trưa ngày 30 các cửa hàng vẫn mở cửa. Đến hai giờ chiều lác đác đóng. Trời cứ âm u suốt ngày, không có ý niệm về thời gian, cho đến khi chợt nhận ra đi một mình trên phố vắng người, coi đồng hồ thì đã bốn giờ chiều. Những cơn gió từ dưới sông Elbe thốc ngược lên lạnh buốt.

Giao thừa không lạnh lắm, không có tuyết. Đường phố vắng. Pháo nổ lác đác. Xe chữa lửa cứ chạy vòng vòng. Gần giao thừa pháo nổ nhiều hơn. Bên kia đường là restaurant của người Hy Lạp, họ bắt chước ai mà đốt dây pháo dài bốn năm thước. Thanh niên đốt pháo xòe, pháo hú, pháo thăng thiên. Pháo thăng thiên của người Đức sản xuất, thấy bán ở siêu thị còn pháo ùng nghe nói nhập lậu từ Trung Quốc, từ Bình Đà. Máy cô đầm nhon nhon bịt tai và cười, họ hôn nhau ngoài đường phố, pháo xẹt và gầm rú như ma quỷ. Xe cứu hỏa lại đến. Bà cụ già mở cửa sổ, thò đầu ra ngoài chửi một tràng tiếng Đức.

Tất cả chỉ kéo dài chừng một tiếng đồng hồ. Rồi thôi. Im lặng và lạnh. Chúng tôi lên nhà xem chương trình Tivi đêm giao thừa. Chỉ có thoát y vũ. Mông và mông. Đủ màu sắc xanh đỏ tím vàng. Máy người bạn uống rượu mạnh. Đa số họ là người miền Bắc vượt biên sang đây sau một hành trình cực kỳ gian nan từ Hà Nội đi Kiev sang Rumany, Hungary, Tiệp Khắc trước khi xé rào qua Đông Đức. Tôi nằm lắng nghe, nhâm nhi chai Gluhwein không có mùi.

Ngày mùng một Tết đến một cách e dè. Trời xám. Những chuyến xe điện vẫn chạy qua phố, kiosque phở của một người đàn bà Việt Nam vẫn mở cửa. Một chút nắng vàng hanh lên đầu ngọn cây. Ông già người Đức ngồi ăn phở bên cái bàn nhỏ kê trên bãi cỏ. Ông ta nói được chút ít tiếng Anh và hỏi tôi có còn bán thuốc lá không. Tôi không đính chính, chỉ cười. Ông già mời một điếu Marlboro. Ông ta khoe mình là đại tá phi công. Tôi hỏi:

- Bác là đại tá của ông Helmut Kohl hay ông Honecker?

- Ông Honecker.

- Thế khi nước Đức thống nhất bác có phải đi học tập cải tạo không?

Ông già ngạc nhiên lắm:

- Tại sao? Thống nhất thì mọi người phải vui vẻ chứ. Ông Helmut Kohl vẫn cho tôi lãnh lương hưu.

Nhưng người dân Đông Bá Linh và những miền phụ cận như Potsdam vẫn bỏ đi.

- Tại sao vậy, Christian? Nước Đức thống nhất, sao lại bỏ đi?

Anh bạn trẻ người Đức nói:

- Chính mẹ tôi cũng bỏ sang Mỹ. Nhiều người khác sang Tây Đức.

- Nhưng Đông Đức bây giờ cũng là tư bản, có khác gì Mỹ và Tây Đức?

- Khác chứ. Vì cũng còn lâu lắm mới đuổi kịp mức sống của Tây Đức mà cuộc đời thì ngắn ngủi, người ta cần hưởng thụ. Anh cứ nhìn hai bên phố mà xem.

Đây là con đường rất đẹp của Potsdam. Hai bên toàn biệt thự nhưng bị bỏ hoang nhiều quá. Những ngôi biệt thự như thế ở Sài Gòn giá có thể lên tới vài ba ngàn lượng vàng nhưng ở đây người ta bỏ hoang, cửa kính vỡ nát, bên trong tối om, lạnh lẽo. Potsdam, thành phố chỉ cách thủ đô Bá Linh có một cây cầu, thành phố với nhiều lâu đài, thành quách và viện bảo tàng nổi tiếng, thành phố đã từng chứng kiến cuộc hội đàm lịch sử giữa Staline, Truman và Churchill tháng 7 năm 1945 bàn về sự đầu hàng của Đức Quốc Xã. Tại sao người ta lại bỏ một thành phố xinh đẹp và nổi tiếng như thế để ra đi?

Christian bảo tôi khoác thêm một chiếc áo khoác bằng da. Hắn nói:

- Thôi, đừng bận tâm đến những chuyện ấy nữa. Sắp đến nơi rồi, gió lạnh lắm đấy.

Ra khỏi rừng là hồ. Liên tiếp nhau. Xe ngừng lại. Mặt hồ rộng mênh mông, phẳng lặng, bát ngát.

- Cá nhiều lắm. Christian nói.

Tôi đã thấy những con cá chép tại khu "Cộng" (khu người Việt) ở Bá Linh. Những con cá chép giống hệt cá chép trắng của xứ mình nhưng không có vảy.

Christian mở cốp xe và đưa cho tôi chiếc cần câu.

29.

BÙI GIÁNG

Bùi Giáng là một hiện tượng. Hiện tượng Bùi Giáng không phải là hiện tượng thi ca hay tư tưởng mà là hiện tượng về sự phá hủy.

Không là thi ca vì Bùi Giáng rất ít khi làm thơ mà chỉ bốn cột nó, chế giễu nó. Không là tư tưởng vì Bùi Giáng không có cái nhìn nhất quán về kiếp người từ đó chọn cho mình một thái độ sống. Thái độ hiện tại của ông không phải là thái độ sống mà là thái độ phá hủy cuộc sống. Ông muốn tìm về cái bản thể nhưng lại làm rối loạn cái bản thể ấy và tưởng lầm đó là cái bản thể.

Thực ra cái bản thể của tự nhiên vốn tĩnh lặng, trầm mặc và không lời. Cũng giống như Lão Tử nói: "*Đạo khả Đạo phi thường Đạo, Danh khả Danh phi thường Danh*". Hoặc như Khổng Tử nói: "*Dư vô dục ngôn, thiên hà ngôn tai, tú thời hành yên, bách vật sinh yên*".

Cũng có thể hiểu Bùi Giáng như thế này: Ông coi đời là hữu hạn, là phi lý, là chốn lưu đày, là cõi phù du, là cái mớ bong bong vớ vẩn và ông đã chọn cho mình một cách sống cũng rối bong bong, vớ vẩn. Nếu các nhà văn hiện sinh từng nói: "*Tôi phản kháng, vậy tôi hiện hữu*" thì có lẽ Bùi Giáng muốn nói: "*Tôi phá hủy, vậy tôi hiện hữu*."

Từ đạo thấu thị cái vớ vẩn của cõi ta bà, ông đã cột trái tim mình trên chùm bong bóng bay, thả lửng lơ trong cõi mộng mị, mê muội, rối ren, xóa nhòa lý trí, đồng hóa ý nghĩa lồng lộng và đầy bi kịch của phận người với mớ bong bong hỗn mang. Bùi Giáng ý thức nỗi phi lý của phận người nhưng không cười khẩy nó hay âm thầm gặm nhấm nó như Sartre, như Stéfan Zweig, như Thôi Hiệu, Lý Bạch... không có sự tĩnh tại của Hermann Hess trong "Câu chuyện dòng sông" không có nụ cười mỉm thanh thoát của một thiền sư, hay sự đứng đưng của Meursault mà cứ chúi mũi vào *tồn lưu* (existence) rồi lăn lộn khóc cười giữa phố. Ông phá hủy thơ ông, phá hủy đời ông. Và ông phá hủy chính ý nghĩa của sự phá hủy đó.

Có thể có người cho ông là vĩ đại, nhưng dù vĩ đại hay không thì ông cũng

phải là một cái gì đó: hoặc là nhà thơ, hoặc là nhà hiền triết. Thực tế ông bốn cột thơ và "quấy rối tình dục" tư tưởng của ông. Toàn bộ suy nghĩ của ông chỉ là sự tập hợp của những khát vọng vụn vặt về tình ái và lẽ tử sinh. Tất cả xách động ông xuống đường múa may vung vít. Tại hạ không chê bai sự si tình của ông vì tại hạ cũng là kẻ tình si rất mực, nhưng nếu Bùi Giáng tiên sinh đã mê gái thì xin hãy đưa nương tử của mình thành tín ngưỡng, suốt đời thờ phụng, cung kính, lễ bái bốn mùa. Bùi Giáng đã từng làm những vần thơ rưng rưng tim người đẹp, ngắt ngư nhân loại như sau:

*Ngày mở mắt ngó trời xanh xa thế
Ở đây là màu đất cỏ xuân non
Hè nắng xót mà Thu Đông buồn thế
Với tình yêu em giữ mát hay còn?
Trong khóm mắt em ngậm ngùi ngày đó
Lúc xa nhau về đối diện trăng tà
Màu nước chảy vô ngàn không giải tỏ
Gió biên thùy về Bích Ngạn chiêu hoa.*

Thế thì tại sao tiên sinh lại gieo vần dễ dãi như thế này:

*Gặp nàng, nàng ở Già Lam,
Gặp cô, cô ở Lê Quang Định đường
Nhà thuốc tây, gái du dương
Bốn tám hai (482) hẻm tôi thường vào ra.*

(Trích "Gặp chừ cô nương")

hoặc:

*Ông Bác hôm nay có vẻ vui
Bởi vì ông thấy thực nữ cười
Đầy đủ hai môi thật tươi thắm
Hai hàm răng ngọc sáng ngời ngời
(Trích Ông Bác Bùi)*

Còn nếu tiên sinh đã ngộ thì xin đừng lan man, ba phải, lai rai, đừng khen chê theo kiểu lấy lòng.

Trong tập Thi Ca Tư Tưởng ông đã khen những gì đáng khen nhưng ông lại không chê những gì đáng chê. Một đoạn ông viết về Tuệ Sỹ như thế này:

"Nhưng ai có ngờ đâu nhà sư kín đáo e dè kia không hề bao giờ có vướng lụy lại còn mang một nguồn thơ phi phạm. Một bài thơ 'không đề' của ông đủ khiến ta khiếp vía, mất ăn mất ngủ".

*Đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn.*

Mới nghe bốn câu tôi đã cảm thấy lạnh buốt linh hồn, tê cóng cả cõi dạ".

Bốn câu đó không chỉ làm Bùi tiên sinh rúng động mà tại hạ cũng bàng hoàng.

Nhưng trong tác phẩm Thi Ca Tư Tưởng Bùi Giáng giới thiệu cả trăm nhà thơ đủ mọi quốc tịch, từ Xuân Diệu đến René Crayssac, từ Tagore đến Ngân Giang nữ sĩ, Vân Đài nữ sĩ rồi Nguyễn Du, Shakespeare, Heidegger, một cô bé tên Phạm Thị Lan nào đó (Thi Ca Tư Tưởng trang 73 – NXB Ca Dao 1969) và cả... Thượng đế. Hễ ai dính dáng tới ái tình, tới chuyện tử sinh là ông khen, bất chấp hay dở, cũ mới, lớn bé, bất chấp người đó là ông A bà B nào mà ông tình cờ nhặt được trong cơn nổi hứng. Đủ thấy Thi Ca Tư Tưởng là một kiểu phê bình nhận định ngẫu hứng vừa sâu sắc vừa ba phải tào lao đến cỡ nào.

Tuy nhiên khi viết văn xuôi về giới quần thoa nương tử thì Bùi Giáng mới thật sự bộc lộ hết sự uyên thâm bát ngát trong triết lý mê gái thượng thừa của mình. Trong bài "Mẫu Thân Phùng Khánh" có những đoạn rạch rỡ như vậy:

"Nhiều người hỏi tôi có quả thật Phùng Khánh đã có để tôi ra đời chẳng. Bà để tôi ra lúc nào?

Sự thật là Phùng Khánh chẳng hề có để ra tôi một phen nào cả. Tôi nay bốn mươi bốn tuổi đầu. Phùng Khánh chỉ mới hai mươi sáu tuổi. Làm sao một thiếu nữ hai mươi sáu tuổi lại có thể để ra một ông cụ luống tuổi bốn mươi bốn, bốn mươi lăm? Nếu muốn để ra được tôi thì ít nhất Phùng Khánh cũng phải lớn hơn tôi một vài tuổi mới được. Chẳng thể nào kẻ nhỏ tuổi lại để ra một người lớn tuổi. Như vậy là trái đạo trời, đạo trời không cho phép một người mang nặng để đầu lúc người ấy chưa ra đời.

Thế thì bởi đâu Phùng Khánh lại là mẫu thân của tôi? Phùng Khánh là bà mẹ loài người. Tôi là con người, vậy Phùng Khánh là mẹ của tôi. Nếu tôi không phải là con của Phùng Khánh thì chẳng ra tôi chẳng phải con người? Chẳng ra tôi là con vật... "

Hiển nhiên Bùi tiên sinh không chỉ mê Phùng Khánh mà còn mê cả tam cung lục viện, từ Brigitte Bardot, Marilyn Monroe đến Thúy Kiều, hay ni cô Trí Hải...

Bùi Giáng là chàng si tình số một trên cõi đời này và vì mê gái mà chàng thi sĩ

tài hoa kia sẵn sàng phá hủy thi ca của mình, phá hủy thân xác của mình.

Và chính điều đó – chứ không phải thi ca, tư tưởng hay sự uyên bác – đã làm cho ông vĩ đại.

(trích Đặc Tuyển Thời Văn số 19)

30.

VĂN CAO

Đã lâu lắm, ở một làng quê hẻo lánh miền trung có đứa con nít lên bảy – với cây đàn măng-đô-lin cũ kỹ – đã đàn những bản Thiên Thai, Không Quân Việt Nam, Làng Tôi... Nó đàn và hát mà không hề biết ai là tác giả. Bài hát thường bị ngắt quãng bởi những tiếng gầm rú của máy bay ném bom giặc Pháp.

Ngôi nhà tôi bốc cháy. Giống hệt bi kịch được mô tả trong bài hát:

Nhưng thôi rồi còn đâu quê nhà.

Ngày giặc Pháp tới làng diệt thôn.

Đường ngập bao xương máu tươi bời

Đồng không nhà trống tàn hoang.

Đó là Văn Cao.

Nhưng chỉ là Văn Cao trong chiến tranh.

Mười lăm năm sau, khi là sinh viên đại học Sài Gòn chúng tôi lại ngồi với nhau hát Sông Lô, Bắc Sơn, Thăng Long Hành Khúc... chúng tôi hát Văn Cao trên đường phố, trong khói cay và trong cả nhà tù.

Đó là Văn Cao.

Một Văn Cao xuống đường đấu tranh cách mạng. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi và các bạn tôi lại hát Ca Ngợi Hồ Chủ Tịch. Một giai điệu đẹp, trang trọng và quý phái. Tôi hát bài ấy không phải vì là bài "ca ngợi" mà vì giai điệu của nó đẹp quá, nó chinh phục tôi ngay từ những dòng dạo đầu của cung FA trưởng tài hoa.

Đó là Văn Cao. Một Văn Cao trong ngẫu hứng.

Còn một Văn Cao khác, trữ tình, mộng mị, phiêu lãng và rất cổ điển trong Cung Đàn Xưa, Buồn Tàn Thu, Thiên Thai, Suối Mơ...

Nếu ai chịu khó đọc thơ của ông, xem tranh của ông, sẽ gặp một Văn Cao khác hiện đại hơn.

Những bó hoa mang tới chúc tụng

*Thành công một con người
Hàng ngày, hàng ngày
Xây thành cái mồ chôn
Con người thành công ấy
Người ta đôi khi bị giết bằng những bó hoa*
(NHỮNG BÓ HOA)

Nhưng chúng ta vẫn chưa phác thảo được một Văn Cao thực sự, bởi Văn Cao còn có một đời riêng nghèo khó, khốn đốn vì thời cuộc, vì những ấu trĩ của một thời "chưa mở cửa". Chuyện ấy nói chỉ một câu nhưng Văn Cao phải chịu đựng gần như cả cuộc đời.

Cái phần đời ngậm ngùi ấy Văn Cao không thể hiện được trong tác phẩm của mình dù chỉ thoáng. Nó chìm khuất dưới đáy sâu của một biển cả lạnh giá. Và cũng giống như ngọn núi băng, cái phần chìm âm lặng ấy bao giờ cũng to lớn hơn phần nổi hào nhoáng trên bề mặt.

Đó là điều đáng tiếc. Bởi vì nó cũng là một phần đời thật nhất, nhiều nỗi đau nhất, nhiều thương tích nhất. Nhưng, những giọt máu trên vùng thương tích ấy đã không chảy vào được tài năng của ông để tạo thành tác phẩm. Đó là thiệt thòi của ông. Và của văn học nghệ thuật Việt Nam.

Một Văn-Cao-thật là một cái gì dang dở.

Đời dang dở. Mà tài năng - tuy lớn - nhưng cũng dang dở.



NGUYỄN THÚY HẰNG TỪ MIỀN ĐẤT XA LẠ

(Nhân đọc tác phẩm " BỞI TỪ LÂU CHÚNG TA KHÔNG THỂ NGỦ "
của Nguyễn Thúy Hằng - nxb Văn Học 2008)

Tôi ngồi trong quán ăn và cô gái đến bằng taxi. Một cái "đâm" xanh rêu đậm, hơi kiểu cọ, nhưng đẹp. Cô ta là một họa sĩ, việc chọn cho mình một chiếc "rốp" không khó. Nhưng đó là lần đầu tiên tôi thấy cô ta ăn mặc chải chuốt. Ít nói. Giọng khàn đục. Bữa đó chúng tôi chỉ nói chuyện tào lao. Có vài phút nhắc đến bộ sách gồm 3 cuốn cô vừa mới xuất bản, mà tôi là người biên tập.

Cuộc gặp thứ hai diễn ra ở quán cà phê. Âm u như một cái chùa. Và Thúy Hằng trong lốt một ni cô, đầu trọc, không trang điểm. Mặc áo tràng nâu sồng. Người phục vụ quán cà phê này nhìn cuộc hẹn giữa gã sồn sồn và một ni cô trẻ với con mắt tinh quái. Nhưng buổi chiều đó cô gái rất buồn.

Không ai biết cô gái đó là ngọn núi lửa đang tự dập tắt mình. Dung nham không phun ra được. Nó bùng nổ bên trong. Phản ứng nhiệt hạch đang tàn phá các nơ-rôn, tìm đường giải thoát. Nhưng sự băng giá của tâm thức đã tràn ngập. Và lửa, khi rò rỉ ra trang giấy, chỉ còn là tro tàn.

Tác phẩm của Nguyễn Thúy Hằng là tro tàn. Là dòng nham thạch lạnh buốt ứa ra từ kẽ nứt của một ngọn hỏa sơn đang cố giấu cơn địa chấn trong lồng ngực của nó.

Cho nên có đôi khi tôi ngạc nhiên tại sao cô gái ấy lại biết nói tiếng người. Tại sao cô có thể nói thứ ngôn ngữ mà tôi đang nói. Trong khi, tôi biết, trong cái đầu cạo trọc kia đang chứa đựng những tế bào thần kinh khác, một bộ óc được lập trình theo một hệ điều hành khác. Và trên thực tế cô đã đến từ một hành tinh nào đó. Ngoài hệ Mặt Trời. Đó là bí mật chỉ có tôi biết. Và Nguyễn Thúy Hằng rất sợ điều đó.

Cô đã được thụ thai từ một cơn gió. Và lớn lên trong một ngôi làng huyền thoại. Hình như bố cô là ông già Noah trong Kinh Cựu Ước. Một ông bố và bốn cô con gái. Trận đại hồng thủy xô giạt năm cha con đến một miền đất không có gì ngoài gió.

"Gió" là truyện đầu tiên trong tập "Bởi từ lâu chúng ta không thể ngủ"

Nguyễn Thúy Hằng viết lại trận Hồng thủy trong Cựu ước bằng ngôn ngữ hoang đường, khô rốc và lạnh. Những nhân vật sống và tàn héo. Chết đi và phục sinh trong trong hiu hắt. Một thế giới chỉ có gió và gần như không có ánh sáng. Một thế giới u ám nhưng lại tràn ngập những tiếng hú.

Đức Chúa Trời đã làm nên trận Đại Hồng Thủy để trừng phạt loại người, để mong khai sinh một loài người mới tốt đẹp hơn, và ngài đã không làm được, đã bó tay, đã thất bại thê thảm.

Nguyễn Thúy Hằng muốn thử bày ra một Đại Hồng Thủy mới, nhưng kết quả còn thảm hại hơn. Vẫn là sự "loạn luân" giữa Noah và mấy cô con gái, nhưng tình tiết lại rất khác lạ so với Kinh Thánh:

"Bỗng nhiên tôi nhận thấy đằng sau lưng ông từng đợt gió nổi lên và oằn xuống như chục chèo ông cúi đầu là nó có thể phóng tới tấp vào mặt tôi. Nó cố đẩy ông ngã để chồm tới nhìn rõ khuôn mặt vàng như mướp bung của tôi. Bố cúi xuống nhìn, hươ hươ tay và muốn kéo tôi lên giường. Khi ngón tay ông chạm tới tấm chăn cũng chính là lúc tôi thấy ông hiện nguyên hình là ngọn gió lớn, nồng nặc mùi cải chua và đất ẩm. Ông phồng mang trợn má và cố nuốt tôi vào bụng. Bằng bản năng duy nhất, tôi xô ông ngã, vùng tháo chạy, không quên vơ theo một bao tải dày và trong lúc đợi ông chạy ra khỏi nhà thì tôi đã nhanh chóng bắt được ông, cho vào bao tải và cột dây thật kỹ." (trích "Gió" trang 15).

Và truyện "Gió" kết thúc như nắng cứ tắt dần, tắt dần trong hoàng hôn lạnh và âm nín: *"Tôi không nhớ mình đã sống bao năm trong cái làng quanh đi quẩn lại chỉ toàn gió này. Trẻ con thừa thớt và khô cằn. Tôi ngồi như con cóc trên cây chạc ba, nhìn lại vùng đất mới năm nào chỉ là mảnh đất bé tẹo, méo xệch vì địa hình của nó, và từng chiều, những đứa lớn đột nhiên biến mất ngay cổng làng, những đứa nhỏ nhìn theo với con mắt đờ đẫn."* (trang 27)

Đó là cảnh của địa ngục. Một địa ngục đã hết hạn sử dụng. Một địa ngục đã mục nát, đã lạnh tanh những rác rưởi, mảnh vỡ và những cái bóng vật vờ...

Nhưng địa ngục ấy đang ở đâu vậy? Với Thúy Hằng, đừng nói tới "ẩn dụ". Cô không thích cái trò ẩn dụ, cái trò hiện thực huyền ảo, cái trò "hậu hiện đại"...

Cô viết như một con khùng. Cô vẽ ra một thế giới vô hồn, âm đạm, hiu hắt của một ngàn kiếp trước, hay của một ngàn kiếp sau. Cái thế giới ấy nó vát vường đầu đó, trong xó xỉnh nào của những lỗ chân lông, trong hỗn mang của trí tưởng tượng, trong úa tàn của hoài niệm, hay trong một nghiệp chướng nào của thời ăn lông ở lỗ.

Thúy Hằng là con dơi nhỏ bé của một vương quốc xa lạ. Lạc mất nòi giống, lạc mất cội nguồn. Cho nên truyện của cô mang sự lạnh giá của nòi lạc loài ấy.

Ở đâu đó trong tác phẩm có mấy dòng chữ run rẩy: *"Cũng có thể tôi chẳng đi đâu xa xôi, tôi chẳng gặp ai, tôi chỉ nấp trong một bụi cây và quan sát mọi thứ: tôi là một con thú không móng vuốt, không lông vẩy, cắt đuôi và trụi trụi, tôi lẩn trong bùn cát đêm và ngày, tôi trôi lên, nấp trong bụi cây, tôi hít hà cuộc sống đang vắng lại từ xa, tôi dùng ngôn ngữ riêng, một tiếng kêu kỳ quặc để đối phó với những ai vô tình nhìn thấy tôi..."* (trích "Già nua trên đường phố..." trang 49)

Rồi con thú cắt đuôi, không móng vuốt ấy cũng lớn lên, tự ăn dần mình và trở thành một người già: *"Phải chăng những người già, cho dù tắm rửa sạch sẽ đến mấy vẫn tỏa ra mùi da thịt sắp chết của họ? Cái mùi hôi hám không gì cứu vãn vì tuổi già – một liên tưởng không vui cho lắm, vì rằng, rồi đây, người-ta cũng sẽ cuốn xoay trong vòng tròn đó. Tôi cũng hốt hoảng tháo từng sợi tóc khỏi da đầu và nhìn chúng giã giũa trong bàn tay."* (trích "Già nua trên đường phố..." trang 48)

Trong văn chương của Nguyễn Thúy Hằng không bày biện những cứt, đái, bộ phận sinh dục, không đeo lưng lẳng những bảng quảng cáo Coca Cola, hay băng vệ sinh Cotex có cánh... cô đứng một mình, khép nép, cô đơn, sàu thẳm trong xó kẹt của kiếp người, rứt rề thảy ra những trang viết đầy bụi bặm và khét lẹt của mình. Không cần biết thứ văn chương của cô là văn chương gì, nhưng nó làm tôi rúng động, thảng thốt và gục ngã.

Tôi tự cho phép mình xem tác phẩm "Bởi từ lâu chúng ta không thể ngủ" là cuốn hồi ký quái gỡ của Nguyễn Thúy Hằng (không cần biết có đúng vậy không) bởi vì trong đó cô có nói về quê quán của mình là cái làng đầy gió tanh tươi và gào thét. Cô có nói về bố mình là ông Noah đóng cái thuyền lớn chở theo 4 đứa con gái và gia súc...vượt qua trận Đại Hồng Thủy. Và cô cũng kể về tuổi thơ của một con bé có 55 cái răng chỉ dùng để... đớp mặt trăng.

Ngoài việc đó ra, cô bé chẳng biết dùng mớ răng lờm chờm ấy để làm gì, bèn nghĩ ra một trò chơi quái đản:

"Gã trốn mẹ. Cạy cục dưới gầm tủ và lôi ra một hũ sơn. Gã lấy dao nạy hộp sơn lên, màu xanh trong hộp vẫn còn tươi, sên sệt nhưng trên mặt sơn đã đóng một lớp váng mỏng. Gã ôm hũ sơn chạy ra giếng nước và bắt đầu quét những chấm xanh lên từng chiếc răng.

Bây giờ cô ta có hàm răng xanh, nhìn dễ sợ như hàm răng ma."

Khi bị tổng khứ ra khỏi nhà, cô đã lớn lên như cỏ gai mọc trong sa mạc khô cằn. Thân thể tóp rộp, ốm tong teo. Tự gọi mình là "Mụ vú khô" và mụ ta đã sử dụng cặp vú ấy hết công suất:

"Gã, Mụ vú khô. Trong đêm hè khoan thủng hết bốn bức tường bằng đầu ngực, nuốt hết vụn vôi và xi măng vào dạ. Gã nhìn từng lỗ trên tường. Đóm sáng tiếp tục nằm trong các hốc khe lửa. Nhưng chính giữa đóm sáng lại có tròng mắt sáng rực, trắng dã nhìn lại gã. Một ngàn cái lỗ, một ngàn đóm lửa bao quanh một ngàn con mắt. Một ngàn gã và một ngàn vú khô thở rốc từng ngày, hít vào rồi thở ra, chạy vòng vòng quanh nhà. Một nửa hàm răng bị nghiêng vì nghiêng trèo treo cả đêm. Nghiến dọ mấy con mối.

...Gã chải mở lông bùng nhùng, xoắn xuýt đang cố nhoi lên khỏi chiếc quần lót, chúng càng cong tợn như lò xo làm bằng những sợi nhôm mảnh mai. Mở lông của gã trông tựa núi nhôm dùng rửa dầu mỡ, vết cháy khét bám trong nôi, ánh sáng hắt vào càng xanh biếc.

...Nói tóm lại tất cả bộ phận trên người đều chóng lại gã - Mụ vú khô, và thêm một vật nữa, nằm dưới gầm giường chịu đựng cơn thịnh nộ, khi buồn thì đem ra cào cấu, khi vui thì vất cho trụi lông. Hết đường chạy trốn."

Cô gái cô độc ấy đứng trong xó xỉnh sân trường nhìn đám bạn sinh viên, giáo sư, lớp học, phòng thí nghiệm sinh học...của mình bằng con mắt lồi độc nhất trên trán của một người ngoài hành tinh. Trong đôi mắt ấy, ngoại giới trở thành những "huyễn tượng"

"Huyễn tượng một:

Cỏ bọ nứt ra từ bắp chân một người chết trôi. Nó mọc bình thản, từ tốn trên bắp chân Mụ. Tối. Các lá rũ xuống, Mụ cong lưng nhìn bắp chân mình. Mụ bám thủng da, khơi rộng đường để chúng lớn nhanh hơn. Trong giấc ngủ này, Mụ thấy bào tử nang lớn đẻ ra nguyên tản cái và đực. Những đứa con này chớp lấy nhau nhanh chóng. Đôi khi từng cặp cái hoặc từng cặp đực quặp lấy nhau, không cần trưởng thành, không cần định hướng, tách rẽ và từ chối sự dạy bảo. Chúng ngậm nhau, sinh sản hung dữ, hiền hoà, nhu nhược, phản kháng tràn lan trên bắp chân người chết.

Mụ đứng dậy. Lê bước ra đường. Vú khô dị hợm. Bắp chân lòi rế và mặt bọn trẻ vừa sinh quét xuống đất. Lúc ấy, Mụ thấy gã đang hút thuốc ngay đầu ngõ.

Huyền tượng hai:

Sử quân tử biến thành người đàn ông tàn tật mọc hoang ngay bờ cống. Ông đi đến đâu, gieo bệnh cho người đến đó. Đâu đâu cũng là một đám người ẻo lả, dựa dẫm và trèo lên nhau mà sống. Họ chồng lên nhau, tay người này quấn lấy chân người kia thành một đống cao ngất. Họ bò trên những cái xác dậy mùi phía dưới đáy và tiếng em bé khóc oe oe ở phía trên. Những cái đầu đỏ loe ngoe mọc giữa cánh hoa và đòi nước. Cái bóng khổng lồ, bệnh tật và đau đớn này cố bò ngang thành phố. Bỏ lại sau lưng là máu và xác người vo viên trên đường. Ruồi xum xoe trên viên thịt lớn. Gã vẫn đốt thuốc và ngồi im vào lúc tám giờ bốn mươi lăm phút sáng." (trích "55 cái răng" trang 75-76)

Rất tình cờ cô gái gặp lại thằng bạn thời còn bắn súng nước và chơi lồng đèn. Hai đứa đánh nhau vì mỗi hận cũ. Cuối cùng cô gái viết cho hắn một bức thư tình dấm dớ. Và hỏi: "ông có chịu về ở chung với tôi?" Đáp: "tôi đồng ý." OK. Hai đứa ráp lại trong một căn phòng đầy mùi cà rốt thối rữa.

Không thiếu những màn sex giựt gân: "Cô để yên cho hắn xem xét với sự thích thú. Hắn lần xuống ngón chân cô, bẻ tới bẻ lui xem độ cứng của nó. Hắn gãi gãi và bóc da thừa ở gót chân cô. Hắn còn lần xuống mắt cá sần sùi, bấu bấu vào vết chai của chúng. Hắn xoay xoay đầu gối cô. Làm nó trượt tới trượt lui. Hắn chơi với bộ phận của cô gái một lúc lâu, nhưng tuyệt nhiên vẫn không chạm vào Mụ vú khô."

Sau cuộc làm tình, gã đàn ông bị đẩy vào gầm giường và chết dí ở đó vì nghạt thờ.

Cuốn hồi ký kết thúc bằng một cái chết và một niềm vui tự do. Nhưng đó chỉ là một hạnh phúc nhỏ bé như cái vỏ ốc nhạt được trên bờ biển. Nguyễn Thúy Hằng còn trẻ. Cuộc sống chưa thể khép lại. Chỉ tạm nghỉ giải lao mười lăm phút. Rồi cánh cửa chắc chắn sẽ mở. Con dơi nhỏ bé của cái thiên thạch đầy gió gào thét ngày xưa lại vụt bay ra. Ngọn núi lửa lại chuyển dạ. Không biết lần kế tiếp dung nham có phụt ra được để bùng nổ?

Đêm qua tôi nằm mơ thấy mình là một nhà sư già lúi thúi đi một mình trong rừng tìm lá bồ đề chép kinh Phật. Bỗng nhiên nghe tiếng gọi:

- Bó ơi!

Ngẩng lên, thấy Nguyễn Thúy Hằng đang ngồi vắt vẻo trên một nhánh xương rồng saguaros cao ngất. Da cô đã biến màu xanh. Tóc cũng xanh. Tôi bèn hỏi cái câu mà lâu nay tôi vẫn thắc mắc:

- Con từ hành tinh nào đến đây?
- Con sẽ nói cho bố biết con từ đâu đến, với một điều kiện.
- Điều kiện gì?
- Bố sẽ theo con đến ở trên thiên thạch ấy. Gió đã đi hết rồi. Và chúng ta sẽ tạo ra một loài người mới.



CON GÁI CỦA RỪNG

Ngón trở của Ka Hềng có một đường rãnh như vết dao cắt. Cái rãnh ấy do động tác ngắt lá chè lâu ngày tạo ra.

Và đó cũng không chỉ là ngón tay của Ka Hềng. Đó là ngón tay của tất cả những cô gái hái chè ở Lâm Đồng.

Năm mười bốn tuổi gia đình Ka Hềng từ Lộc An chuyển về Bảo Lâm ở chung với dì. Nhà đông người quá, không có chỗ ngủ. Ka Hềng phải vô rừng sống một mình.

Mỗi tuần một lần cô gùi củ mài ra buôn làng đổi gạo, muối. Hai mươi cây số đường rừng. Đi từ sáng và về một mình trong đêm. Đi theo ánh sáng của bầy đom đóm. Âm thầm như con chim bay về tổ của mình.

Mười chín tuổi, khi Ka Hềng đang ngủ. Chợt cảm thấy có ai nằm cạnh mình, quay lại, bị hôn ngay miệng. Đó là một gã thợ rừng người Kinh. Cô bỏ chạy ra suối rửa mặt, súc miệng.

Nhưng gã người Kinh ấy lại ngỏ lời cầu hôn. Gia đình Ka Hềng hỏi:

- Cha mẹ đâu?

Anh ta nói mình lớn lên trong trại mồ côi. Không biết quê quán. Không biết cha mẹ. Gia đình hứa: mày lấy Ka Hềng, cho mẫu chè.

Nhưng đêm tân hôn nó bỏ đi nhậu với tụi thợ rừng. Ka Hềng nằm một mình buồn quá. Khóc. Nửa đêm ra ngoài tìm chồng. Đi ngang nhà thờ nghe tiếng thánh ca. Đó là lần đầu tiên cô không hát cho ca đoàn trong đêm Giáng Sinh mà lại lang thang trong đêm tối.

Hồi ở trong rừng cô vẫn hay đi một mình trong đêm tối như vậy. Chợt sống lại cảm giác ấy. Không buồn nữa. Đứng dưới bóng cây mà hát. Rồi cứ thế, đi và hát trong đêm. Không một ai trên đường. Không một ai trong buôn làng còn thức. Chỉ có Đức Chúa Trời nghe cô hát như ngài vẫn thường nghe trong nhiều

nằm dưới mái nhà của Người.

o

Hai mươi tuổi Ka Hềng có bầu. Người chồng bán mẫu chè và bỏ đi biệt tích. Ka Hềng vô rừng ở, lần thứ hai. Không tiền bạc. Không cửa cái. Nhưng rừng là nhà của cô. Vẫn còn những củ mài, măng tre, lá bép và suối.

Nhà của Ka Hềng ở lưng chừng đồi. Nó mảnh khảnh và tươi tắn.

Buổi sáng lại gùi củ mài và măng ra buôn đổi thực phẩm. Vẫn hai mươi cây số đường rừng. Trở về trong đêm. Cọp thường ngủ dưới gốc sim. Nhưng cọp cũng thích nghe Ka Hềng hát. Con đười ươi, con gấu, đến con rắn cũng thích nghe Ka Hềng hát. Chúng thân thiện với cô như trong cổ tích.

Chỉ có con người là mang mầm mống của sự bất trắc. Hai thằng con trai đứng chặn đường ngay đầu cầu. Cây cầu khỉ bắc qua suối.

- Đưa trái thơm thì cho qua.

Trong gùi của Ka Hềng có gạo. Và hai trái thơm. Cô lấy một trái, cầm cái cán như cầm quả chùy.

- Có phải trái này không?

- Hai trái mới được.

- Vậy tôi đếm đến hai nhé.

Và đếm: một, ha... Tiếng « hai » chưa kịp thốt ra thì một gã con trai đã văng xuống suối. Gã còn lại ngoan ngoãn tìm cách kéo đồng bọn lên.

Nhưng lại có một gã to con hơn. Râu quai nón, tóc dài. Gã không chặn đường. Không chọc ghẹo. Gã theo dõi. Lén lút. Giấu mặt. Ban đầu Ka Hềng rất sợ. Lần thứ ba, lần thứ tư vẫn không ra mặt. Khi thì theo sau, khi đi song song, lẫn trong cây rừng, khi ẩn hiện phía trước, có lúc từ trên ngọn cây cao nhìn xuống.

Nhiều tuần trôi qua như vậy. Ka Hềng không còn cảm thấy bị đe dọa. Gã giống như người được thần rừng sai đi bảo vệ cho cô. Ngay cả trong đêm, cô không thấy hình dáng của gã nhưng những tiếng động gã gây ra cũng rất quen thuộc. Vì không sợ nữa nên cô lại hát. Có thể gã không phải là người. Vì làm sao lại có người bỏ công theo đuổi suốt ngày đêm như vậy? Chẳng lẽ đó là một gã si tình?

Lại có khi Ka Hềng rình gã. Thấy gã từ trên ngọn cây nhảy xuống, nhanh như một con vượn. Râu tóc rất dài. Nhưng mặt là mặt người. Một người đàn ông cao lớn và cũng có thể gọi là đẹp trai. Đến khi gã phát hiện mình bị theo dõi thì trốn biệt. Biến mất trong rừng dày. Suốt một tuần không hề thấy tăm hơi. Chỉ có

một lần Ka Hềng tắm suối. Cô để ngực trần. Và hát vang cả rừng núi. Chợt nghe tiếng động trong nhánh cây thấp. Cô ngừng hát. Nhưng vây quanh cô chỉ là những tầng tầng lớp lớp lá rừng dày đặc. Rừng cũng đang nín thở, nghe ngóng.

Cô nghĩ rằng gã đã bỏ đi nơi khác rồi. Và từ đó cô không bận tâm đến gã nữa.

o

Có một ngày Ka Hềng thấy thềm chua. Mà ổi thì mới ra hoa. Trong rừng không có quả gì. Cô đi lang thang bên suối tìm lá giang. Nhưng không có. Chỉ gặp một bụi lá bứa chua chua chát chát. Nhưng rất là ngon. Ăn một bụng, còn để dành cho ngày hôm sau.

Nhưng hôm sau đến thì thấy một con bò rừng đang ăn khóm lá bứa của mình. Nó to quá. Không đuổi đi được. Đành phải chạy đến tranh ăn với nó.

Và ngày hôm sau thì không còn gì để ăn.

Cơn thềm chua lại đến. Cô vượt ve cái bụng bầu của mình. Con ơi. Mẹ đói như thế này thì làm sao con no được?

Ngày kia có một chàng trai lạ bơi qua suối.

Anh ta nhìn thấy một cô gái hai mươi tuổi, mang bầu và ở một mình trong rừng. Lễ vật của chàng là một nửa gùi sim chín. Chàng hái sim trên đồi cù.

- Cô ở đây có một mình sao?

- Tôi thích ở một mình.

- Chồng đâu?

- Không có chồng.

- Sao có bầu?

- Con của rừng đấy.

Hôm sau chàng trai lại đem đến một nửa gùi bắp. Lần thứ ba là muối. Chàng trai rủ Ka Hềng đi hái sim. Họ đi từ sáng và đến đồi cù vào giữa trưa. Sim dày đặc, trái chín đen cả một vạt rừng. Gió mát quá. Ka Hềng len lỏi giữa những bụi sim cao ngang mặt. Hai người tung tăng như hai con nai nhỏ hồn nhiên.

Chợt nghe tiếng thở của con thú lớn. Một con cọp đang ngủ say. Chàng trai cầm cái xà-gạc thủ thế. Ka Hềng lùi lại. Nhưng không sợ. Cô thấy con cọp cũng hiền lành khi nó ngủ. Chàng trai nói:

- Cô giữ cái đuôi nó đi. Tôi sẽ cho nó một nhát.

Ka Hềng thích trò chơi đó. Cô chụp lấy cái đuôi con cọp. Nó giật mình thức dậy. Gầm lên một tiếng. Nhanh vượt giương ra hết cỡ. Chàng trai ném cây xà-gạc

bỏ chạy.

Ka Hèng không còn sự chọn lựa nào ngoài việc giữ chặt cái đuôi khủng khiếp của con mãnh thú. Người và thú xoay vòng tròn. Cô gồng mình, mười ngón chân cày xới mặt đất tóe máu. Mặt đất cũng rách nát.

Quần áo Ka Hèng thì tả tơi, tóc bê bết mồ hôi, sợi dây chuyền bằng hạt cườm đứt tung, vung vãi trong cỏ gai. Cô bắt đầu đuối sức nhưng không dám buông tay. Trong giây phút tuyệt vọng ấy một đám thợ rừng xuất hiện, la hét. Ka Hèng buông cái đuôi ra, ngã quỵ trên vòng tròn nham nhở đất cát.

Cọp phóng vào rừng.

Cô lại trở về căn nhà sần tả tơi của mình.

Một đêm trăng mờ, chàng trai hôm trước lại bơi qua suối. Lần này anh ta không đem theo quà. Lặng lẽ bước lên cầu thang, ngồi xuống bên bếp lửa. Ka Hèng đang khêu lại cái xà rồng rách nát do quần nhau với cọp hôm trước. Hai người đều không nói lời nào. Cuối cùng chàng trai mở lời.

- Anh có lỗi với em.

Im lặng.

- Hãy cho anh ở lại đây đêm nay.

- Về đi!

- Hãy cho anh ở lại.

- Tôi bảo anh về!

- Nếu không về thì sao?

Ka Hèng ném cái xà rồng xuống sàn nhà. Hỏi:

- Anh nghĩ gì về một cô gái dám sống một mình trong rừng?

- Anh thương em.

- Bây giờ anh có đi về không?

- Hãy cho anh ở lại.

Ka Hèng bước lại phía vách lá, đẩy cánh cửa sổ.

Không phải ánh trăng lùa vào. Không phải gió lùa vào. Mà một đàn dơi rừng như cơn bão đen từ địa ngục lùa vào.

Chàng trai biến mất trong chớp mắt. Chỉ còn là một khối đen có cánh, lúc nhúc và rối rít. Cái khối đen ấy lăn tròn xuống cầu thang.

Đàn dơi tung mình lên. Lấp lánh ngàn đôi cánh của bóng tối.

Chàng trai nằm bất động. Ka Hèng lại ngồi bên bếp lửa, tiếp tục vá cái xà rồng. Một lúc sau, cô nghe tiếng bước chân dẫm trên lá khô. Và tiếng một con

chim tu hú kêu trong rừng sâu.

o

Cái thai vẫn tồn tại sau trận ác chiến với con cọp nhỏ. Đến ngày, Ka Hềng về buồn ở với mẹ. Nửa đêm bụng đau thắt. Mẹ bảo cô ngồi xồm, hai tay nắm chặt thành giường. Đứa con ra đời, được cắt nhau bằng một sợi chỉ.

Ba tháng sau Ka Hềng lại đưa con vào ở trong rừng. Ở được một tháng thì có cơn bão đến. Rừng núi chuyển động. Đồi chè chuyển động. Ngôi nhà sàn lắc lay như cái tổ chim. Mưa trút xuống gập dứ. Trời gầm thét. Và núi cũng đáp lại bằng những tiếng rú.

Căn nhà sàn bay xuống đồi như một chiếc lá khô. Vừa bay vừa xoay vòng. Ka Hềng gùi con sau lưng, ôm lấy cột nhà. Và bay đi như đang cưỡi lên một cánh diều. Cô nghĩ rằng hai mẹ con sẽ bị ném xuống hẻm núi và sẽ chết. Cuối cùng cô quyết định mở cánh cửa. Ôm con trước ngực. Và lao ra ngoài.

Hai mẹ con lăn lóc trên sườn đồi. Tấp vào những bụi chè. Và sống sót.

Sau cơn bão, những người hái chè quanh đấy xúm lại dựng tạm cho cô một túp lều. Lều cất xong, các chàng trai trong buôn săn được một con *đỏ*, làm tiệc. Ka Hềng đi hái mồng tơi được một rổ đầy, đem rửa bên bờ suối. Bọn thanh niên xúm lại vừa nhặt rau vừa chơi trò bóp trái mồng tơi quẹt lên mặt, đùa giỡn náo động cả một góc rừng.

Bỗng nhiên nghe tiếng khóc. Già Làng hỏi:

- Đứa nào khóc?

Ông chạy ngược lên đầu suối, thấy hoa mồng tơi trôi đầy trên mặt nước. Trên hòn đá chỉ còn mình Ka Hềng ngồi khóc, xòe hai bàn tay che lấy ngực. Già Làng hỏi:

- Ai làm gì?

- K Đùng bôi mồng tơi lên ngực con.

Già Làng chỉ cười, lội xuống suối vớt cái rổ rau lên.

- Nín đi.

Nhưng Ka Hềng tức quá không nín được.

Buổi tối khi mọi người đã về hết, còn lại một mình với rừng đêm, cô thấy mình sống lại, thanh thản, tự do giữa trời và đất, giữa mây và núi. Đứa con đã ngủ yên bên bếp lửa. Ka Hềng đi chân đất, bước xuống các bậc thang. Bàn chân dẫm trên những lá cỏ ướt. Mặt đất phẳng lặng.

Ban sáng bông cỏ may có màu tím đỏ, xế chiều nó cháy rực lên như lửa. Còn

bây giờ dưới ánh trăng mờ đục, bông cỏ may tỏa ra một vùng sáng bạc hư ảo, chập chờn, lãng đãng như sương khói.

Cô muốn ngã người vào vòng tay của cỏ để đón nhận sự vuốt ve của những cánh lá mỏng, để hít cái bông bành của lớp sóng trắng đục, để nghe lời ru vụng về mà âu yếm của con nước vô danh dưới lũng thấp.

Hãy chúc phúc cho Ka Hềng, con gái yêu của rừng già. Hãy chúc phúc cho con chim sơn ca của núi rừng Bảo Lộc có đôi cánh quá mỏng, không bay lên được trời cao.

Peace be with you, Ka Hềng, con chiên của Đức Chúa Trời lòng lành. Cô là giọng solo sáng giá của ca đoàn nhà thờ Tân Rai. Tháng 5 năm 1995, trong lễ khánh thành ngôi giáo đường xinh xắn này có một trăm linh mục khắp nơi về dự. Năm nghìn giáo dân quỳ dưới chân Chúa. Ka Hềng được chọn là giọng "hát đáp" duy nhất, hát trên bục thánh.

Sau buổi lễ cha xứ địa phận Đà Lạt đến và nói:

- Con hát hay lắm. Hãy về hát cho ca đoàn của cha.

Nhưng đến nay cô vẫn là một cô gái hái chè.

Và vết cắt trên ngón tay trở của cô ngày càng sâu thêm.

Phía dưới thung lũng có tiếng con nít la lối. Hình như đoàn văn công ở tỉnh về. Ka Hềng đang hái chè, bỏ gùi chạy ra xem, mới biết là có bốn người Fulro bị bắt, đem từ trong rừng về. Một đàn ông, một đàn bà và hai đứa con nít. Bọn họ và mấy người dân quân xã ngồi nghỉ mệt bên những gốc mít.

Ka Hềng rẽ đám đông, thò đầu vô xem. Tức thì chạm phải một khuôn mặt râu tóc dài như người rừng. Và một đôi mắt buồn, khắc khoải. Đó là đôi mắt đã từng theo dõi cô trong rừng, phía sau, phía trước, trên ngọn cây...bất kể ngày đêm, bất kể mưa nắng. Đôi mắt ấy đang nhìn cô trên trời. Một đôi mắt đẹp. Một cái nhìn tuyệt vọng.

Người đàn bà ngồi cạnh ông thì ốm yếu và thất thần. Chỉ có hai đứa con nít thì lanh chanh như hai con khỉ nhỏ. Chúng đứng nhả răng cười, chỉ tay vô bụng. Có người đưa cho chúng mấy viên kẹo, chúng đưa lên mũi ngửi, xé viên kẹo ra nếm rồi nhả mặt vứt đi. Người nọ lại đưa một ổ bánh mì. Một đứa chụp lấy, nhảy tót lên cành cây, đu mấy cái đá ở tít trên ngọn mít. Đứa còn lại phóng theo, chuyền cành nhanh như vượn, tiếng kêu "khệt khệt" phát ra từ cổ họng chúng. Hai đứa đuổi nhau trên ngọn cây, giành ổ bánh mì. Cuối cùng đứa nhỏ thua. Nó

ngồi trên cành cây, nhìn đĩa lớn gặm ổ bánh, rồi chọt nó bẻ một cành mít nhỏ đưa lên miệng, gặm lớp vỏ cây, ăn ngẫu nhiên.

Hai đứa trẻ đã được sinh ra, lớn lên trong rừng. Và đây là lần đầu tiên chúng biết đến xã hội loài người.

o

Tôi và Ka Hềng phải vượt qua một con dốc rất cao mới tới được làng Tul. Trên đỉnh dốc là một vùng đất bằng phẳng vàng cháy và trơ trụi. Tôi không thể tưởng tượng được rằng giữa vùng rừng núi bạt ngàn này lại có một ngôi làng cần khô như thế. Như ốc đảo trong sa mạc. Như một thị trấn hoang sơ của miền viễn tây Hoa Kỳ cách đây 200 năm.

Hai bên con đường đất bụi mù là những ngôi nhà gỗ lụp xụp ủ rũ dưới nắng cháy. Những ngõ cụt màu nâu đỏ mất hút sau các vách ván so le, vỡ nát, thủng lỗ. Không một bóng người. Không tiếng chim. Không tiếng heo gà. Làng Tul lạnh lẽo dưới nắng chói.

Rồi đột nhiên hàng chục đứa trẻ từ trong các ngõ ngách hiện ra. Đứng như trời trồng, Không nói. Không cười. Không cử động. Chỉ thấy những cái bụng ỏng và những cặp mắt đầy ghen.

Tôi đang lạc vào thế giới nào vậy?

Những đứa trẻ như vừa mọc ra từ đất. Chúng như những bụi xương rồng lùn tịt, khẳng khiu trên cát nóng. Chúng đang thử thế với tôi hay đang chào đón?

Dường như sắp xảy ra một cuộc đấu súng.

Những chàng cao bồi nhỏ áo quần rách rưới, ruồi đậu quanh mép. Còn tôi thì toát mồ hôi. Không ai có súng cả. Đường như đó là một sự căng thẳng giả tạo. Cũng có thể đó chỉ là một sự ngạc nhiên kéo dài.

Ka Hềng nói một câu gì đó bằng tiếng dân tộc.

Ngay tức khắc đám trẻ con chạy ùa đến vây lấy hai chúng tôi. Tôi ngồi thụp xuống, mở cái bao vải to tướng ra. Chúng tôi vội quá, nên quà không có gì ngoài những bao xì-nách. Một trăm bao cũng không thấm tháp gì.

Mấy con gà mái không biết từ đâu cũng chạy đến. Năm ba con chó vàng và heo mọi ồm nhách.

Dưới gầm ngôi nhà sàn thường là để nhốt trâu bò nhưng dường như đã lâu lắm người ta không dùng đến cái khoảng trống đó. Mặt đất trong chuồng nham nhở. Không có cỏ, cũng không có rơm khô. Cả phân bò cũng không có. Sự sống đang tàn lụi, đang co rúm lại, quắt queo như một trái cây chưa kịp chín đã khô

héo.

Ngôi nhà sàn này giống hệt nhà của Ka Hềng trong rừng năm cô mười bốn tuổi. Một cầu thang đi lên. Tỏa ra hai bên là những khoảng trống u ám của những vách lá mục nát đen nhem bị hun khói hàng chục năm bởi những bếp lửa phân chia từng gia đình một.

Bếp lửa cũng đã tắt ngấm. Đặt bàn tay lên tro than thấy lạnh tanh. Những que củi cháy dở nằm ngổn ngang như xác chết nám đen trên chiến địa.

Nhìn lên mái thấy hàng trăm cái lỗ thủng. Thấy có đám mây dừng dưng bay ngang qua. Thấy gió phe phẩy những lá mục. Vách ngăn giữa các gia đình làm bằng bao bố kết lại. Cũng đã tả tơi.

Nhưng đây không phải là cái nhà sàn bỏ hoang. Vẫn có mấy bộ quần áo treo trên vách. Mấy cái bầu khô. Xà gạc và gùi. Những cư dân ở đây đang ở trong rừng. Họ không có chè để hái, không có cà phê để hái, không có bắp để hái. Họ hái củi. Bó từng bó lớn, mang trên vai, gùi trên lưng. Đi bộ mấy chục cây số. Hai bàn chân bè ra. Nứt nẻ. Chai cứng. Bỏ rừng ra đến chợ. Kiếm được hạt gạo sao mà khốn cùng vậy!

Xế chiều quay về nhà. Nhà đây sao? Hay là chường? Có khi không bằng một cái hang thú. Sao nỡ bỏ người dân tộc ở cái làng Tul này sống thảm thương đến vậy?

o

Ka Hềng hỏi tôi.

- Anh có biết vì sao chồng em bỏ đi không?

- Vì hắn đã bán mẫu chè của em.

- Không phải.

- Vậy thì vì sao?

- Vì đối với chồng em thì rừng chỉ là nơi anh ấy đến để nương tựa lúc ngặt nghèo. Không phải nơi anh ấy trở về.

Tôi hỏi:

- Còn em?

- Em là con gái của rừng. Rừng là mái nhà. Là nơi em trở về. Nếu như người kinh cũng nghĩ rằng rừng là mái nhà của mình, là nơi từng che chở mình... thì một ngày nào đó họ sẽ trở về.

Ngày 27 tháng 4 năm 2008

33.



CHUYỆN NHẢM NHÍ

Có người đã nói về "Chuyện Tử Tế". Tôi xin phép được kể mấy câu chuyện nhảm nhí. Chuyện nhảm nhí trong xã hội ta thì đủ loại, có khi các bạn còn biết nhiều hơn tôi cho nên hầu chuyện cùng các bạn tôi phải dẫn đo ghê lắm. Cũng may mỗi người chúng ta quan niệm "chuyện nhảm nhí" một cách khác, thành ra có khi chị A thấy chuyện kia hay ho, chị B lại cho là nhảm nhí, lúc khác cô X cho cuốn sách này sâu sắc hấp dẫn, cậu Y lại thấy nó nhạt nhẽo buồn cười. Chính vì thế mà hôm nay tôi xin kể vài câu chuyện nhảm nhí theo cách nhìn của tôi, có thể bạn đồng tình, cũng có thể bạn chê tôi là nhảm nhí, bề nào thì tôi cũng thành công vì đã kể được câu chuyện nhảm nhí rồi.

Chuyện tôi sắp kể sau đây liên quan tới chữ nghĩa.

Có ông tổng biên tập của một nhà xuất bản nọ thường hay dặn dò nhân viên mình là đừng có chọn các bản thảo trình thám hình sự, vụ án... Đó là chuyện nhảm nhí không xứng với tầm cỡ và uy tín của nhà xuất bản. Nhưng viết chuyện kinh dị mà tinh vi đầy hình tượng như Edgar Poe thì ai có thể nói là không "văn học", còn viết kiếm hiệp mà bay bướm, lãng mạn, uyên bác như Kim Dung thì đã có mấy nhà văn nào sánh nổi?

Vậy thì cái chất nhảm nhí nó nằm ở đâu?

Trở lại chuyện ông tổng biên tập nọ. Sau khi chê bai chuyện vụ án, chuyện hình sự, ông cho ra đời một cuốn tiểu thuyết kể chuyện "chuyển biến tốt" của một cô tiểu thư học trường Tây, biết nhảy đầm, biết chơi đàn piano, dùng một cái biến thành thanh niên xung phong và qua lao động, qua đời sống tập thể cô ta đã "chuyển biến" thành một người tốt, cô bỏ anh bồ giàu ở thành phố và yêu một anh thanh niên xung phong, cả hai đều trở thành những con người mới. Những tiểu thuyết tuyên truyền chính trị loại dễ dãi như thế ra đời những năm đầu giải phóng thì được, mà xuất bản bây giờ thì thấy đã chướng rồi, nói chi tới chuyện văn học hay không văn học.

Nhưng nghệ sĩ muôn đời vẫn là nghệ sĩ, giống như họa sĩ Van Gogh từng nói: "*Thà không là nghệ sĩ, quyết không làm nghệ sĩ hạng nhì.*"

Thế nhưng những tiểu thuyết loại ấy vẫn có hàng trăm độc giả ái mộ viết thư về nhà xuất bản yêu cầu tái bản.

Vậy thì ai là người nhảm nhí?

o

Năm 1987 là năm đại nạn của các nhà xuất bản. Đại nạn vì giá giấy tăng, công in tăng, giá thành cuốn sách tăng, độc giả không có tiền mua, sách bán ế. Có nhà lỗ 40 triệu, có nhà lỗ hai, ba chục triệu. Các vị giám đốc nói đùa với nhau: "Chuyến này chắc anh em mình đóng cửa nhà xuất bản"

Nhưng đó là chuyện của các vị. Còn tôi, kẻ viết bài thì nhân chuyện ấy mới nghĩ ra được một chuyện nhảm nhí. Truyện này khi tôi nghĩ ra, có kể cho anh Lưu Trọng Văn (một nhà viết kịch trẻ tuổi đẹp trai chưa vợ) nghe và anh ta rất khoái, hăm he sẽ viết thành kịch. Trong khi chờ đợi kịch ấy thành hình, tôi xin phép kể hầu các bạn.

Ngày kia thủ trưởng các nhà xuất bản, các tờ báo trong cả nước họp nhau lại:

- Giấy một triệu một tấn, giá thành một trang sách lên tới hai trăm đồng. Tôi không làm nổi, tôi phải dẹp tiệm thôi.

- Tôi cũng sẽ đóng cửa tờ báo của tôi, một vị chủ bút nói, không thể bù lỗ mãi được.

Một vị khác phản đối:

- Không được. Không có sách báo, quần chúng sẽ mất phương hướng, quần chúng sẽ nghe ai? Sẽ đi về đâu? Tôi không thể tưởng tượng nổi một nước mà không có sách báo.

Nhưng cuối cùng các vị đều đồng ý đóng cửa các tờ báo và các nhà xuất bản để đi nước ngoài học hỏi kinh nghiệm.

Một năm sau họ kéo nhau trở về nước.

Và họ vô cùng ngạc nhiên khi thấy phố phường tấp nập, nhân dân ai nấy đều tươi cười hơn hở, không còn nạn ngủ đầu đường xó chợ, không còn người ăn xin. Hỏi ra, giá cả rất ổn định, nhân dân ai cũng no đủ và tin tưởng chế độ.

Các vị đều ngớ người, chẳng hiểu vì sao có sự lạ, bèn chặn hỏi một người qua đường:

- Chào bạn, chúng tôi ở nước ngoài mới về, thấy xã hội ta đổi mới nhiều quá, xin bạn cho biết có phép lạ nào đã xảy ra vậy?

Người qua đường thản nhiên đáp:

- Có gì đâu. Trước đây chúng ta chỉ lo nói suông mà không ai chịu làm việc, còn bây giờ thì mọi người đều im lặng mà làm việc. Thế thôi.

Đó là một chuyện rất nhảm nhí do chính tác giả bài báo này nghĩ ra kể lại cho các bạn giải trí trong chốc lát, tuyệt đối không hề có ý xiên xỏ vị nào, xin các vị tha tội.

Tuy vậy chúng ta không thể tưởng tượng được một xã hội mà không có sách báo. Nhưng sách báo phải như thế nào? Chuyện đó phần lớn phụ thuộc vào độc giả chứ nào phải chỉ là chuyện của nhà báo nhà văn.

Độc giả ngày nay họ rất kỳ cục. Sách dày không đọc, ưa đọc sách mỏng, sách vừa vừa. Chuyện cao siêu không đọc lại thích chuyện dễ dãi, chuyện gay cần hồi hộp giựt gân hay tình ái éo le thì chuộng mà chuyện thường ngày thì chê. Đọc sách trước hết họ đọc cốt chuyện, cốt truyện nào gay go, có thể kể lại một cách hào hứng thì thích, tác phẩm nào viết theo lối "truyện không có truyện" như kiểu Thao Thức hay Trăm Năm Cô Đơn thì chê. Lại có số độc giả khác ưa truyện "trần trở". Chuyện "chống tiêu cực" hoặc chuyện "đặt vấn đề". Càng đặt vấn đề gay gắt, càng chống tiêu cực quyết liệt họ càng khoái, chính vì thế mà một vài nhà văn trẻ hiện nay có đất sống.

Người khác lại nghĩ rằng độc giả hiện nay thích truyện dịch hơn truyện trong nước. Nhưng truyện dịch là thứ nào? Hết Nhà Thờ Đức Bà Paris đến Những Kẻ Khốn Khổ, Đồi Gió Hú, Cuốn Theo Chiều Gió... cũng lại chuyện tình ái giựt gân cả. Các nhà xuất bản xào đi nấu lại những món ăn cũ rích ấy mà vẫn được ưa chuộng. Còn nếu có ai đó đại dột mà in các tác phẩm loại như Thao Thức, Đám Cháy... thì nên chuẩn bị kho mà chứa sách ế.

Thì ra không phải độc giả thích truyện dịch hơn truyện trong nước mà chỉ đơn giản là thích truyện gay cần. Truyện gay cần bao gồm săn bắt cướp, vụ án, đặt vấn đề, chống tiêu cực, danh tác cổ điển bên Tây bên Tàu, chuyện tình ái lãng mạn bi thương...

Trong những loại sách này, có cái giá trị, có cái rẻ tiền nhưng dường như độc giả cũng chẳng quan tâm đến điều ấy. Đời sống khó khăn quá, căng thẳng quá, họ thích đọc cái gì hấp dẫn, giựt gân, giải trí trong giây lát.

Khổ tâm cho các anh nhà văn ôm mộng viết tác phẩm lớn, ôm mộng "làm văn học" chẳng khác nào Lý Bạch ngày xưa ôm vàng trắng dưới đáy nước để chịu chết chìm.

Có cô nhà văn trẻ nọ đặt vấn đề với nhà xuất bản:

- Nếu các anh cứ in những sách có hiệu quả kinh tế thì bạn trẻ chúng tôi làm sao có cơ hội in được sách?

Tổng biên tập bèn đi một đường lả lướt, ký giấy tạm ứng cho cô 500.000 đồng để cô viết một tác phẩm. Viết xong, sửa chữa vài lần, thấy có thể in được, nhưng khi hỏi cơ quan phát hành thì "người" bảo:

- Tác giả "mới" quá không dám nhận.

Thế thì bố ai dám in. Đành bỏ. Một nhà văn có tên tuổi hơn, đó là anh Nguyễn Hữu Đức có gửi cho chúng tôi một tập truyện ngắn rất dễ thương, thông minh, tinh tế và rất có nghề. Tôi đã biên tập bản thảo ấy, đưa đi đánh máy hoàn chỉnh, họa sĩ làm xong maquette, chỉ chờ in. Nhưng thăm dò ông phát hành thì "người" lại bảo:

- Tác giả không ăn khách, chỉ nhận hai ngàn cuốn.

Chính tôi đành phải đem bản thảo lại trường đại học Dược, trả lại cho thầy Nguyễn Hữu Đức.

Hai anh em dẫn nhau ra căn-tin của trường uống ly cà phê bit tất. Uống xong ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Ôi! Cái nghiệp viết văn sao mà buồn vậy!



NGÔN NGỮ TRONG VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT

Một trong những yếu tố nhận ra con người là ngôn ngữ. Một trong những yếu tố nhận ra nghệ thuật cũng là ngôn ngữ. Ngôn ngữ là nhịp cầu cảm thông giữa muôn loài.

Sinh vật cấp thấp sử dụng những tín hiệu đơn giản để hiểu nhau, tín hiệu ở con người phong phú hơn gấp nhiều lần, chính vì thế mà sự cảm thông giữa con người sâu sắc hơn, tinh tế hơn gấp nhiều lần.

Nhưng khi con người giao cảm nhau bằng nghệ thuật thì hẳn phải sử dụng một ngôn ngữ khác, mới mẻ, tinh vi, sáng tạo hơn, bất ngờ, kỳ diệu hơn.

Đó chính là ngôn ngữ của văn học và nghệ thuật.

Thực ra văn học cũng là nghệ thuật, nhưng vì văn học sử dụng lời nói mang ý nghĩa cụ thể để diễn đạt, nên ta có thể xếp nó riêng một bên. Trong khi các nghệ thuật khác như âm nhạc, điêu khắc, hội họa... lại sử dụng thứ tín hiệu không mang ý nghĩa cụ thể (âm thanh, màu sắc, đường nét, chất liệu...) nên tạm xếp vào một phía khác.

NGÔN NGỮ VĂN HỌC.

Ngôn ngữ trong văn học vừa là ngôn ngữ của đời thường vừa không phải là ngôn ngữ của đời thường. Bởi vì ngôn ngữ văn học đòi hỏi tính cách riêng của nó. Tính cách riêng có khi là cái "chất" của địa phương (ví dụ như nói "giọng văn anh ta rất Nam bộ") hoặc mang đặc nét của từng tác giả. Mỗi nhà văn có một ngôn ngữ riêng của mình. Không tạo được điều đó nhà văn sẽ bị chìm khuất trong đám đông, trong lớp sóng xô bờ của chữ nghĩa.

Khi tả núi và trăng, Nguyễn Du viết:

"Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung"

Đem chữ *vẻ* gắn với chữ *non*, chữ *tấm* gắn với chữ *trăng* thì "non" không phải là non, "trăng" không phải là trăng nữa, mà là tâm trạng của nàng Kiều.

Một từ đứng riêng lẻ, nó chỉ mang một ý nghĩa thông dụng nào đó, nhưng

khi được nghệ sĩ đặt vào câu, nó lập tức mang ý nghĩa khác, sinh động hơn, mượt mà và huyền thoại hơn.

Màn hình tương hoãn thoát gió đàn

Hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình.

Chỉ có Nguyễn Du mới đặt được chữ *khan* vào vị trí đó. Nó trở thành của riêng ông, và ông đã tặng nó cho văn học.

Những cơn gió của cánh đồng mùa hạ

Còn nhớ được lối đi

Bản năng nhặt lên chiếc chìa khóa

Đã đánh rơi bởi trí nhớ.

Bốn câu trích trong bài "Một Trăm Năm Sau" của Emily Dickinson trên đây là một thí dụ khác của tài sử dụng ngôn ngữ.

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

Trong âm nhạc, hội họa và điêu khắc thì ngôn ngữ chỉ hình thành sau khi tác phẩm ra đời. Thoạt tiên, những nốt nhạc trên phím đàn không mang một ý nghĩa nào cả, nhưng khi chúng kết hợp thành giai điệu, tiết tấu thì lập tức nó "nói" lên được điều gì đó. Hoặc một nổi luyến tiếc (như bản valse số 10 cung si thứ của Chopin) hoặc là niềm vui hồn nhiên (như bản valse favorite cung sol trưởng của Mozart) hay suy tưởng mê mông (như *Sérenade près des grèves* của Romain Worschech).

Điều đáng nói là nỗi buồn, niềm vui hay sự suy tưởng do âm nhạc mang lại, hoàn toàn trừu tượng. Chúng được cảm nhận khác nhau trong mỗi tâm hồn khác nhau, tùy theo trình độ, tâm trạng, khung cảnh... Khả năng này hoàn toàn vượt xa ngôn ngữ văn học, bởi vì văn học dùng những tiếng có nghĩa để tác động vào lòng người, còn âm nhạc dùng những tiếng không có nghĩa để tác động, nhưng hiệu quả của nó thường lại cao hơn.

Trong khi ấy, ngôn ngữ của hội họa lại là đường nét và màu sắc.

Trong các tác phẩm hội họa hiện thực của thời kỳ Phục Hưng ở Châu Âu, ngôn ngữ hội họa có phần đơn giản vì người xem tranh hiểu trực tiếp, không đòi hỏi trí tưởng tượng hay một trình độ cảm thụ nào. Trái lại những tác phẩm hội họa ấn tượng, siêu thực, lập thể, trừu tượng... đòi hỏi cả nghệ sĩ sáng tạo lẫn người xem trí tưởng tượng phong phú, một góc độ nhìn bất ngờ và cả sự táo bạo. Césaire, vẽ mặt người như trái cây, Picasso bóp méo vật thể, Van Gogh dữ dội hơn với những nét cọ quằn quại, gào thét...

Nếu như trong hội họa, đường nét được sự hỗ trợ của màu sắc để thể hiện tiếng nói của mình, thì trong điêu khắc, đường nét lại cần sự hỗ trợ của chất liệu (matière) để tạo ra ngôn ngữ riêng. Đá, gỗ, thạch cao hay đồng đen? Mỗi thứ chất liệu có "giọng" của nó, tạo ra một linh hồn riêng, một tính cách riêng, một vẻ đẹp riêng cho mỗi tác phẩm.

Cũng như hội họa, điêu khắc mang dấu ấn của nhiều trường phái, nhưng dường như dù cố gắng phá thể, gây ấn tượng, tạo hình tạo dáng riêng, cố gắng tìm những chất liệu mới (sắt thép, phế liệu, rễ cây, thậm chí tóc người, cánh tay người...) thì các nhà điêu khắc hiện đại cũng không thể nào vượt nổi những tài năng lớn như Michel Ange, Raphael, Jean Antoine Houdon. Phần lớn các vị này dùng chất liệu cổ điển (đá, thạch cao, đồng...) để thể hiện những đề tài cổ điển (các nhân vật trong kinh thánh, trong thần thoại Hy Lạp...) bằng ngôn ngữ cũng rất cổ điển. Tuy nhiên cũng như trong âm nhạc, ý niệm cổ điển trong điêu khắc đồng nghĩa với "đỉnh cao nghệ thuật" và đã in những dấu ấn rõ nét trong tâm hồn nhân loại.

o

Ngôn ngữ mà tạo được dấu ấn thì "giọng" của nó phải sắc như dao, rực như lửa và mênh mông như biển trời. Ngôn ngữ ấy vừa là sự chất lọc riêng của người nghệ sĩ vừa là mặc khải của thượng đế.

Ngôn ngữ của văn học vừa là của ta vừa là của bất chợt, của ngẫu nhiên, của một cái gì đó ngoài ta.



CHIỀU THỨ TƯ CỦA NGÔN NGỮ

Mới đây, trên các báo của thành phố HCM hay có các bài phỏng vấn các nhà văn. Một câu hỏi quen thuộc thường đặt ra: Anh trở thành nhà văn như thế nào? Đa số những người được hỏi thường thuật chuyện lại hồi nhỏ mê văn chương ra sao, vào nghề thế nào, và nhờ đâu mà trở thành một nhà văn chuyên nghiệp.

Thực ra nghề văn là một nghề mà biên giới giữa chuyên nghiệp và nghiệp dư rất mong manh. Có người in chục cuốn tiểu thuyết mà vẫn chưa hiểu văn học là cái gì, ngược lại cũng có kẻ mới in một bài thơ đầu tay mà người đọc phải giựt mình. Thế thì ai là nghiệp dư, ai là chuyên nghiệp?

Gỡ lại nghề văn là một nghề phiêu lưu, nếu không nói là phiêu lưu nhất trong các nghề mạo hiểm.

Bởi nó khởi hành mà không biết dừng chân ở đâu, nó ra khơi mà không có ý niệm về bờ bến, nó tưởng mình thuận buồm xuôi gió mà lại gặp bão tố quay cuồng, nó cứ ngỡ cập bến vinh quang hóa ra chỉ là một xóm chài nghèo nàn heo hút.

Chọn nghề văn, phải là những kẻ liều mạng, những kẻ điếc không sợ súng. Gần như nhà văn nào cũng thế, nhưng không mấy ai hiểu điều đó. Hẳn hình dung ra một câu chuyện và hẳn kể lại có đầu có đuôi, thêm thắt vài đoạn tả cảnh, vài tình tiết gay cấn, vài đoạn triết lý cao xa... thế là thành một cuốn tiểu thuyết.

Thực tế không phải như vậy. Mà đó chỉ là một sự liều mạng.

Có một lúc nào đó hẳn dừng lại, đọc lại mình, và thấy rõ rằng mình đã liều mạng. Nhưng cũng có kẻ ngây thơ tin rằng mình "khá" quá và tiếp tục phiêu lưu.

Nhưng văn học vẫn ngự trị ở một không gian khác.

Nếu thế giới là một không gian ba chiều thì văn học là chiều thứ tư của ngôn ngữ.

Cái chiều thứ tư ấy ở đâu?

Nó đơn giản và có thật. Nhưng ai là người khám phá ra nó?

Kẻ nào khám phá ra nó, kẻ đó là nhà văn, ngược lại, hẳn chỉ là một tay cạo giấy. Ngay cả một nhà văn thiên tài, chưa chắc lúc nào trong tác phẩm hẳn cũng khám phá ra cái chiều thứ tư ấy. Đoạn này hẳn viết xuất thần nhưng đoạn khác hẳn lại rơi vào cõi thô thiển của cái cấu trúc ba chiều tẻ nhạt quen thuộc của ngôn ngữ.

Chiều thứ tư là một cõi huyền ảo, chập chờn và đồng bóng. Không nhập được vào cái cõi quỷ quái ấy của ngôn ngữ, hẳn chỉ có thể sản xuất những tác phẩm hạng nhì. Mà nói như Van Gogh: Nghệ thuật không hề có hạng nhì.

Văn học cũng giống như nghệ thuật, nó là một sản phẩm cực kỳ xa xỉ. Nếu Nguyễn Tuân (trong Vang Bóng Một Thời) có thể nhận ra "mùi" của một hạt trấu trong ấm trà thì nhà văn và người sành điệu văn chương cũng phải có khả năng nhận ra một nốt nhạc lạc lõng trong giai điệu của bản sonate ngôn ngữ, hướng chỉ sự sai lầm trong sáng tác văn học thường là một sự sai lầm toàn diện: hoặc anh đạt đến nghệ thuật, hoặc anh không có gì cả.

Nhà văn chỉ thực sự bước vào nghề khi hẳn hiểu được mình đang "phiêu lưu", đang "giỡn mặt tử thần". Bởi vì cái đỉnh của nghệ thuật mà hẳn phải vươn tới, cứ chập chờn trong sương mù, trong băng tuyết, trong bão tố. Đến được hay không đến được cái đỉnh ấy, ngoài tài năng còn phụ thuộc vào thời tiết, vào hố thẳm, chông gai và những bất ngờ trong cuộc hành trình.

Tác phẩm văn học, vì thế, thường là một quà tặng tình cờ của trí tuệ, thì thử hỏi cái danh hiệu NHÀ VĂN còn phù phiếm dường nào.

36.



PHIM MỸ ĐỦ THỨ CHUYỆN

Một tên móc túi chuyên nghiệp và một kẻ lừa đảo, đó là hai nhân vật chính của phim NGƯỜI ANH HÙNG.

Nhưng ai trong số hai nhân vật ấy là anh hùng?

Đó là một câu hỏi kỳ quặc.

Nhưng câu trả lời còn kỳ quặc hơn: cả hai đều là những người anh hùng và cả hai đều là những tên vô lại.

Một câu trả lời cũng giựt gân kiểu Mỹ!

Diễn viên chính Dustin Hoffman thủ vai tên móc túi chuyên nghiệp. Nghèo khổ, ít học, bị vợ bỏ. Hắn đi móc túi, đi bán đồ cũ, hắn lừng khừng như một gã khờ nhưng - bằng kinh nghiệm - hắn hiểu cái xã hội mà hắn đang sống hơn bất cứ ai trong chúng ta. Hắn dạy con hắn: *Hãy thu mình lại. Cuộc đời là rừng rậm. Và đầy cạm bẫy.*

Nhưng cuốn phim đã chứng minh một cách kỳ thú và đầy bất ngờ cho nội dung "triết học" ấy.

Lại một phim Mỹ khác – độc đáo và nhiều tai tiếng, trước đây có chiếu ở các rạp, hiện bị cấm: BẢN NĂNG GỐC.

La Rochefoucauld, một triết gia người Pháp cho rằng bản năng gốc chính là LÒNG ÍCH KỶ, còn Freud thì cả quyết rằng bản năng gốc là TÍNH DỤC (*libido*). Phim BẢN NĂNG GỐC có lẽ dựa trên quan điểm của Freud nhưng các nhà làm phim Mỹ đã khai thác những cảnh làm tình kèm với án mạng hơi nhiều và đã gây ra tai tiếng không ít. Dấu sao Sharon Stone cũng đã trở nên nổi tiếng và giàu có nhờ cuốn phim này, thực tế cô đã gây được những ấn tượng mạnh mẽ.

Cách đây chừng năm sáu năm, ở Pháp người ta đã trao giải thưởng văn học Goncourt cho cuốn tiểu thuyết *Noce barbare* (Hôn lễ man rợ). Nhà xuất bản Trê cũng đã ấn hành bản dịch tác phẩm viết về sự ẩn ức tình dục này. Nội dung cuốn sách xoay quanh một thứ mặc cảm mà Freud gọi là complex d'Oedipe (mặc cảm

loạn luân). Điều đó chứng tỏ tình dục là một đề tài khá phổ biến trong văn học và điện ảnh Âu Mỹ.

Nhưng trong phim SỰ IM LẶNG CỦA BẦY CỪU thì diễn viên đoạt giải Oscar Anthony Hopkins đã *trưng bày cho khán giả xem một bộ mặt mới của con người*. Một bác sĩ điên, một nữ cảnh sát trẻ tuổi và một tên pêđê độc ác. Jodie Foster thủ vai cô cảnh sát thông minh và nhân ái. Lúc nhỏ cô đã từng chứng kiến cảnh người ta giết hàng loạt những con cừu. Quá khiếp đảm cô đã ôm lấy một con cừu non và chạy trốn. Và bây giờ thì cô lại đối mặt với tên bác sĩ điên. Hắn không giết những con cừu nhưng hắn giết và ăn thịt người.

Còn tên pêđê lại là một dạng bệnh lý khác, hắn thích giết những cô gái đầy đà, lột da lưng, tự tay may áo để ông eo với những son phấn lòe loẹt trên mặt. Phim kết thúc bằng cái chết của tên pêđê và sự sợ hãi của bác sĩ điên. Một kẻ ăn thịt người vẫn còn lẫn lộn trong xã hội, giữa bầy cừu im lặng. Hắn đội lên đầu chiếc mũ mềm và mỉm cười đi lẫn vào đám đông. Hắn cũng vô danh như mọi người.

Với một chùm những giải Oscar gắn lên ngực, SỰ IM LẶNG CỦA BẦY CỪU có quyền bắt chúng ta suy nghĩ về tính ẩn dụ của một nhân vật khác thường như thế.

SIÊU QUẬY vừa xuất hiện ở các quầy cho thuê băng đã nổi tiếng như cồn. Diễn viên chính là một chú nhóc mới biết... bò. Bị bọn xấu bắt cóc, cậu ta chỉ dùng nụ cười với hai hàm răng sún và... nước đá để làm bọn chúng (và cả khán giả) điên đầu. Kỹ thuật dàn dựng và ráp nối tuyệt hảo đã treo hơi thở người xem bằng những pha... bò ngoạn mục qua những giàn giáo trên tầng cao chóng mặt.

Với một núi đôla, tài năng và máy vi tính, điện ảnh Mỹ có tham vọng tạo ra một thế hệ phim thần thoại vi điện tử. TERMINATOR (Người Máy Hủy Diệt) CHIẾC MẮT NẠ... đã vượt xa Tôn Ngộ Không và đẩy Tây Du Ký, Aladin Và Cây Đèn Thần, Trộm Mắt Phật... vào viện bảo tàng nghệ thuật.

Về kỹ xảo điện ảnh xưa nay không có gì sánh nổi Terminator. Phim có một lô giải Oscar về đủ thứ nghệ thuật nhưng kỹ xảo lạ lùng của máy vi tính đã đứng trên mọi giải thưởng. Nó có thể đập con người vỡ vụn thành trăm mảnh, rồi chảy thành nước và những giọt nước ấy tự tìm nhau, gom lại, nhóm lên thành một con người. Nó có thể bắn một viên đạn vào giữa mặt, lủng một lỗ to bằng nắm tay hoặc xé toạc thân thể của diễn viên Arnold Schwarzie như miếng giẻ rách rồi tự

động liền lại như bình thường. Một con người có thể biến thành nền gạch bông và ngược lại.

Không có gì là thần thánh cả.

Đó chỉ là sản phẩm của kỹ thuật số.

Nhưng phim Mỹ vẫn chưa dừng lại ở đó. Hai bộ phim TỐC ĐỘ và LỜI NÓI DỐI CHÂN THẬT (True Lies) đã leo lên tới đỉnh cao của sự giật gân.

Giật gân? Hai tiếng này đã nghe nói từ lâu lắm rồi, đã có hàng trăm phim giật gân được chiếu khắp thế giới trong suốt ba mươi năm nay, nhưng đứng cạnh LỜI NÓI DỐI CHÂN THẬT và TỐC ĐỘ thì ba mươi năm ấy đành run rẩy và tan biến vào hư vô. Hoàn toàn vô nghĩa.

o

Tình dục, quái đản, giật gân và... siêu quậy đó là những thuộc tính điển hình của phim Mỹ. Những điều thái quá, những "tác hại" của nó nhiều bài báo cũng đã phân tích. Nhưng bên cạnh những điều đó không ai có thể phủ nhận một sự đa dạng và độc đáo của đề tài, một kỹ thuật làm phim siêu đẳng của một nền điện ảnh khổng lồ ít ai sánh nổi.

37.



ĐÔNG VÀ TÂY

ĐÔNG và TÂY là hai ý niệm, hai phạm trù cực kỳ phức tạp, đa dạng và tương đối. Ý niệm Đông và Tây cũng như ý niệm về Thời Gian, nó là một quy ước do con người đặt ra và được cụ thể hóa bằng hình ảnh mặt trời mọc và lặn, bằng tên gọi các nền triết học, bằng sự gán ép các đặc tính nhân chủng.

NHỮNG Ý NIỆM TƯƠNG ĐỐI VỀ PHƯƠNG HƯỚNG.

Người châu Âu gọi các nước châu Á như Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ... là phương Đông nhưng ngày xưa thầy trò Đường Tăng từ Trung Quốc sang Ấn Độ thỉnh kinh thì gọi chuyến đi ấy là TÂY DU và gọi Ấn Độ là TÂY TRÚC.

Gặp một người Pháp, người Anh, Thụy Sĩ hay Ba Lan, Tiệp Khắc... chúng ta đều gọi một cách thân mật là "*thằng Tây*" nhưng đối với người Anh, người Pháp... thì Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungary là ở phương Đông.

Trong tiểu thuyết của Kim Dung có hai nhân vật lớn của võ lâm đó là Đông Tà (Hoàng Dược sư), Tây Độc (Âu Dương Phong) tượng trưng cho quyền lực của Đông và Tây nhưng nếu các nhân vật này có dịp sang Pháp, Italia hoặc Tây Ban Nha hành hiệp thì chắc cả Đông Tà lẫn Tây Độc cũng đều được các cao thủ võ lâm ở đó như Don Diègue, Spartacus hay hiệp sĩ Roland gọi là Đông phương đại hiệp.

Bây giờ ta đang đứng trên trái đất, ta quy ước với nhau rằng nơi mặt trời mọc là phương Đông, nơi nó lặn là phương Tây. Nhưng đừng quên khi mặt trời đang mọc trên đất nước tôi thì nó cũng đang lặn trên đất nước của người ở bên kia bán cầu. Và nếu ta ở trong một phi thuyền không gian bay vào vũ trụ thì mặt trời, mặt trăng, trái đất và những vì sao... cũng chỉ là những vật sáng nổi trôi trên một bầu trời đen kịt, không hề có ý niệm gì về chuyện nó lặn hay nó mọc, nó đang ở đằng đông hay ở đằng tây.

Những từ như VIỄN TÂY, VIỄN ĐÔNG, TRUNG ĐÔNG... cũng vậy. Chúng chỉ có tính cách quy ước, lâu dần thành thói quen và mỗi khi nghe nói đến

từ VIỄN TÂY lập tức trong đầu người ta hiện lên chữ far-west cùng một lúc với tên tiểu bang Texas và chú cao bồi nổi tiếng Lucky Luke.

Cũng vậy, từ VIỄN ĐÔNG được người châu Âu dùng để chỉ khu vực Đông dương vì thế mới có người gọi Sài Gòn là HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG. Nhưng đối với người Nga thì viễn đông có nghĩa là vùng cảng Vladivostock, là những hòn đảo của họ nằm sát nước Nhật.

NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ NHÂN CHỨNG

Đây là một lãnh vực mà nhiều người vẫn cho là có sự khác biệt rõ nét nhất giữa Đông và Tây: người phương Tây da trắng, người phương Đông da vàng, người phương Tây thiên về khoa học kỹ thuật, người phương Đông thiên về nội tâm, người phương Tây thực dụng người phương Đông thiên về lý tưởng, người phương Tây thích những cái cụ thể còn người phương Đông ưa những gì trừu tượng.

Về tính cách, người ta thường cho rằng người phương Đông trầm lặng, kín đáo, lễ giáo còn người phương Tây thì sôi nổi, thẳng thắn, bộc trực hơn.

Thực ra đó cũng chỉ là những nhận định tương đối. Tôi cho rằng sự phát triển của nền khoa học kỹ thuật và công nghiệp sẽ quyết định tính cách của một dân tộc chứ không phải yếu tố nhân chủng quyết định, càng không phải yếu tố PHƯƠNG ĐÔNG, PHƯƠNG TÂY quyết định.

Ví dụ như người Nhật. Đó là một dân tộc da vàng, châu Á và Phương Đông nhưng lối sống của thanh niên Nhật ngày nay (cũng như Đài Loan và Hongkong) giống hệt lối sống của thanh niên châu Âu châu Mỹ. Họ cũng sôi nổi, cũng thực dụng, cũng làm ra làm chơi ra chơi, họ cũng ăn Tết dương lịch, cũng đi như chạy trên đường phố, cũng chấp hành trật tự công cộng tự giác và nghiêm chỉnh. Tất cả những tính cách đó người ta thường gọi là tác phong công nghiệp.

NHỮNG KHÁC BIỆT TRIẾT HỌC

Đây là sự khác biệt mà người ta nói nhiều nhất và quan trọng nhất. Phương Đông có Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, Thích Ca. Phương Tây có Platon, Socrate, Aristote... Vào thời đại ấy người ta đã thấy hai nền triết học có những điểm khác biệt rõ nét. Câu nói nổi tiếng của Socrate "connais-toi, toi-même" (*hãy tự biết người*) cho thấy quan điểm lấy con người làm đối tượng nghiên cứu triết học. Trong khi đó Lão Tử ở phương Đông thì thuyết giảng về cái Đạo của trời đất, cái lẽ của tự nhiên: *Đạo thường vô vi, nhi vô bất vi... Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái...*

Nhưng đến Trang Tử, Khổng Tử, Phật Thích Ca thì triết học đã dần dần pha mùi trần tục. Thập nhị nhân duyên của Thích Ca, Nam Hoa Kinh của Trang Tử, Tứ thư, Ngũ Kinh của Khổng tử... đã bắt đầu kéo triết học từ trên trời xuống đất, đã phân tích mổ xẻ về kiếp người, về lẽ tử sinh, về thiện ác...

Đi xa hơn một chút, Khổng Tử còn muốn dẫn thân vào đời để bình thiên hạ.

Vì thế triết học Đông phương và triết học Tây phương tuy có khác nhau về phương pháp, về cách thức biểu hiện... nhưng tựu trung cũng là nghiên cứu về thân phận con người. Dù nhập thế (engager) hay yếm thế (dégager) thì cũng chỉ muốn nói về kiếp người. Dù coi đời là bể khổ (Thích Ca) hay cho rằng cuộc sống là phi lý (Sartre), dù quan niệm "sống là gởi, thác là về" hoặc "sống là lưu đày và chết là trở về quê nhà" (L'exil et le royaume / Camus) thì đó cũng đều là tiếng thở dài trong cõi nhân gian.

Vì thế, xét về bản chất thì triết học Đông phương và triết học Tây phương đều hội tụ về một mối, đó là sợi chỉ mỏng manh giăng qua vực thẳm mà con người hoặc khóc hoặc cười hoặc nhún nhảy bước qua.

Cho nên dù ĐÔNG hay TÂY thì vẫn là con người. Những sự khác biệt trong nhiều lãnh vực thực ra chỉ là cái bề ngoài, cái lối biểu hiện, cái cách bày tỏ.

Hướng mặt trời mọc hay hướng mặt trời lặn cũng chỉ là khoảng không đen của vũ trụ vô cùng.

Ngoài ra không là gì cả.



LỤC TÀI TỬ CAM RANH

Gười văn nghệ giang hồ gọi họ là: "Lục tài tử Cam Ranh". Trong sáu người thì có bốn cô gái trẻ và hai chàng trung niên thi sĩ. Bút danh của họ cũng giản dị: Trần Anh, Vĩnh Phúc, Lam Hạnh, Thúy Liên, Thanh Tuyền và Mai Trâm.

Người tôi gặp đầu tiên là Vĩnh Phúc. Thực ra tôi đã gặp anh một lần ở Sài Gòn trong một quán cà phê vỉa hè. Lúc ấy anh ít nói, có vẻ giấu mình. Tôi chỉ biết Vĩnh Phúc là một nhà thơ gốc Huế và sinh sống tại Cam Ranh. Hôm nay anh "bụi đời" hơn. Anh đi bộ giữa trưa nắng, tóc dài phát phơ, phong trần. Anh dẫn tôi vào "cửa hàng" của anh, một căn nhà nhỏ, một máy photocopy, hai máy vi tính, một đàn keyboard và một cây guitar cổ điển.

Những người khách đến để sao chụp giấy tờ, để nhờ nhập liệu các hợp đồng, các văn bản... chắc không ai biết anh là nhà thơ, là nhạc sĩ. Và đó không là những danh xưng sáo rỗng, những tên gọi mang tính hiếu hỉ.

Buổi chiều hai anh em chơi đàn với nhau trong khi chờ Lam Hạnh. Anh chơi keyboard còn tôi ôm cây guitar. Chúng tôi chơi nhạc Phạm Duy, Cung Tiến, Trịnh Công Sơn, Văn Phụng, Văn Cao... vài bản nhạc Nga và một ít cổ điển. Vĩnh Phúc sử dụng keyboard như một cây piano, anh đệm đàn đầy ngẫu hứng. Tôi chơi solo. Hai anh em đuổi bắt nhau.

Rồi Lam Hạnh đến. Chào anh. Giống hệt con gái tôi. Hai mươi lăm tuổi, mới học hết cấp ba, mà sao sử dụng ngôn ngữ thi ca tài tình đến vậy? Một khuôn mặt tròn dễ lẫn lộn với bất cứ cô gái Cam Ranh nào khác, sao có thể là tác giả của những bài thơ dữ dội mà chúng ta vẫn thường gặp trên website DA MÀU?
TRÊN NHỮNG Ô CỬA PHÂN MẢNH

Tôi thấy tôi trong bóng con ngựa chững tóc xù mang tên Ly
Nhà bỏ, đi hoang
Phi vào cái quầng sáng chớp lóa vàng tím

*Xập xình vũ trường đêm saxo man dại
Lưng trần đẫm mồ hôi, chân hồng bít tất
Ngày ngật hoang tưởng trong khói cần sa
Bầm môi nâu ly rum cay xé
Tôi thấy tôi trong hình cô sinh viên tình mát
Thả mình bóng tối ngày thứ bảy
Từng trái đàn bà
Sáng mai ra ngực trần chào gã đàn ông đêm qua
Lạ lắm, hỏi tên
Tôi thấy tôi tóc vấy tóc gió loạn cuồng trên xa lộ
Mây rất xa mà tử thần thật gần, chầm chậm
Hoang mang mộ huyết
Và nghi hoặc đốt cháy tôi đỏ phỏng mặt trời
Tôi thấy tôi trên những ô cửa kính 8x
Phân mảnh.*

Những bài thơ của cô gái trẻ này làm chúng ta ngạc nhiên vì mỗi dòng chữ là một con đường dẫn ta đến cảm xúc mới, bí ẩn, xa lạ và táo bạo.

- Tại sao vậy? Tôi hỏi.

- Đó là sự bùng nổ thầm lặng.

Nếu không đọc thơ của em, tôi không thể hiểu câu trả lời ấy.

Buổi tối chúng tôi ngồi nhậu với nhau trong một quán lá trên mặt ao lộng gió. Có thêm Trần Anh. Bỗng nhiên Mai Trâm đến. Tôi sẽ phải nói gì về em ngoài những dòng ngẫu hứng này?

MAI TRÂM

*Em bước vào làm bóng tối hỗn loạn
Xô đẩy tan tác
Đêm rách nát sau tiếng nổ lớn của gót hài
Những ánh đèn tự chọc vào mắt mình
Đứt bóng*

*Trăng rớt xuống sân, vỡ như gương soi
Máu nguyệt đọng chảy đen trần gian
Em đến thay cho vàng trăng thanh bình
Lấp lánh mắt môi*

Lấp lánh rặng như tinh tú.

*Mây vòng nguyệt
Nguyệt đen trên sao
Nguyệt dẫn dụ vào trong chiêm bao
Cúi mặt soi bóng sáng trên lông thỏ trắng
Ánh sáng run rẩy từ vàng trán
Mai Trâm*

*Mai Trâm một mâm ngọc trai
Nảy mầm hồn nhiên trong không gian tỳ bà
Một đêm cô đơn say, giăng tấm nguyệt
"Túy bất thành hoan thắm tương biệt"¹
Tiếng cười hoang mang trên mặt thời gian*

*Em ném ta vào biển kính ngọc
Vì thấy sao đầy trên sóng say khước
Vì thấy mắt đầy giữa đêm lạc đường
Xiêu đổ trong gió vô ảnh.
(thơ Đào Hiếu tặng MT)*

Trưa hôm sau uống cà phê với Thúy Liên cùng Lam Hạnh và Vĩnh Phúc. Sân vườn. Nhạc không lời. Tán lá và bóng nắng. Thật vui vì hai người đàn ông và hai cô gái trẻ không nói chuyện thi ca mà chỉ nói về những chòm lông. Cười ngặt nghèo. Chỉ có Lam Hạnh là im lặng. Tôi hỏi:

- Sao hiền khô vậy?
 - Em không hiền đâu. Em dữ lắm đó.
- Thúy Liên ngửa mặt cười:
- Lam Hạnh là xử nữ.
 - Sao thơ của em dữ dội quá vậy?

Lam Hạnh đáng yêu như con gái tôi. Nhưng tâm hồn Lam Hạnh đáng nể như "sư phụ" tôi. Hôm qua tôi thức rất khuya để viết mấy dòng về cô bé đất Cam Ranh này:

LAM HẠNH
*Cát biển ngủ trong nhiều ngàn năm
Không nghe tiếng sóng*

*Không nghe gió trườn qua núi đá
Ném lời thề tuyết vọng ngoài khơi xa*

*Bị sóng cưỡng hiếp triền miên, cát ngát xiu
Gió hú gọi suốt đêm không tỉnh lại
Nắng liếm láp trên những hạt ù lì
Chai cứng trầm tích vịnh cứu
Cát chết bị phơi trong tàn phé mặt đất*

*Trong cổ tích có cô bé 25 tuổi
Bước rụt rè một sáng sớm mộng寐
Bị dẫn dụ bởi giấc mơ khùng đêm qua
Thăm dò cát bằng bàn chân lạnh của mình
Đánh thức cát bằng giới tính nữ
Đánh thức cát bằng hơi hénh*

*Cát ngoe nguẩy
Lốm đốm mọc những mầm đá sắc nhọn
Nhú lên nhanh những xúc tu hoang đường
Tràn lan trên mặt đất nứt nở
Cát bình tĩnh hoan lạc vô độ
Hút hết nước của biển, hút hết gió của núi*

*Cô gái đi một mình trong bình minh
Cát uốn lượn, ngoan và hùng mạnh
Cát rùng mình khi bàn chân em chạm
Quần quai thở gấp và rên rỉ
Cát mềm như nhũ hoa đầy sữa mặn chát
Kêu lên khúc prélude biển ảo
Những ngón chân hồn nhiên kích thích sa thạch
Cát chết một tí năm còn biết hỗn hển
Còn biết tiết dịch bàng hoàng đầm đìa mặt biển
Tràn ngập sữa tươi Lam Hạch
Không đường*

*Cá chết trong biển kỳ lạ
Cá sợ hãi màu trắng, mọc cánh bay lên trời
Loài người khát, lao xuống biển
Ngụp lặn trong ảo giác trắng
Đầy tinh dầu hoa sữa
(thơ Đào Hiếu tặng LH)*

Tôi không có bài thơ nào tặng Thúy Liên vì cô nương ấy đã có chồng rồi (sợ bị đánh ghen chạy trốn chết!). Nhưng thơ Thúy Liên thì đơn độc. Một tâm hồn đã chín, cảm xúc đã chín.

*Em đắp bóng tối lên mình
mùa hạ khóa thân
giấu mặt sau những ngọn tóc lơ lửng sáng
màu kêu vang
sắc kêu vang
bí ẩn anh kiếm tìm mê mết
xé toang những cửa hẹp hạnh phúc*

*Em choàng lên vòng cổ những thanh âm
tiếng đàn trắng chảy đi từng giọt
giọt giọt gầy
dán lên nỗi nhớ ngu ngơ thiếu nữ
phủ đầy nụ mị em*

Thanh Tuyền có dáng vẻ của một dòng suối nhỏ róc rách.

Khi những tờ lịch cuối cùng thỉnh thoảng rơi bên thềm cũ. Mùa đông bưng mắt khóc ngất cố níu giữ vào đầu đó. Sùi sụt những cơn giông xám xịt ẩn ức bóng tối. Những bán mua thương lượng rẽ vào ngõ hẹp. Đợi chờ ngày ngọt những cơn say. Những người tình công trên lưng kỷ niệm nát nhàu. Thả đầy vực mơ hồ nghi hoặc
Vĩnh Phúc nói:

- Thanh Tuyền sắp đến.

Lúc ấy Phúc và Lam Hạnh đang ngồi trước computer. Hai người phải làm cái công việc thường ngày của một lao động bình thường vì sinh kế. Đó là điều đáng tiếc. Tại sao những người có tài như họ lại không được dành cho những công việc thích hợp hơn? Tôi ngồi sau lưng hai người. Tôi không nói chuyện vì họ đang tập trung vào công việc. Nhưng tôi chơi đàn. Tôi muốn bạn tôi làm việc trên nền nhạc nhẹ. Tôi muốn tiếp sức cho bạn, phục vụ cho bạn. Tôi muốn làm

một điều gì đó cho bạn.

Tôi chơi nhạc nhẹ. Giải tỏa stress. Giải tỏa những bề bộn cuộc sống. Một đôi lúc Lam Hạnh ngừng tay hát theo tiếng đàn.

Rồi Thanh Tuyền đến. Xinh xắn, khép nép. Thanh Tuyền là cô giáo dạy nhạc. Tôi hỏi:

- Em chơi nhạc cụ gì vậy?

- Em chơi keyboard.

Nhưng không phải lúc. Tôi cất đàn. Bảy giờ, chúng tôi ra quán lẩu dê. Trần Anh đến. Trong lục tẩu tử Cam Ranh ông là cây cổ thụ. Tóc dài, muối tiêu, phong thái kiêu bạc. Thơ ông cũng kiêu bạc. Ông là thầy dạy tiếng Anh nhưng lại làm việc cho một công ty hải sản. Tửu nhập ngôn xuất. Nhưng hôm nay ông ít nói dù ông cụng ly với tôi hết nửa lít "ngọc dương tửu".

Vĩnh Phúc uống rượu ít nhưng mê gái hơi nhiều. Nghe điện thoại réo liên tục, mới biết anh thuộc hàng cao thủ. Thật dễ hiểu. Anh đã cho tôi nghe cả mấy album ca khúc của anh. Có những bài thật rúng động. Độc thân, chơi keyboard và guitar đều giỏi. Đó là "cảnh giới" nhiều người mơ ước.

Cần gì giàu sang. Vì thi ca và âm nhạc là của cải trời cho. Anh có quá nhiều. Nếu hào sảng thì chia cho anh em một ít, để dành xài.

Sài Gòn, ngày 16.01.2009



TRUNG QUỐC ĐỎ VÀ ĐEN

Trung Quốc đọng lại trong ta màu đỏ của điệu múa lân sư rồng, của những lầu son gác tía, của quốc kỳ, của bão lửa hồng vệ binh bùng cháy trong Đại cách mạng Văn hóa vô sản.

Màu đỏ là thuộc tính của Trung Quốc. Và điểm tô cho cái nền đỏ vĩnh cửu ấy là màu vàng, xanh lam và lục. Nhà hàng nổi lớn nhất Hong Kong hãnh diện với cái bảng hiệu bằng tiếng Anh: "The most luxury restaurant in the world" là một bản giao hưởng lộng lẫy của những màu sắc ấy trên nền đỏ chói.

Sự tự hào về màu đỏ của người Trung Quốc chính là một trong những tính cách của dân tộc đông dân nhất thế giới này.

Đó là suy nghĩ của tôi và cũng có thể là của bạn.

Nhưng khi tôi đặt chân đến thành phố Quảng Châu, khởi điểm của một chuyến du lịch dài đến Vạn lý Trường thành, thì tôi mới biết rằng mình đã lầm.

Ở Hoa lục, màu chủ đạo trong kiến trúc là đen và trắng. Từ thành thị đến nông thôn, từ giàu đến nghèo, từ những đại gia trang cho tới những thôn làng nơi biên giới giáp với Lạng Sơn... nhà nhà đều lợp ngói đen và tường trắng.

Lưu Viên là một trang viên nổi tiếng của Trung Quốc được xây dựng cách đây 400 năm, là ngôi biệt thự sân vườn rộng lớn và tráng lệ. Thế mạnh của kỳ quan này là cây và đá.

Dưới đáy của Thái Hồ có những dòng cuồn lưu ngầm. Trong nhiều ngàn năm chúng đã xói mòn những tảng đá tạo ra những cái hốc có hình thù cổ quái. Ông chủ của trang viên này là Lưu Vinh đã thuê người lặn xuống đáy hồ, đục những tảng đá ấy lên, chở về để trang trí cho hoa viên của mình. Cho nên các hòn giả sơn của Lưu Viên không phải là những non bộ tầm thường như ta thường thấy. Nó vừa là tác phẩm của con người, vừa là công trình tuyệt kỹ của thiên nhiên.

Đá của Thái Hồ màu trắng. Và những mái ngói của Lưu Viên thì màu đen.

Cỏ cây xanh ngát, ôm ấp những lối mòn khuất nẻo, cô tịch. Đá chông chất đá. Hoa lung linh hoa. Cỏ óng ả, nhu mì, và nước thì trầm lặng.

Dự Viên cũng có tuổi 400 năm nhưng nhỏ hơn Lưu viên. Thế mạnh vẫn là đá. Vẫn là sự hài hòa u nhã giữa đen, trắng và xanh lá, xanh ngọc bích.

Lưu Viên và Dự Viên vẫn còn ôm ấp quá khứ trong lòng nó. Còn giữ nguyên cả những cơn gió se lạnh cổ kính và nét u tịch quyền quý của thâm cung. Còn lắng đọng một cung đàn, một dấu hài, một nét y thường.

Nhà tưởng niệm Tôn Trung Sơn ở Quảng Châu lợp ngói màu tím than, Hàn Sơn Tự nổi tiếng ở Tô Châu cũng ngói xám đen, còn những mái ngói của cố cung Bắc Kinh thì có màu lá úa cổ kính.

Gần như tôi không thấy có mái nhà nào màu đỏ.

Tại sao kiến trúc của người Trung Quốc ở Chợ Lớn, ở Mỹ, Pháp, HongKong... thì chuộng màu đỏ mà người Trung Quốc ở lục địa lại chuộng màu đen và trắng? Phải chăng tổ tiên của những cư dân ở các khu phố Tàu New York, Chợ Lớn hay San Francisco là những thương nhân, và từ lâu đời họ đã có thói quen chuộng màu đỏ biểu tượng cho sự phát tài?

Còn người Trung Quốc lục địa là lớp người thừa hưởng một chiều sâu văn hóa năm ngàn năm với non xanh nước biếc, với sông núi hùng vĩ u trầm? Và với Kinh Thi, Đường thi, với tranh thủy mặc? Chính vì thế mà tính cách và khiếu thẩm mỹ của hai lớp người Trung Quốc khác nhau rõ rệt.

Có người nghe tôi lý giải như vậy liền vặn hỏi:

- Vậy phong trào *Hồng vệ binh* không phải từ Hoa lục sao? Bọn họ cũng toàn là màu đỏ?

- Hồng vệ binh chỉ là đám con nít bị họ Mao sử dụng như một công cụ tay sai để đàn áp nhân dân Trung Quốc. Chúng chỉ là một lũ quái vật, sao có thể có được óc thẩm mỹ của một dân tộc vĩ đại như như dân tộc Trung Hoa?

Người nọ lại hỏi:

- Thế còn sự khác biệt giữa món ăn Trung Quốc ở hải ngoại và món ăn tại Hoa lục?

- Cái đó thì tôi chịu thua. Tôi đã từng ăn cơm Tàu ở New York, ở San Francisco, ở Paris, ở Chợ Lớn. Đó là những bữa ăn tuyệt hảo. Nhưng trong chuyến du lịch qua sáu thành phố lớn ở Trung Quốc, gần như tôi chỉ ăn cơm lạt.

- Tại sao vậy?

- Vì đồ ăn toàn là dầu mỡ. Những bữa ăn ấy do các Khách sạn ba, bốn sao

cung cấp nhưng đầy chất béo. Tôi phải ra chợ mua trái đào về ăn với cơm trắng và nước tương. Đó là những bữa ăn kinh hoàng. Tôi không bị bệnh tim mạch, không phải ăn kiêng. Nhưng thức ăn ở Hoa lục tôi đành bó tay.

Vậy thì khi người ta nói: "Ăn cơm Tàu ở nhà Tây, lấy vợ Nhật" là người ta muốn nói cơm Tàu ở hải ngoại hay cơm Tàu ở Hoa lục?



DƯ ÂM CỦA HOÀI NIỆM RỜI

Sau một chuyến đi, những gì vẫn còn ngân nga trong tâm tưởng? Tại sao vua Càn Long thường lặn lội vượt hàng ngàn cây số từ Bắc Kinh xuống tận Giang Nam bằng thuyền?

Đó là vì Giang Nam có Tô Châu và Hàng Châu.

Tô Châu không lớn và cũng không hiện đại. Nó không phải là phong cảnh. Nó là tranh sơn dầu. Là những mảng màu vẽ trên giấy dó, trên bố.

Tô Châu gom không gian lại thành những bố cục ấn tượng của Bùi Xuân Phái.

Nó không phải là một đô thị. Nó là một nơi để hẹn hò, để đàn đúm, để bù khú. Buổi tối đi qua những cây cầu đá nhỏ bắc qua dòng kênh sẽ thấy lô nhô đèn lồng, lô nhô những ô cửa vàng ngái ngủ hắt ánh sáng mờ đục xuống mặt nước. Sẽ tưởng tượng bên trong ô cửa hẹp là một nàng Tây Thi mặc xường xám đang ngồi gảy đàn tì bà.

Phố xá hẹp, tự sắp xếp thanh thân hai bên bờ kênh. Vía hè lát đá xám, những bậc tam cấp dẫn xuống mé nước. Xuồng gỗ như nét cọ sắc giữa vòng cung đen thẫm của những cây cầu đá nhỏ. Mái ngói xám lô nhô, so le, chập chùng.

Tô Châu mang khuôn mặt sơ khai của Hội An. Những đám mây của ba trăm năm trước vẫn còn quanh quẩn trên khoảng trời tím ngắt.

Tô Châu là thành phố của hoài vọng, của ngóng đợi người xưa trở về trên bến nước.

Tây Thi, Phạm Lãi, Câu Tiễn, Ngô Phù Sai...những cái tên đã chìm khuất trong ráng chiều, đã khô héo trong lịch sử. Đồi Hồ khuất tịch, lẩn trong cây cỏ. Phạm Lãi đã dẫn Tây Thi "quy ngựa cố sơn thu" cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm rồi, sao Câu Tiễn vẫn còn nằm đây, sao mộ của ông lại chìm khuất dưới dòng suối?

Hàng Châu là sự pha lẫn giữa hiện đại và cổ kính. Đi thuyền trên Tây Hồ mênh mông ta nhìn thấy những cao ốc ẩn hiện trong khói sóng. Nhưng Hàng Châu cũng có những rừng trúc đẹp tuyệt vời như trong phim Ngọa Hổ Tàng Long và những cái tên đầy ấn tượng: miếu Nhạc phi, tượng Tần Cối, Linh Ẩn Tự, Tô Đông Pha, Bạch Cư Dị, sông Tiền Đường...

Linh Ẩn Tự được xây dựng vào đầu thế kỷ thứ 7 và được trùng tu cách đây 600 năm. Chùa gồm nhiều tòa lớn, được xây trên các triền núi, mái ngói đen, thâm u, ẩn hiện trong rừng cây. Dọc đường lên núi là vách đá, có khắc những tượng phật chìm trong đá, xung quanh có tượng hổ báo, voi... đứng chầu.

Trong chùa có 580 pho tượng Phật được điêu khắc vào thời nhà Thanh (thế kỷ thứ 10). Đó là những kiệt tác nghệ thuật thể hiện 580 vị Phật, mỗi vị một phong thái riêng, một tính cách riêng, đủ mọi quốc tịch Ấn Độ, Nepal, Myanma, Lào, Campuchia, Sri Lanka, Trung Quốc, Tây Tạng... Có vị thì đứng, có vị ngồi, có vị nằm, có vị cười, có vị trầm tư, có vị đang luyện võ, có vị đang thổi sáo, đang đánh đàn... và tất cả 580 pho tượng đều làm bằng đồng đen. Mỗi pho tượng là một tác phẩm điêu khắc thiên tài!

Tây Hồ ở Hàng Châu thì người ta nói nhiều nhưng sông Tiền Đường đổ nước vào Tây Hồ thì ít người quan tâm có lẽ vì không đủ lòng thương tiếc một người đẹp như Thúy Kiều đã từng trầm mình và phục sinh nơi đó.

Và có mấy ai đi thuyền trên Tây Hồ mà trong hoài niệm còn vảng vảng thơ lãng mạn của Tô Đông Pha?

Hà sự trường hướng biệt thời viên?

Nhân hữu bi hoan li hợp,

Nguyệt hữu âm tình viên khuyết,

Thử sự cổ nan toàn.

Đãn nguyện nhân trường cửu,

Thiên lý cộng thiên quyên.

(Thủy Diệu ca)

Sao cứ biệt li thì trăng tròn? Đời người vui buồn li hợp. Trăng cũng đầy vơi mờ tỏ, xưa nay đâu có vẹn toàn. Chỉ nguyện đời ta trường cửu. Bay ngàn dặm cùng với thuyền quyên.

(Dịch thuật Nguyễn Hiến Lê)

Hay lắng nghe tiếng tỳ bà của Bạch Cư Dị:

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách

*Phong diệp địch hoa thu sắc sắc
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền*

*Túy bất thành hoan thắm tương biệt
Biệt thời mang mang giang tâm nguyệt
Hốt văn thủy thượng tỳ bà thanh
Chủ nhân vong quy khách bất phát.*

Đưa khách tại bến Tâm Dương vào lúc nửa đêm. Lá phong và hoa sậy nhuộm hơi thu hiu hắt. Chủ nhân xuống ngựa, khách dừng chèo. Cả hai cùng nâng chén rượu nhưng không có cây đàn. Uống rượu mà không vui, chia tay thì lại buồn. Phút biệt ly, trăng nhuộm vàng khắp mặt sông. Chợt nghe có tiếng đàn tỳ bà vang trên mặt nước. Cả chủ lẫn khách đều dừng lại, không muốn về nữa.

Đến Trung Quốc không thể không viếng Bắc Kinh. Bắc Kinh, Vạn Lý Trường Thành thì người ta nói nhiều rồi. Vậy hãy đến một nơi ở sâu tận dưới lòng đất: Đinh Lăng.

Đinh Lăng, lớn thứ ba trong quần thể Thập Tam Lăng, là nơi mai táng hoàng đế Minh Thần Tông Chu Dực Quân (hiệu Vạn Lịch) cùng hai hoàng hậu.

Phần mộ ngầm, sâu 30 mét, trong mộ có ba cái quan tài giả rất lớn, nơi để quan tài thật là một cái bệ đá và một cái giếng nhỏ nổi liền cối âm và cối dương.

Hai cánh cửa cẩm thạch nặng 4 tấn với then cài bằng đá hoa cương. Sau cánh cửa là một vạc dầu lớn được thiết kế như một cây đèn khổng lồ có đủ dầu để thắp sáng trong một ngàn năm. Nhưng nhà thiết kế đã quên một điều là khi cửa lăng khép lại, chôn vùi dưới độ sâu ba mươi mét thì ngọn đèn chỉ có thể sáng vài năm thì hết oxy.

Và nó đã tắt. Dầu đã khô cứng lại.

Người đời sau, khi khám phá ra cửa lăng, đào xuống thì gặp một giang sơn toàn đá cẩm thạch.

Tôi bước xuống những bậc thang, bàn tay chạm vào vách đá trắng tinh và ngạc nhiên thấy nó mát lạnh. Toàn bộ phần mộ rộng lớn như đang xì máy điều hòa không khí.

Đinh Lăng đơn giản mà sang trọng. Nhưng người ta nói với tôi rằng lúc mới phát hiện cửa lăng, khi bước vào hành lang người ta nhìn thấy hơn một trăm bộ

xương người. Đó là hài cốt của những người thợ xây lăng bị giết bằng một bữa tiệc có tẩm thuốc độc ngay tại hành lang này để họ đem bí mật của lăng tẩm xuống mồ.

Trung Quốc là một thế giới mênh mông của danh thắng và giai thoại. Ở đây chỉ ghi lại một chút hoài niệm được khơi dậy theo âm hưởng riêng của một nỗi niềm.



CƯỜI NGỰA XEM HOA KỲ

Nhiều người nói: "Đến Mỹ mà không thăm Las Vegas coi như chưa đến Mỹ. Độc nhất vô nhị trên thế giới."

Thực ra Las Vegas chỉ là một sòng bài diêm dúa, một sự phô trương đèn đuốc và những bảng quảng cáo.

Cái đáng chiêm ngưỡng lại nằm bên ngoài Las Vegas. Đó là sa mạc khô cằn mà chúng ta phải băng qua khi đến thành phố. Băng qua đó như băng qua một vùng đất của sao Hỏa. Không có núi xanh vì sa mạc chết. Chỉ có những ngọn núi màu tím, màu vàng, màu cà phê hay màu đen ánh bạc của quặng thép. Những ngọn núi nổi chập chờn trong mưa. Mưa sa mạc đến rồi đi, rồi lại đến. Đột ngột, gào thét và dịu dàng. Những cơn mưa làm cho sa mạc bớt nóng. Nhiệt độ bên ngoài đã tụt từ 140 xuống đến 75 độ F (khoảng 20 độ C). Sa mạc trải dài hai bên con đường nhựa đỏ, ngọn ngút một màu vàng xám lổ chỗ những bụi gai sắc nhọn, khô cháy.

Nếu không có sa mạc này thì Las Vegas không là gì cả. Hollywood, Disney Land cũng vậy, chúng chỉ là những khu giải trí dành cho trẻ con. Cái đáng tán phục ở Mỹ chính là những sân bay lớn như Los Angeles, Dallas, Kennedy... chúng như những vương quốc rộng lớn với nhịp sống vô tận. Hệ thống đường bộ của họ làm chúng ta bàng hoàng sợ hãi. Xa lộ ở tiểu bang California thẳng thang, năm tầng bẩy lớp, đường xẻ núi mà đi, lên đồi xuống dốc, băng qua sa mạc, vượt thung lũng. Đường trùng điệp, không biết đâu mà cùng, đường không có ngã tư, không có đèn xanh đèn đỏ, ra khỏi nhà là chạy, khoảng cách giữa hai thành phố không đo bằng kilômét hay bằng mile mà bằng cái đồng hồ. Đi trên xa lộ không có dịp để dừng tới cái thẳng. Cái thẳng có lẽ chỉ dừng để dừng xe lại khi đến nhà.

Ví dụ như đoạn đường từ New York đến Boston. Xa lộ đen, rừng xanh chập chùng, những trạm nghỉ chân ven đường tiện nghi như một khu du lịch. Và tính mạch. Bốn trăm dặm mà đi như chơi. Ba tiếng đồng hồ. Từ New York đi Boston là

từ rừng đến rừng, từ hoa nối hoa, từ cỏ nối cỏ, những thảm nhung xanh phủ kín mặt đất, còn nguyên những giọt sương sớm, nhà cửa mọc trên đồi xinh xắn như cổ tích.

Bắc nước Mỹ xanh và lạnh. Trung nước Mỹ vàng lúa mì mùa hạ và trắng xóa tuyết mùa Đông. Nam nước Mỹ, nhất là nam Cali – nơi có Sài Gòn Nhỏ – thì nóng, cần, sỏi đá, sa mạc... nhưng bắc Cali – nơi có thung lũng Silicone (San José) có cây cầu treo nổi tiếng Golden Gate (San Francisco) thì mát dịu, đất đai màu mỡ hơn, cây cối xanh tốt hơn.

Khách nước ngoài đến San Francisco khá đông, đa số là người Nhật và người đông Âu. Từ trên đồi có thể nhìn thấy biển, chỗ có cây cầu Golden Gate. Rừng thông ở đây giống hệt Đà Lạt. Đốc cao loang quanh giữa cỏ dại, sân golf ngay dưới lưng thấp, bên trái thấp thoáng một rừng nhà chọc trời sau lớp sương mỏng. Thành phố xây trên vùng núi đồi. Dấu tích của vách đá, sườn non còn để lại trên những con dốc sâu thẳm thẳm giữa hai hàng nhà chọc trời ngất ngưỡng, lấp lánh ánh bạc của những vật liệu kiến trúc hiện đại. Phố Tàu ở San Francisco đồ sộ, sạch sẽ, tự tin và kiêu hãnh bên cạnh một San Francisco của người Mỹ chính cống. Trong khi đó phố Tàu ở thành phố New York thì cũ kỹ, lộn xộn và ngập rác vào lúc nửa đêm.

Ở New York City cây cối không tranh nổi với bê tông cốt sắt. Từ hơn 200 năm nay cao ốc uy hiếp cây cỏ, chen lấn thô bạo những cánh rừng, những công viên, chúng huênh hoang trên những đại lộ, tranh ánh sáng với từng tán lá dưới thấp, đẩy cây cối vào các khe hở của chúng, vào kẽ vách của chúng. Ở New York City, người ta quên mất ý niệm về cây cối.

Nhìn từ nóc tòa nhà nổi tiếng Empire State Buiding ta mới kinh hoàng bởi khối lượng nhà chọc trời thiên hình vạn trạng của NewYork. Nó hoàn toàn xứng đáng là thành phố lớn nhất thế giới. Nhưng New York nhìn từ những góc ngách của phố phường thì quả là một sự quá tải của mọi thứ. Bên cạnh những tòa nhà cao ngất, lộng lẫy, hiện đại là những building năm bảy chục tầng nhưng nám khói, lở loét, cửa kính vỡ nát, hoang tàn. Bên cạnh những đại lộ thẳng tắp sạch sẽ với những cầu vượt hiện đại là những chiếc cầu sắt vô danh cũ nát đen nhem như đồng sắt phế thải. Bên cạnh những siêu thị rực rỡ, những nhà hàng khách sạn sáng choang là những dãy phố đầy rác bẩn của ChinaTown, của khu Harlem. Tôi nghĩ là người Mỹ dư tiền để xây dựng một thành phố New York hoàn chỉnh hơn, toàn bích hơn, nhưng dường như chính quyền đã bất lực trước một thành phố quá

rộng lớn, quá bề bộn, quá đa dạng. Họ kiểm soát không nổi, họ bỏ mặc những nơi quá sức quản lý của họ. Một người bạn từng sống lâu năm tại New York bảo tôi: "Cảnh sát rất ngại đến khu vực của các nhà hàng Ý. Họ sợ đối đầu với đám Mafia ở đó." Còn ở Phố Tàu thì sao? Dường như họ chỉ có mặt trên đường phố để điều khiển giao thông. Phần lớn cảnh sát giao thông ở China Town đều là phụ nữ da đen.

Tất nhiên thành phố New York vẫn có những công viên rất đẹp và rất nhiều bóng cây, nhưng nếu ra khỏi thành phố, từ những freeway nhìn ngoái lại, ta chợt kinh hoàng nhận ra New York không phải là một thành phố của hành tinh này nữa. Nó như những dãy núi đá nối tiếp nhau chập chùng, trơ trụi, không một bóng người, không cây cối, không tiếng động. Đó chỉ là một dãy đá tảng khổng lồ, lô nhô, tìm thấy trên một hành tinh xa lạ, lạnh giá và hoàn toàn chết lạng dưới ánh nắng chói chang của mặt trời. Đó là một thành phố đã chết, đã hoang phế từ một ngàn năm rồi. Không ai ngờ là nó đang sống. Sống dữ dội. Sống hối hả. Sống rục rỡ. Sống hết những gì nhân loại có thể sống. New York có đủ những gì nhân loại có thể có. Và có cả những cái nhân loại chưa từng có.

Đó là thành phố New York nhìn từ mắt của một nhà văn da vàng lạc hậu như tôi, hoàn toàn phiến diện, hoàn toàn thiếu sót. Bởi vì trong một buổi sáng sớm từ tiểu bang Connecticut đến New York city, anh bạn tôi đã qua lỗ một cái exit trên freeway và lập tức chúng tôi bị lạc vào khu ngoại ô New York. Đó là một thế giới hoàn toàn khác. Một vùng như thể cây quỳnh cành dao. Chúng tôi lạc trong rừng. Nhưng đó là khu dân cư, với những ngôi biệt thự xinh xắn nằm rải rác trên những đồi cỏ xanh bóng cây, rục rỡ hoa, ngân nga sự tĩnh lặng sang cả của thiên đường. Đó là khu vực của người da trắng. Một New York khác, ẩn dật, trầm mặc và riêng tư. Vậy thì sẽ còn bao nhiêu New York khác nữa? Bao nhiêu thế giới khác nữa?



ĐÀO HIẾU QUÊ MỘT CỤC

Có một đạo lão Đào Hiếu rất buồn. Bạn bè lão người nào cũng làm quan lớn, kẻ thì chủ tịch, người thì giám đốc, tề tể cũng được chức trưởng phòng hay trưởng ban gì đó, còn lão thì suốt đời làm nhân viên quèn, nói nôm na là làm lính. Lão nghĩ mình cũng chẳng phải là một thằng cù lần hay thất học vậy mà ông trời không ngó lại.

Ngày nọ như chợt tỉnh cơn mê, lão nhớ câu: "nhân định thắng thiên", bèn quyết định gom góp tiền bạc ráp tâm mở công ty, tự nghĩ: nếu trời không cho ta làm giám đốc thì ta mở công ty tự xưng làm giám đốc vậy. Bèn đem một gói bạc đến cửa quan xin mở công ty. Quan nói phải có 300 triệu để làm vốn điều lệ. Đào Hiếu đã chuẩn bị sẵn, liền đưa ra. Quan lại hỏi:

- Hiện giờ người đang làm gì?
- Làm nhân viên nhà nước.
- Thế thì không được. Luật pháp cấm nhân viên nhà nước làm kinh doanh.

Đào Hiếu "quê" quá, lủi thủi ra về.

Đó là lần quê thứ nhất.

o

Hai năm sau tới tuổi nghỉ hưu, ý muốn làm giám đốc lại trôi dạt. Lão lại vác đơn đến cửa quan nhưng lần này quy định về vốn điều lệ đã thay đổi: từ 300 triệu tăng lên 600 triệu. Đào Hiếu lại tiu nghỉu ra về, nghĩ chắc đời mình không có số làm quan.

Ngày nọ lão tức khí muốn "vượt lên số phận" một lần nữa, bèn đem 300 triệu đi mua một chiếc ô tô con. Tuy nó đã qua sử dụng nhưng vẫn còn bóng loáng sang trọng. Lão nghĩ: mình ăn mặc chỉnh tề, lái chiếc xe này ra phố, oai phong có thua gì giám đốc.

Sáng chủ nhật lão diện một bộ cánh thật đẹp: áo bỏ vô thùng, cài măng-sét, thắt cà-vạt, đi giày da. Lão mời thê tử lên xe dạo phố nhưng họ đều bận việc bếp

núc. Đào Hiếu bèn rủ cháu nội, năm ấy cô bé đã bảy tuổi. Nó hỏi:

- Đi bằng gì?

- Xe hơi.

- OK.

Cháu nội vui vẻ lên xe, ngồi ngay phía trước, cạnh ông nội.

Đào Hiếu thắt dây an toàn, ngắm mình trong kính chiếu hậu rồi hỏi cháu nội:

- Xe đẹp không?

- Quá đẹp.

- Ông nội đẹp không?

- Quá đẹp.

- Con nhìn kỹ ông nội đi. Thế nào? Ông nội trông có giống giám đốc không?

Cháu nội ngắm nghía một lúc. Rồi nói:

- Không.

- Thế thì giống ai?

- Giống tài xế taxi.

o

Quê quá, lão Đào Hiếu già chẳng thêm ngó ngang gì tới chiếc xe hơi nữa.

Đầu năm mới có cô em họ đến chúc Tết. Nàng ta còn trẻ, trạc bốn mươi tuổi, có bằng thạc sĩ, nói tiếng Anh như gió. Thấy ông anh mình không được vui, nàng ta nói:

- Đồi anh không làm quan lại hay. Ung dung tự tại, chẳng phải luôn cúi ai.

Thấy cô em ăn nói chững chạc lão Đào Hiếu liền nổi hứng xổ bầu tâm sự:

- Tuy anh không làm quan nhưng anh cũng thành công trong sự nghiệp văn chương. Tác phẩm của anh được nhiều người đọc, nhiều cuốn rất nổi tiếng. Thiên hạ khen nức nở. Chẳng lẽ không có giá trị hơn bọn quan lại sao?

Cô em họ cười mím:

- Anh lại ảo tưởng nữa rồi. Trong mười người khen, may ra có một người đọc anh. Chín người kia chỉ lướt qua vài trang đầu, vài trang giữa rồi vài trang cuối. Thấy người ta khen cũng hòa theo mà khen. Thực ra họ không đọc đâu.

Đào Hiếu bắt đầu thấy quê. Lão gỡ gạc:

- Nhưng những bài báo của anh, những bài tiểu luận nổi tiếng từng gây tranh cãi dữ dội thì sao?

- Những bài đó thì họ có đọc vì nó ngắn.

- Và họ rất ca ngợi anh. Họ là các "fans" của anh, họ hâm mộ anh vô cùng.
- OK. Nhưng chưa chắc đã vì anh viết hay mà vì anh đã "chửi" thay cho họ.
Thế thôi. Nhưng nếu anh bị bắt, bị tù thì họ quay lưng đi ngay.
Câu này thì làm Đào Hiếu quê thật sự. Quê như con dê!
Té ra lão ta chẳng có giá trị gì cả.

Lão buồn tình đi tản bộ ngoài bờ sông. Hôm đó là sáng mùng một Tết, nhưng lòng lão nặng trĩu một nỗi cô đơn thê thảm. Chợt nhớ tích xưa khi Tần Thủy Hoàng chết, thừa tướng Lý Tư bị bọn hậu duệ của Tần Thủy Hoàng xử trảm. Trước khi chết Lý Tư ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Ta chỉ muốn khi về hưu, chiều chiều dắt con chó vàng đi dạo chơi trên bờ sông. Vậy mà cũng không được rồi!

Đào Hiếu cảm thấy mình còn may mắn hơn Lý Tư, bèn vội vàng chạy về nhà. Khi đứng trước cổng lão huyết sáo gọi chó. Nó chạy ra cổng, ngoắc đuôi lia lịa, nhảy chồm lên kêu ăng ăng. Lão mở khóa cổng, những tưởng nó sẽ chồm lên liếm mặt lão, nhưng không, nó vọt ra, biến mất. Lão ngoái nhìn, thấy nó đang cặp kè với một con chó cái. Đôi trai tài gái sắc ấy vừa chạy vừa âu yếm nhau rất mùi mẫn.

Lần này thì lão nhà văn họ Đào quê một cục. Tự thấy mình không bằng một con chó cái.



NHỮNG BÔNG HỒNG MUỘN

Cha và Mẹ, đó là tiếng chúng ta nói hàng ngày nhưng ít ai để ý đến sự thiêng liêng, sự đắm thắm và tình cảm sâu nặng ẩn chứa trong hai tiếng ấy...

Một người bạn kể: "Hồi còn chiến tranh, trong một trận truy quét tôi nhìn thấy kẻ địch tháo chạy phía trước, trên một lối mòn. Tôi bắn đuổi theo, hấn bỏ lối mòn chạy băng vào một vùng gò đồng. Nhưng đó là một bãi mìn. Tiếng nổ bùng lên. Và tôi nghe tiếng la của hắn: "Chết con rồi, cha mẹ ơi!". Rồi im lặng. Tôi hiểu đó là tiếng gọi cuối cùng của một con người. Tiếng gọi ấy suốt đời làm tôi ray rứt"

Một người bạn khác của tôi ngụ trên lầu bảy một cao ốc. Vợ anh vừa sinh đứa con đầu lòng và anh phải nhờ mẹ từ dưới quê lên giữ con giúp. Mỗi chiều đi làm về, ngang qua đó, ngược lên lầu bảy tôi đều nhìn thấy người mẹ già còm cõi kia bồng đứa cháu nội đi qua đi lại nơi hành lang trên tầng cao chót vót. Hành lang đó hẹp như cái lồng chim. Và người mẹ suốt ngày cứ luẩn quẩn trong cái không gian buồn thảm ấy.

Đó là hình ảnh xót xa về người mẹ.

Và những người già bán vé số, bán kẹo cao su trong các quán ăn?

Và những bà lão ăn xin trên hè phố?

Đó cũng là những người mẹ. Nhưng con của mẹ đâu?

Có bông hồng nào dành cho những người mẹ ấy không?

Tôi cũng đã không có bông hồng nào dành cho mẹ tôi.

Lúc ấy chiến tranh đã đưa tôi đi rất xa. Khi tôi trở về bước vào căn nhà của mẹ, thấy hoàn toàn im lặng. Tôi đi từ nhà trước ra nhà sau, không một bóng người. Đến khi tôi đẩy cửa bước vô căn buồng nhỏ nơi mẹ tôi thường nằm thì nghe có mùi gì rất lạ. Căn buồng tối quá, tôi phải mở cánh cửa nhỏ mới nhìn rõ được mọi thứ trong đó. Chiếc giường nhỏ kê sát vách không có ai nằm. Một chiếc gối nhỏ và chiếc mền cũ màu xám tro. Tôi đến bên giường, vừa đặt tay lên gối thì

một đám bụi bốc lên. Trên chiếu lờ mờ hiện lên những vật gì màu nâu. Tôi cúi xuống. Các bạn có biết đó là cái gì không? Đó là phân người. Trong những ngày cuối đời mẹ tôi đã già yếu đến độ không còn kiểm soát được việc đi tiêu đi tiểu của mình. Vậy mà bà vẫn sống thui thủi như thế với ngọn đèn dầu hiu hắt từng đêm, với những con thằn lằn hiền lành thường mon men đến gần xin vài hạt cơm đổ.

Những người hàng xóm kể lại rằng khi bà đi xuống bếp lục cơm nguội ra ăn, với tay lấy chai nước mắm chan vô chén cơm, hóa ra đó là chai dầu lửa. Bà nhai miếng cơm trộn trạo trong miệng một lúc mới nghe được mùi hôi và ói ra đầy giường.

Xế chiều buồn quá bà ngồi dậy quơ lấy cây gậy tre, từng bước chống đi, dò dẫm đến những nhà quen ở đầu chợ. Có lần tôi đi tìm bà nhưng bà cũng không nhận ra tôi nữa. Lúc tôi chạy đến ôm bà, bà mới nhận ra hơi hương của tôi. Bà sờ lên đầu lên mặt tôi và hỏi:

- Con đây hả?

- Con đây mẹ ơi, sao mẹ đến nỗi này?

Thế là bà khóc. Tôi cũng khóc. Buổi chiều đó tôi cõng mẹ tôi từ ngoài chợ về nhà. Những người trong làng đổ xô ra xem, xem đứa con lưu lạc cắp cây gậy tre trong nách cõng mẹ đi qua thị trấn. Hàng xóm chạy đến giúp tôi dọn dẹp nhà cửa.

Lúc ấy cha tôi đang ở một nơi khác, với một gia đình khác.

Hết chiến tranh, tôi trở về một lần nữa, và mẹ tôi đã không còn.

Mẹ tôi đã chết mà không có tôi bên cạnh. Mẹ tôi đã nuôi dạy tôi trong suốt bao nhiêu năm dài nhưng cả đời tôi chưa có gì cho mẹ cả dù chỉ là một bông hồng nhỏ bé.

o

Cha tôi mất năm năm sau đó. Buổi sáng cuối cùng tôi từ Sài Gòn về quê thăm ông, hai cha con ngồi bên bếp lửa nhỏ. Sáng mùa đông ở miền Trung trời rất lạnh, ông trùm đầu bằng một chiếc khăn lông màu trắng đã cũ, ông nhắc lại những kỷ niệm về mẹ tôi, về ông nội tôi, về những trận lũ lụt tràn qua làng. Tôi ngồi nghe, thương ông già yếu nhưng trong đầu tôi không hề có ý nghĩ rằng đó là buổi gặp gỡ cuối cùng. Hôm trở về tôi mang tặng cha một chai rượu. Một người bạn nói đó là rượu nho do người nhà cô cất. Hồi đó nhu yếu phẩm rất hiếm nên có được chai rượu làm quà, tôi rất mừng. Cha tôi nói để khui ra uống thử. Chỉ là một chai nước lã có màu.

Đó là món quà đầu tiên trong đời làm con của tôi tặng cho cha ruột của

mình. Ngoài ra không hề có gì cả dù chỉ là một đồng bạc, đừng nói tới một bông hồng.

Tôi mang nỗi ân hận về chai rượu ra đi. Hai cha con chờ nhau trên chiếc xe đạp từ trong làng đi ra quốc lộ 19. Gần đó có một cái đồi trọc, hai người dẫn xe lên đó ngồi chờ xe đò. Những chiếc xe cũ kỹ chạy bằng than đá lạch bạch đi qua đó. Chúng tôi chia tay nhau. Không khóc, không ôm nhau, nhưng lòng tôi tràn ngập nỗi buồn. Hồi ấy tôi nghèo quá, cha tôi còn khốn cùng hơn. Ông gầy yếu đen đúa và run rẩy. Ông đứng trên đồi nhìn theo tôi, không vẫy tay, không một tiếng nói, ông đứng như pho tượng đá ngóng nhìn vào hư vô. Một chút sương sớm phảng phất trên mái tóc bạc. Nắng chưa lên và một chút gió vẫn còn hiu hắt.

Chiếc xe đò mang tôi đi.

Tại sao tôi lại phải đi?

Cũng như những đứa con khác trong cuộc mưu sinh khốn nạn của kiếp người, tôi đã phải ra đi.

Giờ đây tôi có thể ra ngoài chợ mua một trăm cái bông hồng nhưng đâu còn cha mẹ. Mà nếu còn thì có lẽ song thân tôi cũng không cần những bông hồng ấy. Người chỉ cần sự có mặt của tôi bên cạnh người, ít ra thì cũng trong giờ phút lâm chung.

Nhưng điều đó vĩnh viễn đã không bao giờ có được.



THAY LỜI BẠT

Đào Hiếu thuộc loại nhà văn trưởng thành sau 30 tháng 4. Văn Đào Hiếu có hai giai đoạn khá tách biệt. Giai đoạn trước 1986 với những bước đi thận trọng, chậm rãi, "khuôn phép" của: Bầy Chim Sẻ, Giữa Cơn Lốc, Qua Sông... Giai đoạn sau 1986, anh viết ào ạt, phóng túng, đa dạng: Vượt Biển, Vua Mèo, Người Tình Cũ, Hoa Dại Lang Thang...tưởng như đùa cợt, nhưng lại nghiêm túc. Bạn đọc, nhất là giới trẻ thích văn Đào Hiếu ở cả cái anh muốn chiều người đọc và cả cái anh muốn "ngoại tình" trong mỗi tác phẩm một cách liều lĩnh. Phải chăng chất khôn truyền thống của người Bình Định đã thấm tới tận đầu bút của Đào Hiếu: Con thuyền nào đi cũng tốt, miễn là qua được sông?

Để bạn đọc hiểu hơn về Đào Hiếu, VĂN HỌC VÀ DƯ LUẬN thực hiện cuộc trao đổi nhỏ với anh.

1) Là nhà văn quen thuộc với bạn đọc thành phố Hồ Chí Minh, xin anh cho biết ý kiến về người đọc và người viết thành phố?

ĐÀO HIẾU: Trước đây, tôi có viết một số bài báo như "Nhà văn hay nhà ăn" (Báo TN), "Viết, đọc và xuất bản sách" (Báo TN), "Văn chương minh họa", "Chuyện nhảm nhí", "Những ranh giới trong văn học" (Báo PN)... Xin tóm tắt mấy ý chính: Hiện nay, người biết đọc sách thì không đọc (vì không tiền, vì thờ ơ) người không biết đọc sách thì lại chịu đọc, nhưng chỉ đọc để biết cốt truyện hoặc đọc để tìm đồng minh chống tiêu cực.

Còn người viết? Nhiều người "chạy sô" quá nên họ không để ý đến chất lượng. Khi nào họ yêu tác phẩm của mình thì có tác phẩm hay. Thí dụ như Trần Thanh Tâm thành công với LÃO MƯỜI BỪNG, Nguyễn Nhật Ánh với CHUYỆN CỔ TÍCH DÀNH CHO NGƯỜI LỚN, Đoàn Thạch Biền có cuốn TÌNH NHỎ LÀM SAO QUÊN viết rất độc đáo.

2) Thời gian vừa qua, dư luận ồn ào về một số nhà văn và tác phẩm như là một sản phẩm của phong trào, như vậy là đề cao hay hạ thấp các nhà văn này?

ĐÀO HIẾU: Phong trào hay không phong trào, thời sự hay không thời sự, chủ đề hay không chủ đề... điều đó không quyết định giá trị căn bản của văn học. Văn học là tính cách, là ngôn ngữ, bút pháp, là góc độ thể hiện... Nhà văn nào xoàng xĩnh trong các phạm trù ấy thì hẳn viết con voi cũng thành con chuột nhắt, hẳn có viết chuyện thời sự nóng bỏng cũng thành chuyện đã xưa rồi, hẳn có viết chủ đề lớn cỡ nào cũng thành nhà quê, lảm cẩm. Viết văn là đùa với ngôn ngữ nhưng lại không đùa. Giống như Lệnh Hồ Xung đánh kiếm vậy. Vô chiêu mà thắng hữu chiêu, muốn thu thì thu, muốn phát thì phát. Áo diêu vô lượng.

3) *Cuốn HOA ĐẠI LANG THANG có nhân vật Thăng Hề và chủ tịch quận làm cho một số người cho rằng anh chỉ định vào nguyên mẫu nào đó ngoài đời. Ý của anh?*

ĐÀO HIẾU: Chủ tịch quận trong HOA ĐẠI LANG THANG là nhân vật rất phụ. Tất nhiên cũng phải có nguyên mẫu trong cuộc đời. Nhưng "mẫu" với tôi chỉ là loại hình nộm, viết xong thì vứt đi, nên tôi không để tâm đến những lời dị nghị.

Nhân vật chính mà tôi yêu mến nhất trong HOA ĐẠI LANG THANG là thăng hề. Nó "hề" mà trí thức. Nó đã trải qua những cuộc chiến tranh, những chế độ chính trị, từng giết người nhưng cũng từng thất tình, từng say mê tôn giáo, triết học cũng như chính trị. Nó kết bạn với nhiều hạng người: giáo sư, nhà văn, chủ tịch quận, nhà sư, nhà kinh doanh... và nó hiểu tất cả chỉ là nhảm nhí. Nó không mong gì hơn được làm thăng hề giữa cuộc đời.

4) *Đọc sách của anh thấy khá rõ cùng lúc chú trọng tìm tòi nghệ thuật thể hiện, anh cũng muốn phấn đấu trở thành sách bán chạy. Liệu hai mục tiêu này có mâu thuẫn khi có nhiều ý kiến cho rằng hiện nay sách cao cấp thì bị ế, còn sách cấp thấp thì bán chạy?*

ĐÀO HIẾU: Cuốn TRONG VÒNG TAY NGƯỜI KHÁC của tôi là sách bán chạy, nhưng tôi rất hài lòng về chất lượng nghệ thuật của nó. Nhật Tuấn bảo nó có "tầm cỡ quốc tế". Có thể anh thương tôi, "thối" một tí cho vui, nhưng thật sự nhiều bạn trong nghề cũng thích, và quần chúng bình thường cũng chịu đọc (tôi vừa tái bản và cũng bán hết). Trong khi đó VUA MÈO cũng được bè bạn khen hết lời nhưng bán vẫn ế. HOA ĐẠI LANG THANG cũng ế. Thật là quý quái! Có khi người ta mua chỉ vì cái tên sách, hoặc cái hình bìa!

5) *Bạn bè, đồng nghiệp không hề đánh giá thấp các tác phẩm của anh, nhưng giới phê bình dường như không đã động đến anh. Điều này có ảnh hưởng đến sáng*

tác?

ĐÀO HIẾU: Nguyễn Tuân rất ghét giới phê bình. Còn người Pháp thì nói: Khi rượu quá tồi thì nó biến thành dấm (avec le mauvais vin, on fait du bon vinaigre). Ý nói kẻ nào không biết viết văn thì làm nhà phê bình. Thực ra phê bình đòi hỏi trình độ cảm thụ tác phẩm, am hiểu nghề văn, đòi hỏi sự tinh tế của tâm hồn. Hiện nay ở ta có một số nhà phê bình thuê (giống như đi chửi thuê hay đi đánh ghen thuê) và những kẻ bè phái tâng bốc nhau vì mưu đồ cá nhân.

6) Anh cầm bút vì một thiên chức nào đó. hay vì nghề nghiệp, hay vì... sự trần trở?

ĐÀO HIẾU: Tôi rất ghét những từ như thiên chức, trần trở. Tôi chẳng trần trở gì ráo. Sắp già rồi, tôi hiểu tim đen của cuộc sống, thế thì có gì phải trần trở. Tôi lang thang trong đời và viết những gì mình thích.

7) Xin anh cho độc giả biết đôi nét về mình?

ĐÀO HIẾU: Cảm ơn anh đã cho tôi dịp để khoe khoang một chút: Tôi quê ở Tây Sơn, Bình Định. Tốt nghiệp cử nhân văn chương cách đây hai mươi năm nên bây giờ quên hết rồi. Coi như biết đọc biết viết. Nhưng chính "biết đọc" và "biết viết" là tôi nói dóc chứ hai thứ đó cực kỳ khó.

Hồi trước, không có tiền xài, bung ra làm kem đánh răng, nấu nhôm, làm sành sứ, mở quán... nhưng cũng chẳng ra sao nên dẹp tiệm cả rồi. Có lẽ năm nay xoay qua viết báo.

Trước giải phóng, tôi đã viết truyện ngắn và tiểu thuyết đăng trên Bách Khoa, Điện Tín... Từ năm 1975 đến 1986, in Giữa Cơn Lốc, Bầy Chim Sẻ, Qua Sông, Một Chuyến Đi Xa. Từ năm 1987 đến nay, tôi viết khá nhiều, viết giỡn chơi, khi khóc, khi cười, lắm nhảm: Vượt Biển, Vua Mèo, Người Tình Cũ, Kẻ Tử Đạo Cuối Cùng, Trong Vòng Tay Người Khác, Hoa Dại Lang Thang, Thung Lũng Áo Vọng...

Anh có thể nói thêm đôi điều về kỷ niệm đời viết văn?

ĐÀO HIẾU: Kể chuyện vui thôi. Hôm đi dự đại hội nhà văn ngoài Hà Nội, tôi có gặp anh Khuất Quang Thụy, anh nói: ông viết cuốn Vua Mèo lạ quá. Có đọc nhau mới gần nhau được. Lần ấy, lên Lạng Sơn, Gặp một anh xe thồ dẫn tôi sang biên giới Trung Quốc, không ngờ anh cũng đọc Vua Mèo rất kỹ, nhớ từng chi tiết. Đó là những cảm tưởng của tôi về bạn văn và quần chúng ngoài Bắc.

Anh Cung Tích Biền hôm rồi có đến quán bia tôi chơi. Anh nói trăm câu thì chín mươi chín câu ca ngợi Vua Mèo là "*một tác phẩm vĩ đại. Nhân vật Vua Mèo*

cực kỳ lớn". Về sau tôi mới biết anh đi uống bia mà quên đem theo tiền.

NGUYỄN MẠNH TUẤN *thực hiện*

(Trích tạp chí VĂN HỌC VÀ DỮ LUẬN)